

MỤC LỤC

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON.....4

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Khoa Giáo dục mầm non

NHỮNG YÊU CẦU KHI XÂY DỰNG CÁC BÀI TẬP TÌNH HUỐNG TRONG HỌC PHẦN PHÒNG BỆNH VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ.....9

ThS.BS. Hoàng Thị Thương Huyền, Khoa Giáo dục mầm non

KỈ LUẬT TÍCH CỰC VÀ BIỆN PHÁP TRONG GIÁO DỤC TRẺ TẠI TRƯỜNG MẦM NON.....13

ThS. Trần Thị Yến, ThS. Nguyễn Thị Minh Phương, Khoa Giáo dục mầm non

HOẠT ĐỘNG SẮP XẾP THEO QUY LUẬT Ở TRƯỜNG MẦM NON20

ThS. Hoàng Diệu Thúy, Phòng Công tác sinh viên

EHON – HẠT GIỐNG TÂM HỒN CHO TRẺ EM28

TS. Hoàng Thị Lan, ThS.Trần Bích Ngọc

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHOA GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỌC CHẾ TÍN CHỈ ...333

ThS.Đinh Hương Ly, Khoa Giáo dục mầm non

GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG HIỆN NAY477

ThS. Nguyễn Thanh Thủy, ThS. Nguyễn Thị Phương, Khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp

NHỮNG KHÓ KHĂN, BẤT CẬP KHI GIẢNG DẠY MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN555

TS. Đỗ Thị Thanh Loan, Phòng Tổ chức – Hành chính

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀO GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....611

TS. Nguyễn Thị Thanh Nga, Khoa Giáo dục đại cương

TÂM LÝ HỌC – SINH LÝ HỌC LÚA TUỔI

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ CAN ĐẢM (AQ) CHO TRẺ MẦM NON..... 688

ThS. Lê Hồng, Khoa Giáo dục mầm non

THỰC TRẠNG TRẺ BÉO PHÌ, NGUYÊN NHÂN VÀ BIỆN PHÁP744

ThS.BS. Đặng Thị Thu Hà, Khoa Giáo dục Mầm non

THỰC TIỄN GIÁO DỤC

MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG VIỆC RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SO SÁNH CHO TRẺ MẪU GIÁO LỚN.....79

ThS. Nguyễn Thị Minh Phương, ThS. Trần Thị Yến, Khoa Giáo dục Mầm non

KỂ CHUYỆN TRONG LỚP HỌC WALDORF STEINER.....855

Nguyễn Cẩm Giang, Khoa Giáo dục mầm non

BIỆN PHÁP RÈN KỸ NĂNG ĐỌC, KỂ DIỄN CẢM TÁC PHẨM VĂN HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON.....89

TS. Lê Thị Kim Cúc, Khoa Giáo dục Mầm non

PHỐI HỢP VỚI CHA MẸ VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON.....966

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Khoa Giáo dục mầm non

MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN HỨNG THÚ NHẬN THỨC CHO TRẺ 4 – 5 TUỔI TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY TRẺ SẮP XẾP THEO QUY LUẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON.....1011

ThS. Hoàng Diệu Thuý, Phòng Công tác Sinh viên

THẢO LUẬN NHÓM - HÌNH THỨC HỌC TẬP HIỆU QUẢ TRONG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ 1133

ThS. Nguyễn Thị Hương Giang, ThS. Nguyễn Trung Hiếu, Khoa Giáo dục mầm non

ỨNG DỤNG MẠNG XÃ HỘI EDMODO ĐỂ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP11818

ThS. Nguyễn Thị Phương, ThS. Nguyễn Thanh Thủy, Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp

MỘT VÀI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH, THỰC TẬP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON.....1266

ThS. Ninh Thị Huyền, Khoa Giáo dục Mầm non

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC



NHỮNG ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt

Việc lập kế hoạch giáo dục của các giáo viên mầm non là nhiệm vụ quan trọng và bắt buộc. Để hỗ trợ giáo viên mầm non trong việc thực hiện nhiệm của họ, bài viết giới thiệu về một số điểm cần chú ý khi lập kế hoạch giáo dục; các cách tiếp cận trong lập kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Từ khoá: *Lập kế hoạch giáo dục, giáo dục mầm non.*

Đặt vấn đề

Lập kế hoạch giáo dục là nội dung không thể thiếu và rất quan trọng của giáo viên mầm non. Việc lập kế hoạch sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập và phát triển của trẻ. Kế hoạch được lập cần đảm bảo những kỳ vọng cho việc học tập và phát triển của trẻ nhỏ, nói cách khác, đảm bảo những gì trẻ nên biết và có thể làm vào cuối mỗi năm. Giáo viên cần sắp xếp nội dung, các hoạt động, cơ hội để chơi, tìm kiếm, khám phá và giải quyết vấn đề để đạt được kết quả phát triển của trẻ được tốt nhất.

Nội dung

1. Những điểm cần chú ý khi lập kế hoạch giáo dục

Trước nhu cầu đổi mới và những phát triển mới trong giáo dục mầm non, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên mầm non đang ngày một nỗ lực để đảm bảo rằng chương trình giáo dục mầm non hiện tại là toàn diện, phù hợp với sự phát triển. Do đó, việc lập kế hoạch giáo dục là vấn đề quan trọng được đặc biệt quan tâm. Khi lập kế hoạch giáo dục cần căn cứ vào các điểm sau:

- **Trẻ học tập và tích lũy liên tục:** Việc học bắt đầu từ khi sinh ra và tiếp tục trong suốt cuộc đời. Kể từ khi sinh ra, bằng việc sử dụng các giác quan trẻ học thông qua các kích thích của các sự vật hiện tượng của thế giới xung quanh. Việc chăm sóc, rèn luyện sự nhạy cảm của các cơ quan cảm giác, tạo môi trường luôn có các kích thích tích cực trong độ tuổi mầm non có tác động đến việc tích lũy và sự phát triển của trẻ. Vì vậy, điều bắt buộc cần làm là trẻ em bao gồm cả những trẻ có nhu cầu đặc biệt được cung cấp sự kích thích tối ưu trong những năm đầu đời.

- *Mỗi trẻ là cá thể riêng biệt, chúng lớn lên, học hỏi và phát triển theo tốc độ của riêng mình:* Mặc dù tất cả trẻ em phần lớn phát triển theo cùng một trình tự, nhưng mỗi đứa trẻ là duy nhất, có được khả năng và kỹ năng theo tốc độ của riêng mình. Kế hoạch giáo dục tốt tôn trọng các khả năng khác nhau và tốc độ phát triển cá nhân của trẻ và đảm bảo rằng tất cả trẻ em phát triển về thể chất, xã hội, cảm xúc, đạo đức và trí tuệ với tiềm năng đầy đủ của chúng. Các kế hoạch giáo dục được lập theo hướng tiếp cận giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với lứa tuổi, giai đoạn và bối cảnh cụ thể sẽ thúc đẩy trẻ học tập và phát triển tối ưu

- *Chơi và hoạt động trải nghiệm là bối cảnh chính của học tập và phát triển:* Chơi và hoạt động trải nghiệm là phương tiện tốt nhất cho giáo dục mầm non. Nó cung cấp các cơ hội để khám phá, thử nghiệm, thao tác và trải nghiệm trong môi trường, từ đó trẻ em xây dựng kiến thức và kỹ năng của mình. Kế hoạch giáo dục nên gợi ý các hoạt động chơi, có sự cân bằng giữa các loại chơi khác nhau như tự do theo ý thích và được hướng dẫn, chủ động và thụ động, trong nhà và ngoài trời, cá nhân và nhóm, có cấu trúc và không cấu trúc. Một phần đáng kể của trò chơi sẽ tạo cơ hội cho các hoạt động chơi tự khởi xướng xuất phát từ sự quan tâm và lựa chọn của trẻ.

- *Tương tác và hỗ trợ từ người lớn rất cần cho học tập của trẻ:* Trẻ em học thông qua các mối quan hệ mà chúng có với cha mẹ, gia đình, người chăm sóc, giáo viên và cộng đồng. Những mối quan hệ nuôi dưỡng giúp trẻ trở nên an toàn, tự tin, tò mò mạnh dạn và tích cực giao tiếp. Những mối quan hệ và tương tác này giúp trẻ học cách kiểm soát cảm xúc và sự ảnh hưởng đến người khác theo những cách phù hợp với xã hội.

- *Trẻ học thông qua môi trường được chuẩn bị chu đáo:* Trẻ học thông qua các trải nghiệm tích cực và trực tiếp với môi trường của chúng, điều này giúp chúng xây dựng kiến thức từ sự tương tác và hướng dẫn của giáo viên và bạn bè. Cần phải đảm bảo rằng trẻ em được cung cấp các tài liệu (đồ dùng, đồ chơi, học liệu...), kinh nghiệm và thách thức phù hợp với sự phát triển để giúp chúng xây dựng kiến thức của riêng mình. Quá trình này cũng bao gồm việc lặp lại các nhiệm vụ, hướng dẫn từ giáo viên và bạn bè (những người hiểu biết hơn) để mỗi đứa trẻ đạt được tiềm năng của mình và có thể thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập.

- *Dạy học tương tác nâng cao kinh nghiệm học tập:* Tương tác (trẻ em - trẻ em, giáo viên - trẻ em, trẻ em và học liệu) là khía cạnh quan trọng nhất của chất lượng giáo dục mầm non. Sự tương tác giữa trẻ em với các đối tượng liên quan, phạm vi trải nghiệm trong môi trường cùng với các cuộc đối thoại có ý nghĩa giúp trẻ xây dựng một nền tảng kiến thức vững chắc, chuẩn bị cho trẻ chuyển tiếp thành công ở bậc học tiếp theo.

- Sử dụng các đồ dùng, nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương tăng cường cơ hội học tập cho trẻ: Sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn có ở địa phương giúp kích thích tích cực hoạt động và phát triển trẻ lứa tuổi mầm non. Nó cũng bảo tồn các giá trị bản địa và các yếu tố khác của nền tảng văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương. Nó cung cấp cơ hội đóng góp cho giáo viên, trẻ em, người chăm sóc trẻ và cộng đồng trong quá trình dạy-học tích cực và mang tính xây dựng.

- Phù hợp với bối cảnh và đánh giá cao sự đa dạng trong hỗ trợ học tập: Điều cần thiết là các kế hoạch giáo dục xác định được điểm mạnh và khả năng của tất cả trẻ em để đảm bảo rằng cơ hội học tập được tối đa hóa. Tất cả trẻ em cần được bảo đảm tham gia đầy đủ trong mọi kế hoạch và hoạt động giáo dục. Trẻ em khuyết tật có thể cần các hướng dẫn cá nhân nhiều hơn để phát triển và học các kỹ năng, hành vi, khái niệm cần thiết. Vì xã hội hóa là một mục tiêu quan trọng của giáo dục mầm non, trẻ em nên có nhiều cơ hội để tương tác với người khác trong khi chơi, hoạt động nhóm và các hình thức hoạt động khác nhau. Điều quan trọng là đảm bảo rằng tất cả trẻ em đều có cơ hội học tập bất kể chủng tộc, dân tộc, giới tính, khuynh hướng giới, khả năng, khuyết tật, ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo và điều kiện kinh tế. Các kế hoạch giáo dục được lập nên có giá trị đối với các quan điểm kiến thức, nền tảng văn hóa và kinh nghiệm mỗi đứa trẻ mang đến trường mầm non.

- Tiếng mẹ đẻ nên là phương tiện giảng dạy: Ngôn ngữ được liên kết chặt chẽ với đặc điểm của trẻ em giúp trẻ tự do bày tỏ suy nghĩ, kinh nghiệm và cảm xúc. Tuy nhiên, ngôn ngữ sử dụng trong các hoạt động hàng ngày của trẻ mầm non là một vấn đề phức tạp đối với các trường mầm non dạy chương trình song ngữ, hay các trường mầm non thuộc vùng miền có nhiều dân tộc cùng sinh sống. Nghiên cứu giáo dục chỉ ra rằng trẻ em tham gia chương trình giáo dục mầm non được thực hiện bằng tiếng mẹ đẻ sẽ đối mặt với ít vấn đề trong quá trình nhận thức hơn. Dạy trẻ thông qua ngôn ngữ mẹ đẻ, cũng được quốc tế công nhận là cách làm việc phù hợp nhất với trẻ em trong những năm đầu đời.

- Sự tham gia của gia đình góp phần vào việc học tập của trẻ: Sự tham gia của cha mẹ và gia đình góp phần vào việc học tập và phát triển của trẻ. Các kế hoạch giáo dục khuyến nghị sự tham gia đóng góp của các gia đình vào các hoạt động của trẻ ở trường mầm non cũng như ở gia đình.

2. Các cách tiếp cận trong lập kế hoạch giáo dục

2.1. Tiếp cận chủ đề

Cách tiếp cận chủ đề được nhiều nhà giáo dục trên thế giới quan tâm sử dụng. Tiếp cận chủ đề giúp trẻ em gắn kết các kỹ năng và kiến thức khác nhau thành một tổng thể mạch lạc, được tổ chức xung quanh một chủ đề cụ thể, như bản thân, thực vật, động

vật, thời tiết, nghề nghiệp, v.v. Việc tập trung có chủ ý vào một chủ đề nhất định cho phép ngay cả trẻ nhỏ cũng đạt hiệu quả tốt hơn trong việc tiếp thu các kỹ năng và học hỏi được quy trình cần thiết để thu thập và xử lý thông tin trong cuộc sống sau này.

Khi chúng ta có một chủ đề cụ thể và giúp trẻ tích cực xây dựng kiến thức về chủ đề đó, chúng ta cho phép trẻ em có được các kỹ năng để học tập hiệu quả hơn trong tương lai. Để lập kế hoạch nội dung theo cách tiếp cận theo chủ đề, mỗi chủ đề có thể được trải rộng trong khoảng 1-2 tháng, trong đó các chủ đề nhỏ được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn hơn (một hoặc hai tuần. Ví dụ: chủ đề được chọn là “Phương tiện giao thông”, nó có thể được trải dài trong thời gian 1 tháng với các chủ đề nhỏ khác nhau như: Các phương tiện giao thông; Sự xuất hiện của các hương tiện giao thông; Xe đạp; Ô tô, v.v, mỗi chủ đề nhỏ được thực hiện chi tiết trong khoảng thời gian một tuần.

Lập kế hoạch giáo dục theo chủ đề thường được thực hiện theo một kế hoạch bài học được thiết kế chi tiết. Cách tiếp cận như vậy chủ yếu là do giáo viên khởi xướng và hướng dẫn, hạn chế để cho phép học tập do trẻ khởi xướng.

2.2. Tiếp cận hoạt động

Ưu điểm chính của việc tổ chức các hoạt động giáo dục dựa trên tiếp cận hoạt động là trẻ em học thông qua việc tham gia vào các hoạt động, điều này mang đến cơ hội khám phá và thử nghiệm với các tài liệu học tập khác nhau. Kinh nghiệm, cảm giác và hành động làm cho việc học tập tốt hơn và có tác động tích cực hơn đến sự phát triển của trẻ. Tiếp cận hoạt động đưa đến cho trẻ một hành trình khám phá thú vị, góp phần nâng cao hiểu biết và kỹ năng cho trẻ. Giáo viên mầm non đưa các mục tiêu giáo dục vào các loại hoạt động khác nhau như chơi ngoài trời và trong lớp, kể chuyện, hoạt động tạo hình và âm nhạc,... được tổ chức ở lớp học mầm non tạo sự vui vẻ, thỏa mãn nhu cầu và duy trì hứng thú của trẻ.

2.3. Tiếp cận dự án học tập

Tiếp cận dự án học tập dựa trên nghiên cứu chuyên sâu về một nội dung hoặc chủ đề, thường được thực hiện bởi toàn bộ lớp, các nhóm nhỏ trong một lớp hoặc đôi khi bởi từng trẻ. Các giáo viên đưa ra một số tình huống có vấn đề sau đó quan sát trẻ em, lắng nghe câu chuyện của chúng, câu hỏi của chúng, xem cách chúng điều hướng hoạt động, ghi chú mức độ quan tâm của chúng và nói chuyện với chúng. Trẻ em quyết định những gì chúng muốn biết thêm và điều tra thêm.

Sau đó, với sự đa dạng của các tài liệu (đồ dùng, đồ chơi, học liệu, nguyên vật liệu) dành cho trẻ em, các giáo viên khuyến khích trẻ tham gia vào các hoạt động, đi sâu hơn nữa để tìm câu trả lời cho câu hỏi của chúng, và lần lượt đặt câu hỏi mới giúp trẻ lập kế hoạch hoạt động và tham gia vào hoạt động để có câu trả lời. Những hoạt động này không được lên kế hoạch trước. Chúng được gợi ý một cách tình tế cho trẻ em và

những khám phá từ một trải nghiệm dẫn đến trải nghiệm tiếp theo. Dự án học tập có thể không được thực hiện trong toàn bộ thời gian một ngày. Giáo viên có thể phân bổ nửa ngày cho dự án học tập và lập kế hoạch hoạt động cho nửa còn lại.

Các cách tiếp cận được đề cập ở trên không loại trừ lẫn nhau. Các cơ sở giáo dục mầm non được tự do lựa chọn một hoặc kết hợp các cách tiếp cận trong điều kiện của riêng mình.

Kết luận

Lập kế hoạch là việc làm quan trọng để thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Kế hoạch có hệ thống và tốt dẫn đến sự triển khai hiệu quả của chương trình giáo dục. Kế hoạch giáo dục nên được đổi mới và linh hoạt để phù hợp với nhu cầu, sở thích và tình huống hiện tại. Giáo viên cần ghi nhớ các mục tiêu, đặc điểm của tất cả trẻ em, bao gồm cả những trẻ có nhu cầu đặc biệt, lập kế hoạch giáo dục phù hợp với lứa tuổi, cơ sở vật chất, các tài liệu cần có và sẵn có. Lập kế hoạch giáo dục nên được thực hiện cả trên cơ sở dài hạn và ngắn hạn, trong đó cần có sự cân bằng giữa các hoạt động do giáo viên đề xuất hướng dẫn và các hoạt động do trẻ khởi xướng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục
2. National Council of Educational Research and Training (2019), *The preschool Curriculum*, New Delhi
3. Louise Boyd Cadwell – An Vi dịch (2018), *Phương pháp giáo dục Reggio Emilia*, NXB Lao động

NHỮNG YÊU CẦU KHI XÂY DỰNG CÁC BÀI TẬP TÌNH HUỐNG TRONG HỌC PHẦN PHÒNG BỆNH VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ

ThS.BS. Hoàng Thị Thương Huyền

Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt:

Trong công tác giảng dạy học phần phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ, cùng với việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh để có cách chăm sóc đúng khi trẻ bị bệnh, thì việc rèn cho sinh viên những kỹ năng xử lý đúng khi trẻ bị tai nạn, dạy trẻ nhận biết được các nguy cơ gây nguy hiểm cũng được bộ môn đặc biệt chú trọng. Khi xây dựng các bài tập cần chứa đựng nhiều vấn đề, nhiều tình huống bất ngờ, nhiều cách xử lý. Đòi hỏi người học cần lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất. Do đó sinh viên phải nắm chắc lý thuyết, nắm vững các nguyên tắc xử lý, tích cực suy luận để giải quyết nhanh, đúng những tai nạn.

Từ khóa: Bài tập, tình huống, đảm bảo an toàn

Đặt vấn đề

Với trẻ nhỏ các kỹ năng tự bảo vệ bản thân còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào người trực tiếp chăm sóc. Trẻ gặp nhiều nguy cơ trong môi trường sống tương chừng như an toàn chỉ khi xảy ra tai nạn chúng ta mới nhận thấy. Trong trường hợp khi gặp tai nạn mà cách xử trí ban đầu không đúng, vô tình làm nguy hiểm đến tính mạng hay gây tổn thương nặng hơn cho trẻ. Trang bị cho người chăm sóc trẻ, giáo viên mầm non và đặc biệt là sinh viên ngành mầm non những kỹ năng xử lý đúng khi trẻ bị tai nạn là rất quan trọng. Chính vì vậy khi xây dựng các bài tập tình huống để học tập cần tuân thủ theo các nguyên tắc, quy trình.

Nội dung

1.Vai trò của các bài tập tình huống trong giảng dạy học phần phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Nhận thấy vai trò quan trọng của công tác nuôi dưỡng chăm sóc cho trẻ khỏe mạnh an toàn, học phần phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ (PB và ĐBATCT) đã được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức của ngành Giáo dục mầm non nhiều năm nay với mục tiêu: Người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản để nhận biết, xử trí

đúng một số bệnh, một số tai nạn thường gặp ở trẻ; Có kỹ năng lập kế hoạch phòng bệnh cũng như biết tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhận biết và phòng tránh những dấu hiệu bệnh, nơi, vật, hiện tượng nguy hiểm.

Xây dựng bài tập tình huống thực hành có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học. Có thể trong quá trình làm việc sau này sinh viên sẽ không sử dụng hết những kỹ năng sơ cấp cứu đã học. Nhưng chỉ cần có 1 tai nạn xảy ra nếu giáo viên mầm non không tiến hành các thao tác xử lý nhanh, đúng thì có thể dẫn đến những hậu quả nặng nề. Một trong các hình thức thực hành là việc cung cấp các môi nguy cơ trước một số tai nạn. Sinh viên được tiếp cận các tình huống tai nạn ở trẻ để rèn luyện khả năng nhận biết, có thái độ bình tĩnh, thực hiện các kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu.

Song song với việc chăm sóc bảo vệ của người lớn, trẻ em cũng cần làm chủ các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày, kiểm soát được các môi nguy hiểm có thể xảy ra cho bản thân. Do vậy, đảm bảo an toàn cho trẻ không chỉ là người lớn loại bỏ những gì có thể gây mất an toàn cho trẻ, mà là dạy cho trẻ các kỹ năng cơ bản, tạo ra môi trường an toàn cho bản thân. Rèn kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ thông qua các bài tập tình huống cũng giúp trẻ kiên cường và chủ động ứng phó với những khó khăn có thể xảy ra sau này. Điều này đòi hỏi sinh viên cần linh hoạt lồng ghép nội dung giáo dục, cách phòng chống những môi nguy hiểm trong các giờ học và các hoạt động trong ngày.

2. Một số nguyên tắc khi xây dựng bài tập tình huống

Trong nội dung học tập, các nhóm tai nạn bao gồm: do bỏng, điện giật, do sét, đuối nước, dị vật đường ăn đường thở, ngộ độc, say nóng, say nắng, chấn thương phần mềm, chấn thương xương, tai nạn giao thông, động vật côn trùng cắn đốt. Các bài tập tình huống khi xây dựng để rèn luyện cũng dựa theo các nguyên tắc:

- Hướng vào việc rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực tư duy sáng tạo, linh hoạt khi giải quyết các tình huống thực tiễn trong quá trình chăm sóc trẻ.
- Phải gắn liền với thực tế cuộc sống sinh hoạt hàng ngày trong trường mầm non.
- Phong phú, phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên giúp sinh viên vừa lĩnh hội kiến thức vừa có khả năng vận dụng, rèn kỹ năng có hiệu quả.
- Phải đa dạng, có nhiều cách xử lý, giải quyết khác nhau nhằm giúp sinh viên hiểu, lý giải được cách xử lý đúng mà mình đưa ra.
- Với những bài tập tình huống xây dựng cho trẻ mầm non cần vận dụng khả năng sự phạm khéo léo để trẻ hoạt động theo nhu cầu, hứng thú, theo nguyện vọng của trẻ, luôn cho trẻ được bộc lộ, phát huy tính tự lập của mình, luôn tạo cơ hội, môi trường để trẻ được chủ động hoạt động.

- Đặt trẻ vào tình huống được giả định cần dự kiến được những diễn biến bất ngờ có thể ảnh hưởng đến tâm lý hay có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ. Đồng thời cần có sự đồng thuận của phụ huynh trong việc phối hợp giáo dục hay rèn luyện thêm cho trẻ tại gia đình.

3. Quy trình xây dựng bài tập tình huống

Giáo viên bộ môn khi xây dựng bài tập tình huống cho sinh viên theo quy trình sau:

Bước 1: Giảng giải, tìm những thuật ngữ, từ ngữ rất gần gũi để giải thích cho sinh viên về cách sơ cấp cứu ban đầu khi có tai nạn theo nhóm nguyên nhân. Trong quá trình nghe giảng hoặc tìm tài liệu thấy chỗ nào chưa hiểu thì trao đổi ngay với giảng viên ở lớp.

Bước 2: Giao bài tập cho sinh viên về nhà, yêu cầu sinh viên đọc tài liệu trước để lý giải cách xử lý đã lựa chọn, khuyến khích sinh viên tìm hiểu tài liệu bằng nhiều kênh thông tin khác nhau thiết kế các hoạt động dạy trẻ mầm non nhận biết và phòng chống các tai nạn thương tích.

Bước 3: Trao đổi, lý giải đưa ra cách xử lý đúng nhất, các thao tác thực hành chuẩn, cách thức dạy trẻ về an toàn lồng ghép vào giờ học nào cho hiệu quả, tổ chức rèn kỹ năng cho trẻ như thế nào.

4. Yêu cầu khi sử dụng bài tập tình huống

- Đối với giảng viên: Lựa chọn và cung cấp các tình huống phù hợp với nội dung lý thuyết theo nhóm nguyên nhân gây tai nạn. hướng dẫn sinh viên giải quyết các tình huống theo các bước

Bước 1: Nêu tình huống

Bước 2: Cho sinh viên thảo luận về tình huống

Bước 3: Cho sinh viên thao tác sơ cấp cứu

Giảng viên quan sát, đánh giá, nhận xét thao tác sơ cấp cứu có thực hiện nhanh, đúng hay chưa. củng cố lại các cách xử lý đúng, nhanh, linh hoạt và có hiệu quả

Giảng viên có thể sử dụng bài tập tình huống để kiểm tra thường xuyên, thi hết học phần, thi nghiệp vụ sư phạm

- Đối với sinh viên: Trên cơ sở nắm vững lý thuyết, được thực hành sẽ có thái độ bình tĩnh, tự tin có kỹ năng xử trí đúng được những tai nạn bất ngờ xảy ra. Khi làm việc với trẻ dựa trên nhận thức, kỹ năng của các nhóm trẻ mà xây dựng các nội dung, lựa chọn các hình thức dạy kỹ năng đảm bảo an toàn sao cho phù hợp. Giáo dục kỹ năng phòng tránh TNTT được đề cập đến như là một nội dung trong giáo dục kỹ năng sống, giúp trẻ có kỹ năng bảo vệ bản thân cả về mặt thể chất lẫn tinh thần.

Kết luận

Các kiến thức có được của sinh viên được vận dụng vào thực tiễn một cách linh hoạt có hiệu quả hay không, không chỉ là nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc bảo đảm an toàn cho trẻ mà còn là cả một quá trình công tác đúc rút kinh nghiệm và không thể không được luyện tập, thực hành thường xuyên thông qua các bài tập tình huống.

Với trẻ nhỏ, để việc giáo dục có hiệu quả người giáo viên mầm non cần xây dựng các bài tập tình huống thực hành được giả định trong cuộc sống, giúp trẻ hiểu và kiểm soát được các mối nguy hiểm cho bản thân. Việc thường xuyên được dạy bảo, rèn kỹ năng tự đảm bảo an toàn, trải nghiệm thử thách sẽ giúp trẻ học hỏi được nhiều điều khi phải đối mặt với những trở ngại và tự mình vượt qua những khó khăn rắc rối. Điều này sẽ thực sự làm trẻ trưởng thành, đánh dấu cột mốc đã lớn khôn của trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009) *Chương trình Giáo dục mầm non* (Ban hành theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 /7/2009 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo), NXB Giáo dục Việt Nam
2. Thái Hà (2018), “*An toàn cho bé mọi lúc mọi nơi - khi ở ngoài*”, NXB Phụ nữ
4. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), “*Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non*”, NXB giáo dục

KỈ LUẬT TÍCH CỰC VÀ BIỆN PHÁP TRONG GIÁO DỤC TRẺ TẠI TRƯỜNG MẦM NON

ThS. Trần Thị Yến

ThS. Nguyễn Thị Minh Phương

Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt:

Bài viết này giúp giáo viên hiểu được vì sao không nên sử dụng các biện pháp trừng phạt thân thể trẻ em và đưa ra một số gợi ý về các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực nhằm rèn luyện ý thức kỷ luật của trẻ mầm non; Từ đó nâng cao trách nhiệm và sự tham gia của trường mầm non trong quá trình tạo ra một môi trường học tập thân thiện; có thêm các kiến thức, kỹ năng trong giáo dục kỷ luật tích cực và giải quyết hiệu quả các tình huống khó khăn xảy ra trên lớp học.

Từ khóa: Kỷ luật, giáo dục kỷ luật, kỷ luật tính tích cực, trẻ mầm non.

Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên, vì vậy bậc học này rất quan trọng đối với trẻ, đây có thể coi là giai đoạn vàng để phát triển phẩm chất toàn diện cho trẻ. Trong những năm gần đây, nhiều vụ bạo hành đối với trẻ em mầm non liên tiếp xảy ra ở một số trường mầm non gây bức xúc trong dư luận xã hội. Năm 1990, Việt Nam đã ký tham gia Công ước về Quyền trẻ em và ban hành nhiều văn bản pháp quy nhằm thực hiện và bảo vệ quyền trẻ em. Đặc biệt trên các phương tiện thông tin đại chúng đưa khá nhiều tin, bài về việc giáo viên mầm non trừng phạt trẻ em, đặc biệt là trừng phạt thân thể ở các trường học, gây xúc động và bất bình trong dư luận. Mặc dù phần lớn các giáo viên thừa nhận rằng, trừng phạt thân thể là một sự xúc phạm, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thường sử dụng trừng phạt thân thể như một hình thức kỷ luật để duy trì kỷ cương trong lớp và trường học.

Nội dung

1. Một số khái niệm

1.1. Kỷ luật

Kỷ luật là sự rèn luyện về tinh thần và tính cách để tạo ra sự tự chủ hoặc phục tùng. Con người sống trong một xã hội cần tuân thủ các quy tắc, quy định hay luật lệ

để xã hội đạt được các mục tiêu đã đề ra. Kỷ luật là chìa khoá vạn năng giúp cho con người thành công trong cuộc sống.

Trong thực tế từ “kỷ luật” thường được hiểu nhầm là “khống chế” hay “trừng phạt”, đặc biệt là trừng phạt thân thể. Tuy nhiên, đó không phải là nghĩa thực của từ “kỷ luật”.

1.2. Giáo dục kỷ luật tích cực

Giáo dục kỷ luật tích cực là giáo dục kỷ luật dựa trên nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ; không làm tổn thương đến thể xác và tinh thần của trẻ; có sự thỏa thuận giữa người lớn – trẻ em và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ em.

2. Một số luật giáo dục về trẻ em

Điều 2, Luật Giáo dục năm 2005: “Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

- Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em cũng nêu rõ Các Quốc gia thành viên thỏa thuận rằng việc giáo dục trẻ em phải được hướng tới:

a) Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về tinh thần và thể chất của trẻ em;

b) Phát triển sự tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên Hợp Quốc;

c) Phát triển sự tôn trọng đối với cha mẹ của trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hoá, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân trẻ em, tôn trọng những giá trị quốc gia của đất nước mà trẻ đang sống và của đất nước là nguyên quán của trẻ em, tôn trọng những nền văn minh khác với nền văn minh của bản thân trẻ em đó.

- Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em:

Điều 7: Các hành vi bị nghiêm cấm:

+ Hành hạ, ngược đãi, làm nhục, chiếm đoạt, bắt cóc, mua bán, đánh tráo trẻ em; lợi dụng trẻ em vì mục đích trục lợi; xúi giục trẻ em thù ghét cha mẹ, người giám hộ hoặc xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của người khác;

+ Cản trở việc học tập của trẻ em;

+ Sử dụng biện pháp có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm hoặc dùng nhục hình đối với trẻ em vi phạm pháp luật;

Điều 14: Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự. Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự.

Các hình phạt còn được quy định rất cụ thể trong Bộ luật Hình sự (Điều 104, 109, 110...); trong Luật Giáo dục (Điều 75, 108...); trong Nghị định số 114/2006 NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về dân số và trẻ em (Điều 17).

3. Nguyên nhân và hậu quả của trừng phạt thân thể trẻ em

3.1. Nguyên nhân từ phía trẻ

- Trẻ bướng bỉnh không nghe lời cô giáo;
- Trẻ giành đồ chơi của bạn;
- Vô tình trẻ xô đẩy bạn;
- Có trẻ khuyết tật về tâm lý (tăng động, tự kỷ...) học hòa nhập trong lớp, trong trường;
- Trẻ hay đau ốm vặt, không tăng cân;
- Khả năng nhận thức, tiếp thu bài học của trẻ chậm;
- Trẻ hay la hét, khóc, quậy phá;
- Trẻ biếng ăn, khó ăn, ăn hay ói mửa;
- Các tình huống xảy ra bất ngờ ở trẻ (bị ngã, đánh nhau...);
- Lớp học quá đông;

3.2. Nguyên nhân từ phía giáo viên

- Phần lớn giáo viên thừa nhận rằng, sử dụng hình thức trừng phạt thân thể (TPTT) là xúc phạm trẻ em, là vi phạm pháp luật, nhưng nó vẫn được sử dụng trong thực tế;

- Trong khi một số giáo viên tìm ra được những phương pháp sáng tạo, không cần sử dụng bạo lực để giáo dục và duy trì kỉ luật ở lớp học, phần lớn giáo viên vẫn khó khăn trong việc tìm kiếm cách giải quyết có hiệu quả;

- Một số quan điểm nhận thức không phù hợp của giáo viên về giáo dục kỉ luật trẻ em: (1) Trừng phạt trẻ em có tác dụng ngay tức thì, là biện pháp đơn giản, hiệu quả hơn biện pháp khác; (2) Trừng phạt trẻ em trẻ em cũng không ảnh hưởng lâu dài đối với trẻ; (3) Đối với trẻ cá biệt, trừng phạt trẻ em là biện pháp giáo dục duy nhất; (4) Trừng phạt trẻ em là biện pháp giáo dục giúp trẻ nên người;

- Thiếu hiểu biết tâm lý trẻ mầm non;
- Thiếu sự quan tâm lòng yêu thương kiên nhẫn với trẻ: Nhà trường giáo viên mầm non, gia đình, xã hội;

- Thiếu hiểu biết về tính kỉ luật: nhà trường, gia đình, xã hội.

3.3. Hậu quả của việc trừng phạt thân thể trẻ

Trong thời gian gần đây, nhiều vụ bạo hành trẻ em xảy ra trong gia đình và trường học đã được phát hiện, khiến dư luận xã hội bất bình và lo ngại. Hậu quả của việc trẻ bị bạo hành về thể chất không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, mà còn tổn thương tinh thần, trí tuệ, sự phát triển toàn diện và tương lai của trẻ em, của gia đình, nhà trường và toàn xã hội.

Hiện nay, vẫn còn tồn tại tình trạng trừng phạt thân thể trẻ em. Trừng phạt trẻ em xảy ra trong gia đình, ở nhà trường cũng như ngoài xã hội, dưới nhiều hình thức khác nhau như: đánh, tát, câu, véo, sỉ vả, bắt quỳ, liếm ghế,... Những hiện tượng đó đã gây ra những hậu quả nặng nề cho trẻ, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, học tập và cuộc sống của các em, khiến một số trẻ chán học, học sút kém, bỏ học, sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, thậm chí tự tử,.....

- Về phía trẻ:

- + Ảnh hưởng đến sức khỏe và trí tuệ của trẻ;
- + Ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ;
- + Ảnh hưởng đến mối quan hệ thầy trò;
- + Ảnh hưởng đến kết quả học tập, đến việc thu hút trẻ đến trường;

- Về phía giáo viên:

- + Ảnh hưởng cảm xúc của giáo viên;
- + Ảnh hưởng công việc của giáo viên mầm non;

Trừng phạt thân thể trẻ em là vi phạm đạo đức nghề giáo: Vi phạm chuẩn nghề giáo viên mầm non, vi phạm luật quốc gia và quốc tế.

4. Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy kỷ luật giáo dục tích cực trong trường mầm non

Thứ nhất: Xây dựng nội quy lớp học

Biện pháp này giúp trẻ: hiểu, tôn trọng và thực hiện tốt các quy định do chính trẻ lập ra và rèn luyện khả năng thể hiện suy nghĩ của bản thân. Trẻ biết cách tự ra quyết định, phát huy tinh thần tập thể và tinh thần trách nhiệm. Giúp giáo viên mầm non: Xây dựng tập thể lớp đoàn kết, tự giác chấp hành kỷ luật nhằm hạn chế mức thấp nhất các vi phạm của trẻ, quản lý lớp hiệu quả, tránh việc sử dụng các hình thức kỷ luật không mang tính giáo dục.

Thứ 2: Hãy khen ngợi đừng chê bai trẻ

Biện pháp này đem lại rất nhiều điều tích cực cho trẻ. Trẻ cảm thấy được động viên, khích lệ và tự tin hơn trong học tập khi đạt kết quả tốt cũng như chưa thực hiện tốt nhiệm vụ học tập. Trẻ tự tin, nhận biết những mặt tốt của bản thân để phát huy. Đối với giáo viên mầm non có biện pháp phù hợp thúc đẩy các hành vi, ứng xử tốt của trẻ, hạn chế những vi phạm của trẻ để không dùng những biện pháp chê bai, đòn roi trong giáo dục. Giúp các cô củng cố và phát huy những mặt mạnh của trẻ bằng sự khuyến khích, động viên tích cực vì sự ủng hộ, động viên tích cực đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với trẻ có nhiều khó khăn, lúng túng trong lớp học. Qua đó xây dựng được lòng tin yêu của trẻ và sự ủng hộ của cha mẹ học sinh.

Trong giờ học, giáo viên thường xuyên động viên hoặc khen ngợi những cố gắng trẻ dù là nhỏ nhất bằng nhiều hình thức: một nụ cười, một lời khen, sự công nhận tập thể, biểu dương trước bạn bè, phiếu khen, điểm thưởng...

Giáo viên luôn tìm ra những ưu điểm, mặt mạnh, sự cố gắng của trẻ để có những chế độ khen thưởng kịp thời. Chế độ khen thưởng sẽ đạt hiệu quả cao khi gắn với quyền lợi đặc biệt, đầy ý nghĩa dành cho những trẻ có thành tích tốt trong học tập, kể cả những trẻ có sự thay đổi tích cực về thái độ. Những chế độ khen thưởng mà giáo viên có thể thực hiện là thư khen dành cho trẻ hoặc bố mẹ, gọi điện đến nhà học sinh để thông báo, khen ngợi, tuyên dương trước toàn trường...

Thứ 3: Công nhận những đặc điểm tốt của trẻ

Biện pháp này giúp trẻ tăng thêm lòng tự tin với bản thân và khuyến khích các em nhìn nhận những mặt tích cực của các bạn khác. Trẻ sẽ có cảm giác được thừa nhận và khen thưởng trong một tập thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến thái độ và cách xử sự của học sinh. Điều này khiến học sinh nâng cao hơn ý thức giá trị bản thân, tăng thêm lòng tự tôn và khuyến khích trẻ nhìn nhận người khác một cách tích cực. Đồng thời giúp giáo viên mầm non kiểm tra đánh giá được việc trẻ thực hiện các qui định, kỷ luật trong lớp. Tạo điều kiện để giáo viên mầm non khuyến khích nâng cao hơn tính tự giác chấp hành kỷ luật của trẻ.

Thứ 4: Giáo viên quan tâm đến khó khăn của trẻ

Những hành vi tiêu cực mà trẻ mắc phải thường bắt nguồn từ những khó khăn của trẻ. Những khó khăn của trẻ có thể là: hoàn cảnh sống, sức khỏe, những trở ngại trong học tập, khó khăn về tâm lý, thể chất. Lưu ý cần tránh đối đầu với trẻ, cần lắng nghe trẻ, tránh “lên lớp” hoặc chỉ trích trước khi tìm hiểu nguyên nhân, tránh hạ nhục trẻ. Biện pháp này: giúp trẻ tăng thêm lòng tự tin với bản thân và khuyến khích các em nhìn nhận những mặt tích cực của các bạn khác, trẻ cảm giác được thừa nhận và khen

thường trong một tập thể (Ở bất cứ hình thức nào) đều có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến thái độ và cách xử sự của trẻ.

Thứ 5: Tăng cường các hoạt động tập thể

Giáo viên mầm non tạo không gian an toàn để giải quyết vấn đề: Giúp trẻ cảm thấy an toàn khi bàn bạc và tìm ra cách giải quyết những xung đột, những vấn đề nảy sinh trong lớp học. Trẻ phát huy óc sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ. Biện pháp này trẻ giúp trẻ nhìn nhận lại hành vi của bản thân, điều chỉnh hành vi cho phù hợp.

Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, xây dựng mạng lưới trợ giúp, tổ chức các hoạt động gắn kết. Xây dựng mạng lưới trợ giúp: Nhóm giáo viên trợ giúp, nhóm trợ giúp từ cộng đồng/cha mẹ trẻ, thành lập Câu lạc bộ "Những người bạn". Tổ chức các hoạt động gắn kết: tổ chức các hoạt động vui chơi, tổ chức các buổi sinh hoạt dành cho trẻ, thu hút sự tham gia của phụ huynh trẻ.

Thứ 6: Đối với các cấp quản lý mầm non

- Tuyên truyền, vận động là một trong những biện pháp quan trọng để các cán bộ quản lý giáo dục tác động đến nhận thức của giáo viên.

- Cán bộ quản lý giáo dục cần tổ chức các hội thảo, tập huấn để giáo viên nhận thức được lợi ích của việc sử dụng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực, giúp họ chọn lọc, sáng tạo những hình thức giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ lớp mình.

- Cung cấp sách báo, tài liệu là một trợ về giáo dục kỷ luật tích cực.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích việc thực hiện các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực. Trường mầm non cần có cơ chế cụ thể trong việc thực hiện các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực: kiểm tra giám sát việc thực hiện, khen thưởng, tôn vinh những giáo viên thực hiện tốt, kỷ luật nghiêm khắc những giáo viên vi phạm nội qui. Việc nhà trường thực hiện tốt cơ chế này sẽ đảm bảo tất cả học sinh đều được hưởng lợi ích của biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực.

Kết luận

Thúc đẩy kỷ luật giáo dục tích cực có vai trò quan trọng và hết sức cấp bách trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ hiện nay. Trong mỗi chúng ta cần phải thay đổi hành vi, cách ứng xử, phải thay đổi quan điểm, nhận thức không tích cực trong giáo dục trẻ em. Một trong những giải pháp thúc đẩy kỷ luật giáo dục tích cực chính là nâng cao chất lượng giáo dục tại các cơ sở mầm non. Các trường mầm non chú ý giải pháp đề xuất phải được kết hợp đồng bộ. Công việc này cần thực hiện nghiêm túc và thường xuyên hiệu quả tại các cơ sở mầm non, gia đình và cũng như trong cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Công Hoàn (1995), *Tâm lý học trẻ em*, Tài liệu tham khảo dùng cho các hệ đào tạo giáo viên mầm non, Trường CDSPMGTW 1, Hà Nội.
2. Nhà xuất bản giáo dục (2011): *Đổi mới phương pháp quản lý lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực – Tài liệu tập huấn dành cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. Tổ chức cứu trợ trẻ em*. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục.
3. Vụ giáo dục trung học - Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy điển (2009): *Đổi mới phương pháp quản lý lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực*.
4. Tổ chức cứu trợ trẻ em – DWC (2010): *Sổ tay áp dụng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực*.
5. Thông tư số 13/2010/TT - BGĐT, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.

HOẠT ĐỘNG SẮP XẾP THEO QUY LUẬT Ở TRƯỜNG MẦM NON

ThS. Hoàng Diệu Thúy

Phòng Công tác sinh viên

Tóm tắt:

Quy luật chính là con đường phát triển tư duy cho trẻ. Nó có thể áp dụng trong cuộc sống và sử dụng cuộc sống để dạy trẻ nhận thức các quy luật. Tư duy chính là một mức độ cao của phát triển nhận thức, mà một trong năm mặt phát triển toàn diện của trẻ chính là tư duy. Bài viết này đề cập chủ yếu tới các vấn đề sau: Khái niệm sắp xếp, quy luật, sắp xếp theo quy luật; Nội dung dạy trẻ mầm non sắp xếp theo quy luật; Phương pháp và hình thức dạy trẻ sắp xếp theo quy luật, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động nhận thức, kích thích trẻ hoạt động, giúp trẻ hình thành năng lực cá nhân.

Từ khoá: Quy luật, phát triển tư duy, sắp xếp theo quy luật, năng lực, hứng thú

Đặt vấn đề

Trong cuộc sống của chúng ta, tất cả mọi sự vật hiện tượng đều vận động và phát triển theo quy luật. Trẻ em là một thực thể đang lớn, trẻ khao khát nhận thức, trẻ khao khát hiểu biết, trẻ muốn khám phá kiến thức của xã hội loài người. Dạy trẻ sắp xếp theo quy luật là một nội dung trong chương trình giáo dục mầm non, mục đích cần đạt của trẻ đối với hoạt động này là nhận ra được các mô hình quy luật sắp xếp với 3 đối tượng trở lên và tái hiện lại các mô hình đó. Đây là một hoạt động khó, yêu cầu các thao tác tư duy như so sánh, phân tích, tổng hợp. Trẻ gặp rất nhiều khó khăn khi tham gia hoạt động sắp xếp theo quy luật. Con đường để giúp trẻ nhận biết được các mô hình sắp xếp theo quy luật một cách dễ dàng, tự nhiên chính là tạo cho trẻ có hứng thú nhận thức đối với hoạt động này, đó chính là cơ sở để phát triển hứng thú nhận thức bền vững, tạo tiền đề cho các hoạt động nhận thức sau này của trẻ. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập đến các vấn đề mang tính lý luận: Khái niệm sắp xếp, quy luật, sắp xếp theo quy luật; Nội dung dạy trẻ 4 – 5 tuổi sắp xếp theo quy luật, phương pháp và hình thức dạy trẻ sắp xếp theo quy luật, tạo cho trẻ có hứng thú nhận thức đối với hoạt động này. Có thể nhận thấy: Trẻ 4 – 5 tuổi có sự phát triển mạnh mẽ về tư duy, có sự phát triển vượt bậc về khả năng chú ý và khối lượng chú ý, đặc biệt là sự phát triển vượt bậc của tư duy trực quan hình tượng. Độ tuổi

này có sự phát triển hoàn thiện về tư duy để phát triển hứng thú nhận thức trong hoạt động sắp xếp theo quy luật là rất cần thiết.

Nội dung

1. Khái niệm sắp xếp, quy luật, sắp xếp theo quy luật

Khái niệm “Sắp xếp”: Sắp xếp là một quá trình bố trí, đặt lại các phần tử trong một tập hợp theo một trình tự, thứ tự nào đó được coi là hợp lý nhất.

Khái niệm Quy luật: Quy luật là mối liên hệ bản chất, tất nhiên, phổ biến và lặp lại giữa các mặt, các yếu tố, các thuộc tính bên trong mỗi một sự vật hay giữa các sự vật với nhau.

Khái niệm “Sắp xếp theo quy luật”: Sắp xếp theo quy luật là quá trình sắp xếp, bố trí lại các phần tử trong một tập hợp theo một mối quan hệ hay một mối liên hệ nhất định và được lặp đi lặp lại nhiều lần. Mỗi một trật tự sắp xếp được gọi là một “chu kỳ”. Khi chu kỳ này được lặp đi lặp lại nhiều lần được gọi là mô hình sắp xếp theo quy luật.

2. Nội dung dạy trẻ mầm non sắp xếp theo quy luật

Để sắp xếp theo quy luật cần xác định: tên các đối tượng sẽ sắp xếp, số lượng các đối tượng trong một chu kỳ và số lượng từng loại đối tượng trong chu kỳ, thứ tự sắp xếp các đối tượng trong chu kỳ.

Những sắp xếp về kích thước màu sắc, hình dạng, hình khối, vận động, nhịp điệu,... này còn là một khái niệm quan trọng và góp phần lớn vào sự phát triển tư duy toán học đầu tiên cho trẻ. Zero Ba (một tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, tập trung và nghiên cứu sự phát triển quá trình học tập của trẻ thơ) đã cho rằng: “sắp xếp theo quy luật giúp trẻ em đưa ra những dự đoán điều gì sẽ sắp diễn ra, tạo ra sự kết nối hợp lý và sử dụng các kỹ năng lý luận để giải quyết vấn đề”

Theo chương trình dạy toán Mathnasium của Mỹ thì lấy toán quy luật là một trong những dạng toán đặc trưng của lứa tuổi mầm non. Dạng toán này giúp trẻ phát triển tư duy logic thông qua việc giúp trẻ hiểu các quy luật, từ đó trẻ hiểu được những trình tự và đưa ra được những dự đoán, nhằm phát triển khả năng tư duy, nắm được cấu trúc logic và học cách thiết lập trật tự cuộc sống.

Theo giáo sư Glenn Doman ông đã đề cập đến khả năng nắm bắt được chuỗi sự việc và tự nhận thức ra được các quy luật của trẻ trong cuốn sách “Trẻ nhỏ có thể học toán” ông cho rằng: Trẻ em nắm được chuỗi sự việc nhanh hơn cả những người lớn 30 tuổi. Các bà mẹ dạy trẻ các chuỗi sự vật, sự việc và nhận thấy trẻ nhớ rất nhanh và rất lâu trong khi chính họ lại quên rất nhanh. Trong tất cả các chuỗi sự việc chúng ta dạy trẻ, thứ rõ ràng nhất chính là Toán học. Trẻ tự khám phá ra các quy luật rất tốt nếu ta

dạy chúng những sự việc. Trẻ không thể tự khám phá các sự việc cụ thể nếu chúng ta chỉ dạy chúng các quy tắc trừu tượng. Chúng ta hãy xem là điều này ứng dụng như thế nào trong môn Toán.

Hơn nữa quy luật còn đến với trẻ tự nhiên ngay từ trong cuộc sống hằng ngày: Trẻ nhìn thấy bậc cầu thang, số cửa sổ trong nhà, đồ họa tiết trên bức tường. Đó là một phần của xu hướng thiết lập những trật tự trong cuộc sống hằng ngày của bạn. Chính việc dạy kiến thức cuộc sống thông qua các quy luật lại vô cùng hữu ích vì quy luật trong cuộc sống rất phong phú, cực kỳ thú vị, đa dạng điều đó kích thích trẻ và giúp trẻ phát triển trí tuệ.

Trẻ em học hiệu quả nhất chính là thông qua chơi, điều này rất đúng khi chúng ta dạy trẻ những khái niệm quy luật. Khi trẻ hứng thú với các hoạt động mà trẻ làm, trẻ sẽ nhanh chóng hiểu được trình tự các đồ vật và bắt đầu đưa ra các dự đoán “tiếp theo là gì nhỉ”.

Quy luật chính là con đường phát triển tư duy cho trẻ. Nó có thể áp dụng trong cuộc sống và sử dụng cuộc sống để dạy trẻ nhận thức các quy luật. Tư duy chính là một mức độ cao của phát triển nhận thức, mà một trong năm mặt phát triển toàn diện của trẻ chính là tư duy.

Trẻ 3 – 6 tuổi ở trường mầm non được làm quen với các mô hình sắp xếp theo quy luật với các dạng chủ yếu từ đơn giản như: AB, AABB, ABC,... các quy luật phức tạp hơn như: AAB, ABB, ABBA,...

Trẻ phát hiện và tham gia vào hoạt động sắp xếp theo quy luật theo 4 mức độ:

- Nhận ra quy luật sắp xếp
- Mô tả quy luật sắp xếp
- Mở rộng quy luật sắp xếp
- Sáng tạo quy luật sắp xếp của mình

Hoạt động sắp xếp theo quy luật thường tạo cho trẻ rất nhiều hứng thú vì nó xuất hiện mọi lúc mọi nơi, với sự đa dạng phong phú của nó đã kích thích sự nhận thức của trẻ và tự biết thiết lập trật tự cho bản thân. Nó xuất hiện ở tất cả các môn học dạy trẻ ở trường mầm non. Cụ thể như:

Trong âm nhạc: Những bài hát tiết tấu 1/2/3; 1/1/1; 1/2/1/2,..., những giai điệu, nhịp điệu,...cứ lặp đi lặp lại theo quy luật.

Trong Tạo hình: Dán đuôi công (Vàng/cam/đỏ/xanh; Vàng/cam/đỏ/xanh;...), Dán ngôi nhà (Hình vuông/hình tam giác; Hình vuông/hình tam giác;...).

Trong Toán học: kích thước (ngắn/ ngắn/dài, ngắn/ngắn/dài; to/nhỏ,to/nhỏ;...), hình dạng (tròn/tròn/vuông; tròn/tròn/vuông;...),

Trong ngôn ngữ: chữ cái (AABB, AABB,...)

Trong môi trường xung quanh: Trật tự của những hòn gạch trên tường, họa tiết trên vỉa hè, số vòng trên thân cây, họa tiết của những chiếc lá, số cánh hoa trên những bông hoa,....

Thể chất: Các bài tập thể chất thể dục phát triển chung buổi sáng (2 lần 8 nhịp), các bài tập khởi động và trọng động trong tiết dạy thể chất.

Tuy nội dung dạy sắp xếp theo quy luật theo chương trình của bộ rất ít, nhưng tích hợp để dạy sắp xếp theo quy luật thông qua các môn học khác ngoài môn toán thì lại rất phong phú và đa dạng là do chính bản thân những quy luật vốn dĩ đã rất nhiều

3. Phương pháp và hình thức dạy trẻ sắp xếp theo quy luật

3.1. Phương pháp dạy trẻ sắp xếp theo quy luật

Hiện nay, theo chương trình làm quen với toán dành cho trẻ mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2009 đã đề cập đến một số nội dung dạy trẻ sắp xếp theo quy luật đơn giản như: 1:1, 1:1:1, hay 1:2:1,... Để thực hiện dạy trẻ được những nội dung đó giáo viên cần phối hợp các phương pháp giáo dục như: Sử dụng tình huống có vấn đề, Hoạt động mẫu, giải thích, hướng dẫn giảng giải, thực hành, luyện tập. Giáo viên có thể tiến hành trình tự theo các bước sau:

Bước 1: Tiến hành ôn kỹ cho trẻ phần so sánh kích thước hai đối tượng như: To – nhỏ, cao – thấp, dài – ngắn, rộng – hẹp; so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10; phân chia hai nhóm theo hai dấu hiệu.

Bước 2: Cô có trẻ xem các mô hình sắp xếp theo quy luật cô đã chuẩn bị, cùng trẻ đàm thoại, phân tích về quy luật sắp xếp trong mô hình bằng các phương pháp giáo dục.

Bước 3: Cô thực hiện mẫu lại mô hình sắp xếp theo quy luật, vừa làm giáo viên sử dụng các câu hỏi củng cố, các câu hỏi kích thích tư duy để hướng sự chú ý của trẻ vào mô hình sắp xếp theo quy luật cô đang thực hiện.

Bước 4: Trẻ thực hành theo mẫu mô hình sắp xếp cô đã chuẩn bị (trong quá trình trẻ thực hiện cô giáo quan sát và giúp đỡ những bạn còn yếu)

Bước 5: Trẻ tìm xem trong lớp học có những vật nào đang sắp xếp theo mô hình trẻ vừa mới hoàn thành, hoặc trẻ có thể lựa chọn những đồ vật mà trẻ thích và tiến hành sắp xếp chúng theo quy luật trong mô hình mẫu.

Bước 6: Trẻ tự tạo ra các quy luật sắp xếp

Trên đây là các bước dạy trẻ sắp xếp theo quy luật từ khi mới bắt đầu làm quen đến khi trẻ có thể tự tạo ra các quy luật sắp xếp. Tuy nhiên tùy thuộc vào độ tuổi mà yêu cầu về mức độ cũng khác nhau.

Đối với trẻ 3 – 4 tuổi: Sắp xếp theo quy luật là hoạt động xếp xen kẽ

Xếp xem kẽ: là cách xếp đan xen 1- 1 hay dạng ABAB: 1 cái này rồi đến một cái kia và cứ thế tiếp tục. Đây là cách xếp dễ nhận thấy quy luật của nó. Các hoạt động có thể tổ chức cho trẻ là:

- Giới thiệu cho trẻ một số cách sắp xếp này trong thực tế.
- Cho trẻ tìm thêm cách sắp xếp theo quy tắc này ở các đồ vật xung quanh như các ô gạch trên sàn nhà, trên quần áo của trẻ.
- Cho trẻ thực hành xếp theo quy tắc này như xếp 1 bạn trai - 1 bạn gái, 1 bạn trai - 1 bạn gái... hay dán các băng giấy hai màu tạo thành dây xúc xích để trang trí trong hoạt động nghệ thuật...

Đối với trẻ 4 – 6 tuổi: Xếp theo quy tắc là sắp xếp các đối tượng theo quy luật nhất định với các hoạt động:

- Xếp theo 1 quy tắc cho trước
- Tìm quy tắc sắp xếp của các vật dụng hằng ngày (trên các đĩa ăn, khung tranh ảnh, quần áo, khăn...).
- Tự xếp theo quy tắc nào đó và nói ra quy tắc đó.
- Nhận ra quy tắc sắp xếp và tiếp tục sắp xếp theo quy tắc đó.

3.2. Hình thức dạy trẻ sắp xếp theo quy luật

Có hai hình thức có thể tiến hành dạy trẻ sắp xếp theo quy luật

Hình thức thứ nhất: Dạy trực tiếp theo tiết học môn Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. Đây là hoạt động chính nhằm cung cấp kiến thức, thao tác, tư duy chính xác, bản chất của nội dung sắp xếp theo quy luật. Tại hoạt động này trẻ được hiểu, được thao tác để lĩnh hội, chiếm lĩnh tri thức về nội dung sắp xếp theo quy luật. Hình thức này được quy định tại chương trình giáo dục mầm non của Bộ giáo dục với nội dung: So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.

Hình thức thứ hai: Tích hợp trong các môn học như: Thể chất, Âm nhạc, Môi trường xung quanh, Tạo hình, Khám phá khoa học, Phát triển ngôn ngữ. Ngoài ra có thể tích hợp vào các hoạt động hằng ngày như: Đón trẻ, Hoạt động ngoài trời, Ăn trưa, Hoạt động chiều. Đây là hình thức giúp trẻ thực hành, luyện tập, trải nghiệm, khắc sâu tính bản chất của quy luật trong đời sống hằng ngày.

Khi tiến hành giáo viên có thể tổ chức dưới nhiều hoạt động với cá nhân, nhóm nhỏ, nhóm lớn, tổ tùy vào mục đích dạy học của giáo viên.

3.3. Hoạt động sắp xếp theo quy luật cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi với việc phát triển hứng thú nhận thức

Toán học giúp các bé phát triển trí tuệ, tư duy, hình thành khả năng nhận thức thế giới xung quanh, rèn luyện các thao tác tư duy: so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa... Góp phần phát triển ngôn ngữ: cung cấp vốn từ về các biểu tượng toán cho trẻ. Từ đó cũng góp phần giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, ý thức lao động ngay từ khi còn bé ở trẻ. Vì vậy hình thành các biểu tượng toán cho trẻ từ lứa tuổi mầm non là rất cần thiết.

Sắp xếp theo quy luật là một nội dung quan trọng trong các nội dung hình thành biểu tượng sơ đẳng về toán. Khi trẻ tham gia hoạt động này giúp trẻ hiểu được những trình tự và đưa ra những dự đoán, từ đó có thể phát triển kỹ năng toán học, nắm bắt được những cấu trúc logic và học cách thiết lập trật tự cuộc sống. Quy luật là một phần rất quan trọng trong Toán, nhưng nó quan trọng hơn khi được mang ra áp dụng trong cuộc sống. Khi trẻ tham gia hoạt động này trẻ hiểu và chú ý quan sát xung quanh, phát hiện ra quy luật có ở mọi nơi. Từ đó, trẻ này sinh hứng thú nhận thức thế giới xung quanh và không ngừng khám phá thêm những quy luật mới.

Thời điểm 4 – 5 tuổi là thời điểm tư duy tư duy trực quan hình tượng phát triển mạnh mẽ nhất. Ở độ tuổi này trẻ phải giải những bài toán phức tạp và đa dạng, đòi hỏi tách biệt và sử dụng những mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng, hành động. Trong hoạt động hằng ngày trẻ em không những chỉ sử dụng đơn giản những kinh nghiệm đã có, mà còn không ngừng biến đổi những kinh nghiệm ấy để thu nhận những kết quả mới hơn. Các em có nhu cầu khám phá các quan hệ phụ thuộc giữa các sự vật và hiện tượng như quan hệ giữa độ ẩm và độ mềm của đất khi nặn, giữa độ cao được nâng lên với chiều dài của mỗi phần chiếc bập bênh,... Tư duy đang trên đà phát triển mạnh, khiến đứa trẻ dự kiến được hành động và lập kế hoạch hành động của mình. Phần lớn trẻ mẫu giáo nhờ đã có khả năng suy luận. Tư duy trực quan hình tượng tỏ ra rất hiệu quả khi giải những bài toán trong đó những thuộc tính bản chất là những thuộc tính có thể hình dung được, tự hồ như thấy được cái nhìn bên trong. Nhưng những thuộc tính bản chất của sự vật hiện tượng thường lại kín đáo, ẩn tàng khó mà hình dung được. Chúng có thể được biểu thị bằng từ hoặc những ký hiệu khác. Con đường tư duy tốt nhất chính là tư duy trực quan hình tượng. Sự phát triển tâm lý trí tuệ của trẻ 4 – 5 tuổi hoàn toàn phù hợp với hoạt động sắp xếp theo quy luật và chính nhờ hoạt động sắp xếp theo quy luật có thể thỏa mãn được nhu cầu phát triển tâm lý trí tuệ đó. Bởi ở hoạt động sắp xếp theo quy luật vừa có tính logic, quan hệ nhưng lại có hình ảnh trực quan khiến trẻ dễ dàng nhận thức, dễ dàng nhận ra mối quan hệ, quy luật chứa đựng trong chúng. Trẻ thích thú khi khám phá được bản chất

bên trong của sự vật, hiện tượng kích thích trẻ hứng thú với các bài tập sắp xếp theo quy luật, và như vậy tư duy của trẻ càng ngày càng phát triển.

Với sự đa dạng của hoạt động sắp xếp theo quy luật nó có thể ứng dụng tích hợp nhằm củng cố thêm các kiến thức về biểu tượng toán trong chương trình giáo dục trẻ như: sắp xếp dựa vào dấu hiệu nhận biết hình dạng, màu sắc, kích thước; những dấu hiệu khó hơn như mối tương quan độ lớn giữa 3 vật (lớn nhất, nhỏ và nhỏ nhất); hay là dựa vào số lượng.

Đối với trẻ 4 – 5 tuổi thì trong nội dung học Toán có thêm nhiều nội dung khó hơn so với lớp 3 – 4 tuổi như: nhận biết thêm hình o van, chữ nhật, tam giác; lĩnh hội thêm màu da cam, màu xanh da trời và màu tím; nhận biết số lượng trong phạm vi 5, đếm đến 10, đo độ dài, đo khối lượng,... Những kiến thức đó sẽ được củng cố và hình tượng hóa thông qua hoạt động sắp xếp theo quy luật.

Hoạt động sắp xếp theo quy luật là một hoạt động nhận thức đòi hỏi sự tập trung cao độ của tư duy, chính vì vậy thông qua hoạt động này sẽ giúp trẻ 4 – 5 tuổi phát triển quá trình tri giác bằng mắt, tăng khối lượng chú ý và tính bền vững của chú ý. Chính sự đa dạng phong phú trong nội dung, phương pháp, hình thức chức hoạt động sắp xếp theo quy luật đã giúp trẻ phát triển hứng thú nhận thức.

Hoạt động sắp xếp theo quy luật còn giúp trẻ 4 – 5 tuổi phát triển chú ý và khối lượng chú ý. Hoạt động sắp xếp theo quy luật tạo cho trẻ niềm thích thú đam mê, say mê, tích cực, độc lập khi hoạt động. Giúp trẻ nắm được nhiệm vụ và khiến cho thời gian tham gia hoạt động kéo dài.

Kết luận

Hoạt động sắp xếp theo quy luật là hoạt động nằm trong chương trình chăm sóc vào giáo dục trẻ một hoạt động chiếm ưu thế trong việc phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ mầm non. Hoạt động này giúp trẻ hiểu được trình tự và đưa ra được dự đoán, học cách thiết lập cuộc sống phù hợp với các quy luật tự nhiên vốn có, giúp trẻ nảy sinh hứng thú nhận thức thế giới xung quanh và không ngừng khám phá thêm các quy luật mới. Để phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ người lớn, giáo viên, nhà giáo dục cần phải tạo được ở trẻ một sự phát triển bình thường về nhận thức, tổ chức hoạt động học tập phải gây cho trẻ thái độ tích cực đối với hoạt động nhận thức, chú ý đến cảm xúc của trẻ đối với đối tượng nhận thức tạo tiền đề cho hứng thú nhận thức phát triển bền vững, hứng thú nhận thức chỉ thực sự bền vững khi chủ thể ý thức được sâu sắc ý nghĩa của đối tượng và có hoạt động tích cực và cuối cùng để duy trì hứng thú nhận thức cho trẻ người giáo viên cần trau dồi đạo đức, năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Kim Liên (2012), *Một số biện pháp nâng cao hứng thú cho trẻ 24 – 36 tháng tuổi trong hoạt động với đồ vật*.
 2. Nguyễn Thị Luyến (2008), *một số biện pháp kích thích hứng thú nhận thức cho trẻ 5 – 6 tuổi với thực vật trong góc khoa học*.
 3. Đinh Thị Nhung (2001), *Toán và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo (tập 1, 2)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
 4. Bùi Nữ Hồng Minh (2012), *Thiết kế và sử dụng trò chơi vận động mô phỏng kích thích hứng thú nhận thức cho trẻ mẫu giáo 3 – 4 tuổi trong hoạt động khám phá khoa học*.
 5. Tạp chí Tâm lí học, số 2/2006, *Hứng thú và vai trò của hứng thú trong hoạt động học tập của học sinh*, Trang 46-49.
 6. J.Piaget (1996), *Tuyển tập tâm lí học*, NXB Giáo dục.
 7. Jean Piaget (1999). *Tâm lí học và giáo dục học* (Người dịch: Trần Nam Lương - Phùng Đệ - Lê Thi). NXB Giáo dục.
- Sukina (Nguyễn Văn Diên dịch) (1975), *Vấn đề hứng thú nhận thức trong khoa học giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

EHON – HẠT GIỐNG TÂM HỒN CHO TRẺ EM

TS. Hoàng Thị Lan

ThS. Trần Bích Ngọc

Tóm tắt:

Ehon được mệnh danh là “thực phẩm tâm hồn” cho các em nhỏ. Mỗi câu chuyện mang lại cho trẻ một trải nghiệm riêng nhưng đều đáng quý bởi giá trị giáo dục sâu sắc trong những bài học mà tác giả Ehon đã gửi gắm qua các nhân vật và tình tiết truyện. Mặc dù, Ehon xuất hiện ở Việt Nam vài năm gần đây nhưng đã nhận được sự quan tâm, đón nhận nhiệt tình của các bậc phụ huynh và sự yêu thích của các em nhỏ.

Từ khoá: Ehon, tâm hồn, bài học, giáo dục, trẻ nhỏ

Đặt vấn đề

Ehon được mệnh danh là “thực phẩm tâm hồn”, có một vị trí quan trọng trong đời sống mỗi người dân Nhật Bản. Ehon được người dân Nhật Bản chọn làm bạn đồng hành với trẻ trong suốt thời thơ ấu. Đọc Ehon cho trẻ nghe mỗi ngày là việc làm không thể thiếu trong mỗi gia đình Nhật Bản đang nuôi con nhỏ. Gần đây, Ehon xuất hiện ở Việt Nam đã nhận được sự quan tâm, đón nhận nhiệt tình của các em nhỏ cũng như của các bậc phụ huynh.

Nội dung

Ehon Nhật Bản có nguồn gốc từ truyện thiếu nhi viết trên giấy dó từ thời Edo (1603 - 1868). Đó là những truyện cổ ngày xưa được viết cho trẻ em. Trong tiếng Nhật, từ Ehon được ghép từ chữ 絵 (E: tranh vẽ) và 本 (Hon: sách). Ehon có thể hiểu là những cuốn sách trong đó câu chuyện được minh họa bằng tranh vẽ, chủ yếu dành cho lứa tuổi nhũ nhi và thiếu nhi (0 - 10 tuổi). Ehon là những câu chuyện nhỏ có kết cấu truyện rõ ràng (mở đầu - diễn biến - kết thúc) với nội dung ngắn gọn, súc tích, đậm tính giáo dục, phù hợp với từng lứa tuổi và có tranh vẽ minh họa đi kèm.

Cùng là truyện tranh có xuất xứ từ Nhật Bản nhưng Ehon hoàn toàn khác với Manga. Manga là những truyện tranh vẽ theo từng hành động của nhân vật, mỗi khung hình có lời thoại của nhân vật đi kèm và manga được viết cho nhiều lứa tuổi, từ trẻ em đến người lớn, thậm chí có cả Manga dành cho người cao tuổi. Ehon thì lại hoàn toàn khác. Cũng là truyện tranh Nhật Bản nhưng Ehon chủ yếu là viết cho trẻ em. Nội dung

trong những truyện tranh Ehon hết sức giản dị, dễ hiểu nhưng cũng không kém phần lôi cuốn. Tranh minh họa mang tính tĩnh, được thể hiện một cách khéo léo qua ngòi bút của các nghệ sĩ giúp phát huy trí tưởng tượng phong phú ở trẻ em. Tuy nhiên, cũng có giả thuyết khác lại cho rằng Ehon khơi nguồn từ sách giáo khoa có kèm tranh ảnh của Châu Âu từ thế kỉ XVII. Trong một số văn kiện khác, người ta lại ghi chép về khởi nguồn của Ehon là từ cuốn Mojamoja Paper - Ehon của Đức (tác giả Maurice Henry Hoffman) năm 1845. Đặc biệt, văn hóa Ehon được truyền bá rộng rãi từ Châu Âu sang Châu Mỹ. Nhưng dù quan niệm thế nào thì Ehon cũng là một thể loại truyện đặc biệt phù hợp với trẻ thơ, đặc biệt là trẻ em lứa tuổi mầm non.

Ehon mở ra thế giới bao la rộng lớn với vô vàn điều thú vị đối với trẻ nhỏ. Chúng ta có thể tìm thấy mọi lời giải đáp cho những câu hỏi hóc búa của trẻ em trong những trang truyện. Những lời giải đáp được đưa ra đôi khi ngây ngô, ngộ nghĩnh làm thỏa mãn được sự tò mò của các em. Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp cho trẻ em những kiến thức về thế giới xung quanh. Ehon còn khơi gợi tình yêu thương nơi các em, những bài học yêu thương được đưa vào truyện một cách khéo léo, tinh tế giúp các em phát triển và hoàn thiện nhân cách.

Những câu chuyện về tình cảm gia đình là một đề tài lớn trong Ehon. Qua ngòi bút của các tác giả, cuộc sống thường nhật tại các gia đình Nhật Bản được tái hiện vô cùng sinh động. Vẫn là những câu chuyện đơn giản và có phần quen thuộc nhưng nội dung tràn đầy tính nhân văn, tình yêu thương giữa các thành viên trong gia đình. Các bé có thể bắt gặp trong truyện những sự việc, những tình huống rất chân thực trong cuộc sống hàng ngày tại gia đình mình như trông em khi bố mẹ đi vắng, em nhỏ bị ốm, giúp đỡ bố mẹ các việc nhỏ trong gia đình, chuyện phải đi ngủ sớm vào mỗi buổi tối, hay những lần được bố mẹ an ủi và tiếp thêm sức mạnh khi gặp những nỗi buồn trong cuộc sống. Với Ehon, gia đình là nơi ấm áp và đong đầy tình thương nhất, là tổ ấm an toàn và hạnh phúc của mỗi đứa trẻ.

Những câu chuyện về tình bạn cũng là một nội dung hấp dẫn trong những cuốn Ehon. Mỗi đứa trẻ có một tính cách và suy nghĩ khác nhau nhưng các em đều yêu mến và đón nhận những khác biệt của nhau trong tình bạn. Lật giở từng bức tranh, làm quen với từng em nhỏ trong truyện, trẻ được trải qua các cung bậc cảm xúc của tình bạn: sự ngỡ ngàng khi làm quen với những người bạn mới, niềm vui trong những trò chơi thơ ấu, sự nhung nhớt khi phải tạm xa nhau, sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè và cả những giận hờn rất đỗi đơn sơ và đáng yêu giữa các em nhỏ. Thông qua những câu chuyện giản dị trong sáng đó, mỗi em nhỏ dần hình thành những khái niệm ban đầu về tình bạn, tiếp nhận những bài học về tình yêu thương, sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè.

Những câu chuyện về thế giới xung quanh luôn là một điều thích thú với mọi em nhỏ. Ehon đã đưa trẻ em bước vào thế giới kì thú xung quanh, những kiến thức khoa học khô khan trở nên dễ hiểu và hấp dẫn hơn bao giờ hết. Hàng ngàn câu hỏi tại sao của trẻ dần dần được trả lời qua những câu chuyện của mỗi nhân vật. Thế giới xung quanh muôn màu muôn vẻ trở nên hấp dẫn lạ thường với trẻ thơ. Những hiện tượng thiên nhiên quen thuộc: mặt trăng, mặt trời, mây, gió, hoa lá, các con vật xuất hiện thật ấn tượng trong mỗi tập Ehon, chúng trở nên gần gũi với trẻ hơn qua những lời đối thoại, những cuộc trò chuyện giữa thiên nhiên với các bạn nhỏ, thế giới xung quanh trẻ trở nên diệu kì hơn bao giờ hết khi vạn vật đều biết nói, biết vui biết buồn và biết thể hiện tình cảm.

Ehon với những mảng nội dung phong phú và đề tài hấp dẫn không chỉ dành riêng cho trẻ em mà cả người lớn cũng bị cuốn hút vào đó mỗi khi đọc truyện cho các em. Mỗi câu chuyện là một bài học nhẹ nhàng dạy các em biết yêu thương mọi người; giúp các em khám phá, phát hiện cái đẹp của thiên nhiên tươi mát; và giúp các em hoàn thiện chính bản thân mình.

Ehon còn hấp dẫn trẻ em bởi vì khi đọc Ehon trẻ em như thấy mình trong đó, hay nói cách khác những câu chuyện, tình huống, những lời đối thoại được viết dựa trên lối suy nghĩ, cách cảm nhận của trẻ thơ. Truyện đặc biệt ở chỗ, trẻ em hoàn toàn không có cảm giác là chúng đang đọc sách, đang nghe và nhìn những con chữ, hay xem những hình ảnh mà thực ra chúng đang khám phá, đang đi được vào trong câu chuyện, tự bản thân trải nghiệm những điều thú vị. Lối suy nghĩ và trí tưởng tượng của chúng được dẫn lối một cách khéo léo. Tuy nhiên, vẫn có một khoảng không nào đó cho tâm trí các em có thể tự do bay bổng để chính bản thân chúng tự cảm nhận, tự xem xét. Điều này được thể hiện trong cử chỉ, nét mặt, ánh mắt của các em hay trong những câu hỏi mỗi khi được nghe kể chuyện.

Những câu chuyện rất giản đơn, câu từ và nội dung hết sức ngắn gọn thế nhưng ngay cả người lớn cũng khó có thể đoán trước được nội dung, và đôi khi cũng bị hấp dẫn bởi những tình tiết đó.

Không chỉ phù hợp với tâm lí trẻ thơ, những câu chuyện Ehon còn hấp dẫn bởi cốt truyện đơn giản, gần gũi trẻ em. Cốt truyện là hệ thống cụ thể những sự kiện, biến cố, hành động trong tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch thể hiện mối quan hệ qua lại giữa các tính cách trong một hoàn cảnh xã hội nhất định nhằm thể hiện chủ đề tư tưởng tác phẩm. Ehon Nhật Bản viết cho thiếu nhi có cốt truyện hết sức đơn giản, ngắn gọn thậm chí đôi khi không thể coi là một câu chuyện mà là những lời tâm tình, những lời nhắc nhở, những bài học cuộc sống được thể hiện bằng những câu nói nhẹ nhàng. Có thể dẫn ra vài ví dụ:

Những câu chuyện dung dị đời thường, nắm bắt và đưa mọi vấn đề của cuộc sống vào trong trang truyện một cách dễ hiểu, không quá hoa mỹ nhưng có thể để lại trong các em những ấn tượng đẹp để không ngờ.

Tranh vẽ của Ehon cũng là một nét nổi bật làm nên sức hấp dẫn của thể loại truyện này. Mỗi bức tranh minh họa trong truyện Ehon đều được các họa sĩ vẽ bằng tất cả những tình cảm dành cho trẻ thơ, bằng sự thấu hiểu tâm lý trẻ ở từng lứa tuổi. Thị trường Ehon Nhật Bản quy tụ một đội ngũ sáng tác đông đảo, nhiều họa sĩ chuyên nghiệp chỉ chuyên vẽ và sáng tác Ehon cho trẻ nhỏ. Những bức tranh được vẽ tinh tế, sinh động và đa phong cách trong các tập Ehon là sự thu hút đầu tiên đối với trẻ. Tranh hỗ trợ đắc lực việc thể hiện nội dung câu chuyện, từ những chi tiết thể hiện cảm xúc nhân vật cho đến khung cảnh thiên nhiên, không gian xung quanh đều được vẽ tỉ mỉ chu đáo. Điều này làm cho từng trang truyện đẹp lung linh tạo nên sức thu hút lạ thường đối với bạn đọc. Trong một trang truyện, các em nhỏ không chỉ bước vào hành trình khám phá nội dung câu chuyện mà còn khám phá từng nét tính cách thể hiện trên khuôn mặt, dáng vẻ của nhân vật và khám phá bao điều thú vị về thế giới xung quanh. Bằng những nét vẽ tinh tế và chi tiết, trong những câu chuyện Ehon, những bức tranh được sắp xếp từ trang đầu đến trang cuối, tất cả đều tham gia diễn tả nội dung câu chuyện kể cả ở trang bìa. Có những trang không cần một câu nói nào nhưng những hình ảnh minh họa đã diễn tả được hết nội dung diễn biến, mang đến thông tin cho độc giả. Các họa sĩ vẽ tranh Ehon còn đặc biệt lưu ý đến sự cảm thụ và mức độ tiếp nhận của trẻ ở từng lứa tuổi khác nhau để tạo nên những bức tranh hấp dẫn, dễ hiểu và truyền tải cảm xúc một cách hiệu quả nhất. Chẳng hạn như với trẻ từ 0 - 2 tuổi: các tranh được vẽ chi tiết rõ ràng, rất ít chữ, rất ít nhân vật xuất hiện trên một tranh để phù hợp với nhận thức của lứa tuổi này. Với trẻ 3 - 5 tuổi: các câu chuyện đã dài hơn tầm 8 - 10 phút để đọc, hình vẽ phong phú phức tạp hơn. Và Ehon dành cho trẻ em 6 - 10 tuổi, câu chuyện dài hơn tầm 15 - 30 phút đọc thì tranh minh họa ít đi có thể là tranh đen trắng.

Kết luận

Là một thể loại truyện đang ngày càng được các bậc phụ huynh và các nhà giáo dục quan tâm và lựa chọn cho trẻ nhỏ, Ehon Nhật Bản đã khẳng định được vai trò của mình trong việc giúp bé phát triển trên nhiều phương diện: ngôn ngữ, trí tưởng tượng, sáng tạo và đặc biệt là giáo dục trẻ nhiều kỹ năng trong cuộc sống. Vì thế, giáo viên cần phối kết hợp với cha mẹ trẻ tạo ra những góc thư viện trong lớp và ở nhà có đủ nhiều cuốn sách Ehon, giáo viên và phụ huynh nên đọc sách Ehon cho trẻ nghe thường xuyên mỗi ngày nhằm kích thích hứng thú tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo, giúp trẻ yêu thích đọc sách hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Kiều Anh (2015), *Biện pháp kích thích hứng thú sử dụng đồ dùng gia đình cho trẻ 3 - 4 tuổi trong hoạt động vui chơi*, Luận văn thạc sỹ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Bộ giáo dục và đào tạo (2010), *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non, mẫu giáo bé 3 - 4 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Phan Thị Minh Châu (2016), *Đặc trưng truyện Ehon Nhật Bản* - Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Sư phạm Huế.
4. Phạm Thị Ngọc Châu (2009), *Một số biện pháp kích thích hứng thú cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trong hoạt động khám phá thiên nhiên vô sinh*, Luận văn Thạc sỹ khoa học giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai - Đinh Thị Kim Thoa (2018), *Giáo trình sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm
6. Xoolovaytrich L.X (1975), *Từ hứng thú đến tài năng*, NXB Phụ nữ.

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHOA GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỌC CHẾ TÍN CHỈ

ThS.Đinh Hương Ly

Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt:

Bài báo đề cập đến một số vấn đề có liên quan đến quá trình rèn luyện kỹ năng tự học của sinh viên năm thứ nhất Khoa Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm, trên cơ sở đó xác định và phân tích các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện kỹ năng tự học của sinh viên năm thứ nhất Khoa Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ.

Từ khóa: kỹ năng tự học, rèn luyện kỹ năng

Đặt vấn đề

Chúng ta có thể nhận thấy rằng, học tập là việc được thực hiện trong suốt cuộc đời của mỗi người bởi tri thức là vô hạn. Con người tham gia vào hoạt động học tập, học hỏi và lĩnh hội càng nhiều thì kho tàng tri thức của con người sẽ càng phong phú. Tuy nhiên, để học tập đạt hiệu quả cao, chúng ta phải có phương pháp học thật tốt. Hiện nay, có rất nhiều phương pháp học tập nhưng quan trọng nhất chính là phương pháp tự học, thể hiện ở kỹ năng tự học, tự khám phá tri thức của bản thân mỗi người. Chính vì vậy, kỹ năng tự học đã trở thành một trong những kỹ năng rất cần thiết cho sinh viên ngày nay, trong đó có sinh viên khoa Giáo dục mầm non.

Đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo tiên tiến trong nền giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới. Phương thức đào tạo này có ưu điểm là phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học; việc chọn môn học, thời gian học linh hoạt, có thể rút ngắn được thời gian đào tạo cho sinh viên. Quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được coi trọng, được tính vào nội dung và thời lượng chương trình, đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập. Sinh viên được quyền quyết định tiến độ đào tạo và thời gian ra trường của mình, tùy vào khả năng và điều kiện của bản thân sinh viên.

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là một trong những trường thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ cho sinh viên. Thời gian học lý thuyết trên lớp được rút ngắn, chủ yếu tập trung vào việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Vì vậy, sinh viên phải chủ động

trong quá trình học tập để thu nhận kiến thức, thời gian học trên lớp là chưa đủ để cung cấp đầy đủ kiến thức cho sinh viên. Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng tự học, một số sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã có ý thức chủ động trong học tập. Tuy nhiên, bên cạnh đó không ít sinh viên chưa nhận thức được vai trò của việc tự học, hoặc chưa biết cách tự học thế nào để có thể đạt được kết quả tốt nhất. Trên thực tế, hoạt động tự học của sinh viên vẫn còn ở mức chưa cao, hầu hết sinh viên chưa có thói quen chủ động, tích cực trong việc tự học, chưa có kỹ năng tự học, việc học tập chủ yếu dựa vào kiến thức truyền thụ trên lớp của giảng viên. Do đó, việc xác định minh xác các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên năm thứ nhất khoa Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương rất cần thiết, từ đó, góp phần hoàn thiện cơ sở đổi mới quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Nhà trường hiện nay.

Nội dung

1. Một số vấn đề lí luận về rèn luyện kỹ năng tự học và các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện kỹ năng tự học của sinh viên năm thứ nhất khoa Giáo dục mầm non trong đào tạo theo học chế tín chỉ

Kỹ năng tự học (KNHT) là phương thức thể hiện hành động tự học của người học, được người học sử dụng một cách tự giác, độc lập, chủ động và sáng tạo phù hợp với mục đích đào tạo.

Các giai đoạn hình thành kỹ năng tự học của sinh viên năm thứ nhất khoa Giáo dục mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm trong đào tạo theo học chế tín chỉ bao gồm:

Giai đoạn 1: KNHT được hình thành riêng lẻ nhưng chưa đầy đủ

Giai đoạn này SV dựa trên tri thức, kinh nghiệm có sẵn để thực hiện các hoạt động học tập một cách riêng lẻ, thiếu hệ thống và chưa sắp xếp theo một thứ tự hợp lý, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Giai đoạn 2: KNHT được hình thành tương đối đầy đủ nhưng tính thuần thực, hiệu quả, linh hoạt chưa cao

Giai đoạn này SV biết sử dụng tri thức, kinh nghiệm, kỹ xảo đã có để thực hiện hoạt động học tập theo một trật tự nhất định nhưng chưa thuần thực, thiếu hiệu quả và tính linh hoạt chưa cao.

Giai đoạn 3: KNHT được hình thành đầy đủ, thuần thực, linh hoạt và đạt hiệu quả.

Giai đoạn này SV sử dụng được những tri thức, kỹ xảo để thực hiện các hoạt động học tập theo một quy trình linh hoạt, sáng tạo và đạt hiệu quả cao.

Tương ứng với các giai đoạn hình thành nêu trên, luận án cũng xác định các mức độ của KNHT gồm:

Mức độ 1: KNHT chưa được hình thành đầy đủ, chưa thuần thực; tính linh hoạt, hiệu quả còn thấp.

Mức độ 2: KNHT được hình thành tương đối đầy đủ, tương đối thuần thực; tính linh hoạt và hiệu quả trung bình.

Mức độ 3: KNHT được hình thành đầy đủ, thuần thực; tính linh hoạt và hiệu quả cao.

Rèn luyện kỹ năng tự học của sinh viên năm thứ nhất khoa Giáo dục mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm trong đào tạo theo học chế tín chỉ được hiểu là quá trình tổ chức, triển khai việc hướng dẫn và luyện tập các hành động để thực hiện nhiệm vụ học tập theo một quy trình luyện tập hợp lý, chặt chẽ và được thực hiện nhiều lần nhằm hình thành và phát triển KNHT đó từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, góp phần nâng cao thành tích học tập của người học và là nền tảng tạo nên năng lực tự học và học tập suốt đời.

Hệ thống kỹ năng tự học của sinh viên năm thứ nhất khoa Giáo dục mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm trong đào tạo theo học chế tín chỉ bao gồm:

Các kỹ năng định hướng hoạt động tự học

Nhóm KN định hướng hoạt động tự học bao gồm các kỹ năng cụ thể dưới đây:

- KN phát hiện vấn đề tự học

KN phát hiện vấn đề tự học được hiểu là khả năng phát hiện, lựa chọn vấn đề tự học phù hợp, nhằm giải quyết có hiệu quả mục đích, nhiệm vụ học tập đã đề ra.

- KN xây dựng kế hoạch tự học

KN lập kế hoạch tự học được hiểu là khả năng vận dụng các kiến thức có liên quan thực hiện xây dựng một chương trình hợp lý, có cơ sở khoa học phù hợp với chủ thể, định hướng hành động thực tiễn, hướng tới tối ưu hóa hoạt động tự học.

** Các kỹ năng thực hiện hoạt động tự học*

Nhóm KN thực hiện hoạt động tự học bao gồm các KN cụ thể dưới đây:

- KN lập đọc sách

KN đọc sách được hiểu là khả năng vận dụng các kiến thức có liên quan thu thập sách và các tài liệu, khai thác nội dung của chúng phục vụ cho quá trình giải quyết các nhiệm vụ học tập đã đặt ra.

- KN ghi chép

KN ghi chép là khả năng vận dụng kiến thức có liên quan trong việc lựa chọn, trích ghi, tóm tắt khái quát nội dung sách giáo khoa và các tài liệu khác phục vụ cho việc giải quyết các nhiệm vụ học tập đã được xác định.

- KN giải quyết các bài tập nhận thức

KN giải các bài tập nhận thức là khả năng vận dụng các kiến thức có liên quan thực hiện các thao tác tư duy nhằm giải quyết các nhiệm vụ nhận thức đã đề ra.

Nhóm kỹ năng tự kiểm tra, tự đánh giá hoạt động tự học

Nhóm KN tự kiểm tra, tự đánh giá hoạt động tự học bao gồm hai KN cụ thể dưới đây:

- KN xây dựng độ chuẩn tự kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học

KN xây dựng độ chuẩn tự kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học là khả năng xác định mục đích và các nội dung cụ thể cần phải kiểm tra, đánh giá; xác định các chuẩn tương ứng với từng nội dung dự kiến kiểm tra, đánh giá; cụ thể với ba loại chuẩn: nội dung, quá trình, giá trị.

- KN năng thực hiện hành động tự kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học

KN năng thực hiện hành động tự kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học là khả năng lựa chọn công cụ đánh giá cho phù hợp, thường có bài trắc nghiệm, câu hỏi tự luận hay các nhiệm vụ thực hiện khác; thực hiện các nhiệm vụ TKT, ĐG theo yêu cầu của công cụ đo; đối chiếu kết quả hoàn thành nhiệm vụ với chuẩn đặt ra để xác định mức độ giá trị (thang bậc) của từng nội dung đánh giá; khái quát hóa kết quả đánh giá cho toàn bộ nhiệm vụ với một giá trị chung và đưa ra nhận xét và kết luận chung về nhiệm vụ tự học đã hoàn thành, mức độ năng lực tự học được phát triển.

Các con đường rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên năm thứ nhất đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ bao gồm một số con đường cơ bản sau:

Hoạt động giảng dạy các môn học

Tọa đàm về “Kỹ năng tự học”

Giảng dạy chuyên đề “Kỹ năng tự học”

Hoạt động hướng dẫn, bồi dưỡng của cố vấn học tập

Hoạt động tự rèn luyện của SV

Các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên năm thứ nhất đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ bao gồm:

Nhóm các yếu tố thuộc về sinh viên bao gồm các yếu tố sau:

Hiểu đúng bản chất của đào tạo theo HCTC là lấy người học làm trung tâm;

Hiểu rõ quy chế đào tạo theo HCTC

Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung, cách thức rèn luyện KN tự học của SV trong đào tạo theo HCTC.

Tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập ngoài giờ lên lớp

Tự giác thực hiện các hoạt động học tập trên lớp

Tự giác rèn luyện các KN tự học cơ bản phù hợp với đào tạo theo HCTC

Chủ động tìm ra phương pháp học tập phù hợp với bản thân

Chủ động khắc phục khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu môn học

Chủ động, tích cực tìm kiếm tài liệu tham khảo theo yêu cầu của GV

Nhóm các yếu tố thuộc về giảng viên bao gồm các yếu tố sau:

Lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp giúp SV lĩnh hội tri thức và rèn luyện KN tự học

KN sử dụng các phương tiện, kỹ thuật dạy học hiện đại

Hướng dẫn phương pháp học hay cách rèn luyện KN tự học cho SV

Việc giao bài tập, giao nhiệm vụ ngoài giờ lên lớp, giới thiệu và yêu cầu SV tìm tài liệu tham khảo ...

Nhóm các yếu tố thuộc về cố vấn học tập bao gồm các yếu tố sau:

Tư vấn cách đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập

Thường xuyên cung cấp thông tin liên quan đến quy chế đào tạo theo HCTC cho SV

Hướng dẫn, theo dõi, đánh giá hoạt động ngoài giờ lên lớp của SV

Hiểu biết hoàn cảnh, năng lực của SV

Nhóm các yếu tố thuộc về tổ chức quản lý đào tạo bao gồm các yếu tố sau:

Cung cấp thông tin, phổ biến rõ quy chế đào tạo theo HCTC

Kế hoạch đào tạo hợp lý, khoa học

Kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác

Tổ chức tập huấn KN tự học thường xuyên cho SV

Nhóm các yếu tố thuộc về cơ sở vật chất bao gồm các yếu tố sau:

Hệ thống mạng internet, wifi đủ mạnh

Thư viện đủ giáo trình, cập nhật thường xuyên, có thư viện điện tử

Có không gian cho SV tổ chức tự học, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đầy đủ, phù hợp yêu cầu

Trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ, hiện đại

2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên năm thứ nhất khoa Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ

2.1. Các yếu tố thuộc về sinh viên

Các yếu tố thuộc về SV ảnh hưởng đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ bao gồm các yếu tố chủ yếu là hiểu biết của SV về đào tạo theo tín chỉ, về KN tự học; tính tự giác, tích cực, chủ động của SV trong quá trình học tập, rèn luyện. Vì vậy để đánh giá thực trạng này, chúng tôi khảo sát SV với câu hỏi “Bạn hãy đọc các yếu tố ảnh hưởng dưới đây và lựa chọn 1 trong 3 mức độ ảnh hưởng đến

rèn luyện KN tự học cho SV mà bạn cho là đúng nhất; mức 1 là: ảnh hưởng nhiều; mức 2 là ảnh hưởng trung bình; mức 3 là không ảnh hưởng”.

Kết quả khảo sát thu được thể hiện ở bảng 1 dưới đây như sau:

Bảng 1. *Đánh giá của CBQL,CVHT,GV và SV về các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện KN tự học cho SV khoa Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương*

TT	Các yếu tố	CBQL,CVHT, GV (n=60)		SV (n=247)	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Hiểu đúng bản chất của đào tạo theo HCTC là lấy người học làm trung tâm	2,92	1	2,76	1
2	Hiểu rõ quy chế đào tạo theo HCTC	2,88	2	2,74	2
3	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung, cách thức rèn luyện KN tự học của SV trong đào tạo theo HCTC	2,78	3	2,52	3
4	Tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập ngoài giờ lên lớp	2,71	6	2,47	6
5	Tự giác thực hiện các hoạt động học tập trên lớp	2,77	4	2,39	9
6	Tự giác rèn luyện các KN tự học cơ bản phù hợp với đào tạo theo HCTC	2,64	5	2,48	5
7	Chủ động tìm ra phương pháp học tập phù hợp với bản thân	2,52	9	2,41	8
8	Chủ động khắc phục khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu môn học	2,59	7	2,45	7
9	Chủ động, tích cực tìm kiếm tài liệu tham khảo theo yêu cầu của GV	2,53	8	2,49	4
Tổng ĐTB		2,70		2,52	

Qua kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 1 chúng ta thấy rằng:

Nhìn chung, có sự thống nhất trong đánh giá giữa hai nhóm khách thể tham gia khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về SV đối với hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Các khách thể khảo sát đều thống nhất đánh giá các yếu tố trên “*Ảnh hưởng nhiều*” đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB chung là 2,61 tương ứng với 3 mức độ đã được đưa ra.

Xét trong tương quan giữa các yếu tố, chúng tôi nhận thấy rằng:

- **Hiểu đúng bản chất của đào tạo theo tín chỉ là lấy người học làm trung tâm** là yếu tố được các khách thể khảo sát cho là có sự ảnh hưởng cao nhất đến rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB chung là 2,84 tương ứng với 3 mức độ đã đưa ra.

- **Hiểu rõ quy chế đào tạo theo tín chỉ là yếu tố có mức độ ảnh hưởng đứng ở vị trí thứ hai với ĐTB=2,82**), tiếp theo là yếu tố **hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung, cách thức rèn luyện KNHT của SV trong đào tạo theo tín chỉ** (ĐTB=2,65). Điều này thể hiện sự hiểu biết của SV đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ và KN tự học trong đào tạo theo HCTC có sự ảnh hưởng nhất trong việc rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất.

- Nhóm yếu tố tự giác (*Tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập ngoài giờ lên lớp; Tự giác thực hiện các hoạt động học tập trên lớp; Tự giác rèn luyện các KN tự học cơ bản phù hợp với đào tạo theo HCTC*) cũng được SV cho là có mức độ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB chung dao động từ 2,56 đến 2,59 tương ứng với ba mức độ được đưa ra.

- Các yếu tố ảnh hưởng về tính chủ động, tuy các khách thể tham gia khảo sát cho rằng mức ảnh hưởng thấp hơn tính tự giác nhưng vẫn đánh giá mức độ ảnh hưởng nhiều (ĐTB chung dao động từ 2,51 đến 2,52). Trong đó, **“Chủ động khắc phục khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu môn học”** được các khách thể khảo sát đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV trong đào tạo theo tín chỉ, điều này cho thấy để thực hiện nhiệm vụ một cách tự giác còn nhiều khó khăn, nếu không chủ động khắc phục thì sẽ ảnh hưởng rất nhiều cho việc rèn luyện KN tự học trong đào tạo theo tín chỉ; ảnh hưởng mà các khách thể khảo sát cho là thấp nhất trong các yếu tố đó là **“Chủ động, tích cực tìm kiếm tài liệu tham khảo theo yêu cầu của GV”** với ĐTB=2,51 tương ứng với ba mức độ đã được đưa ra.

2.2. Các yếu tố thuộc về giảng viên

Các yếu tố thuộc về GV ảnh hưởng đến rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ bao gồm các yếu tố chủ yếu là: Lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp giúp SV lĩnh hội tri thức và rèn luyện KN tự học; KN sử dụng các phương tiện, kỹ thuật dạy học hiện đại; Hướng dẫn phương pháp học hay cách rèn luyện KN tự học cho SV; Việc giao bài tập, giao nhiệm vụ ngoài giờ lên lớp, giới thiệu và yêu cầu SV tìm tài liệu tham khảo..

Kết quả khảo sát thu được thể hiện ở bảng 2 dưới đây như sau:

Bảng 2. *Đánh giá của CBQL,CVHT,GV và SV về các yếu tố thuộc về GV ảnh hưởng đến KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương*

TT	Các yếu tố	CBQL,CVHT, GV (n=60)		SV (n=247)	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp giúp SV lĩnh hội tri thức và rèn luyện KN tự học	2,51	1	2,55	1
2	KN sử dụng các phương tiện, kỹ thuật dạy học hiện đại	2,38	4	2,44	4
3	Hướng dẫn phương pháp học hay cách rèn luyện KN tự học cho SV	2,48	2	2,46	2
4	Việc giao bài tập, giao nhiệm vụ ngoài giờ lên lớp, giới thiệu và yêu cầu SV tìm tài liệu tham khảo ...	2,43	2	2,45	3
Tổng ĐTB		2,45		2,47	

Qua kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 2 chúng ta thấy rằng:

Nhìn chung, có sự thống nhất trong đánh giá giữa hai nhóm khách thể tham gia khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về GV đối với hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Các khách thể khảo sát đều thống nhất đánh giá các yếu tố trên “*Ảnh hưởng nhiều*” đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB chung là 2,46 tương ứng với 3 mức độ đã được đưa ra; ĐTB của từng yếu tố dao động từ: 2,41 đến 2,53.

Xét trong tương quan giữa các yếu tố, chúng tôi nhận thấy:

- *Hướng dẫn phương pháp học hay hướng dẫn cách rèn luyện KN tự học* là yếu tố được CB, GV và SV tham gia khảo sát cho là có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương với ĐTB chung cho cả hai nhóm khách thể khảo sát là 2,51. Điều này hoàn toàn hợp lý, bởi lẽ, trong một thời gian dài nhà trường quá chú trọng vào đổi mới phương pháp dạy học mà chưa thật sự chú trọng đến đổi mới phương pháp học, hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện KN tự học trong nhà trường chưa thực sự được chú trọng đúng mức nên đến lúc nhà trường mà trực tiếp là CB, GV phải xem đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng quan trọng để giúp SV có KN tự học cơ bản, phù hợp đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đào tạo theo HCTC.

- *Lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp giúp SV lĩnh hội tri thức và rèn luyện KN tự học* là yếu tố được CB, GV và SV tham gia khảo sát đánh giá là yếu tố có mức độ ảnh hưởng đứng ở vị trí thứ 2 trong các yếu tố ảnh hưởng với ĐTB là 2,47. Điều này cho thấy sự thành công trong rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất chịu tác động nhiều bởi phương pháp giảng dạy. Bởi lẽ, phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến thái độ học tập nói chung của SV, thông thường SV lựa chọn phương pháp học tập nói chung và phương pháp tự học nói riêng phù hợp với cách dạy của GV.

- *Việc giao bài tập, giao nhiệm vụ ngoài giờ lên lớp, giới thiệu và yêu cầu SV tìm tài liệu tham khảo* là yếu tố được các khách thể khảo sát đánh giá có mức độ ảnh hưởng thứ 3 trong số các yếu tố được nêu ra với ĐTB là 2,44.

- Yếu tố “*KN sử dụng các phương tiện, kỹ thuật dạy học hiện đại*” đứng ở vị trí cuối cùng trong các yếu tố với ĐTB chung là 2,41 tương ứng với 3 mức độ.

2.3. Các yếu tố thuộc về cố vấn học tập

Các yếu tố thuộc về CVHT ảnh hưởng đến rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC bao gồm các yếu tố chủ yếu là Tư vấn cách đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập; Thường xuyên cung cấp thông tin liên quan đến quy chế đào tạo theo HCTC cho SV; Hướng dẫn, theo dõi, đánh giá hoạt động ngoài giờ lên lớp của SV; Hiểu biết hoàn cảnh, năng lực của SV.

Kết quả khảo sát thu được thể hiện ở bảng 3 dưới đây như sau:

Bảng 3. *Đánh giá của CBQL, CVHT, GV và SV về các yếu tố thuộc về CVHT ảnh hưởng đến rèn luyện KN tự học cho SV trường CDSPTU*

TT	Các yếu tố	CB, GV (n=60)		SV (n=247)	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Tư vấn cách đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập	2,48	2	2,40	2
2	Thường xuyên cung cấp thông tin liên quan đến quy chế đào tạo theo HCTC cho SV	2,50	1	2,42	1
3	Hướng dẫn, theo dõi, đánh giá hoạt động ngoài giờ lên lớp của SV	2,38	3	2,38	3
4	Hiểu biết hoàn cảnh, năng lực của SV	2,36	4	2,36	4
Tổng ĐTB		2,43		2,39	

Cố vấn học tập là thuật ngữ xuất hiện cùng với phương thức đào tạo theo HCTC, CVHT là chuyên gia tư vấn, hỗ trợ SV và đồng hành cùng SV trong quá trình học tập. Hoạt động của đội ngũ CVHT có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập của SV và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Qua kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 3 chúng ta thấy rằng:

Nhìn chung, có sự thống nhất trong đánh giá giữa hai nhóm khách thể tham gia khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về CVHT đối với hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Các khách thể khảo sát đều thống nhất đánh giá các yếu tố trên “*Ảnh hưởng nhiều*” đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB chung là 2,40 tương ứng với 3 mức độ đã được đưa ra; ĐTB của từng yếu tố dao động từ: 2,36 đến 2,46.

Xét trong tương quan giữa các yếu tố, việc CVHT “*thường xuyên cung cấp thông tin liên quan đến quy chế đào tạo theo tín chỉ cho SV*” là yếu tố được CB, GV và SV tham gia khảo sát cho là có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương với ĐTB chung cho cả hai nhóm khách thể khảo sát là 2,46; đứng ở các vị trí tiếp theo là các yếu tố “*Tư vấn cách đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập*” (ĐTB là 2,44); yếu tố “*Hướng dẫn, theo dõi, đánh giá hoạt động ngoài giờ lên lớp của SV*” (ĐTB=2,38) và yếu tố “*Hiểu biết hoàn cảnh, năng lực của SV*” với ĐTB cũng là 2,36 tương ứng với ba mức độ.

2.4. Các yếu tố thuộc về tổ chức quá trình đào tạo

Các yếu tố thuộc về tổ chức quá trình đào tạo ảnh hưởng đến rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC bao gồm các yếu tố chủ yếu là Cung cấp thông tin, phổ biến rõ quy chế đào tạo theo HCTC; Kế hoạch đào tạo hợp lý, khoa học; Kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác; Tổ chức tập huấn KN tự học thường xuyên cho SV.

Kết quả khảo sát thu được thể hiện ở bảng 4 dưới đây như sau:

Bảng 4. *Đánh giá của CBQL, CVHT, GV và SV các yếu tố thuộc về tổ chức quá trình đào tạo ảnh hưởng đến rèn luyện KN tự học cho SV*

TT	Các yếu tố	CBQL, CVHT, GV (n=60)		SV (n=247)	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Cung cấp thông tin, phổ biến rõ quy chế đào tạo theo HCTC	2,44	2	2,46	4
2	Kế hoạch đào tạo hợp lý, khoa học	2,54	1	2,48	1
3	Kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác	2,42	3	2,40	3
4	Tổ chức tập huấn KN tự học thường xuyên cho SV	2,52	2	2,50	1
Tổng ĐTB		2,48		2,46	

Qua kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 4 chúng ta thấy rằng:

Nhìn chung, có sự thống nhất trong đánh giá giữa hai nhóm khách thể tham gia khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về tổ chức quá trình đào tạo đối với hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Các khách thể khảo sát đều thống nhất đánh giá các yếu tố trên “*Ảnh hưởng nhiều*” đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB chung là 2,47 tương ứng với 3 mức độ đã được đưa ra; ĐTB của từng yếu tố dao động từ: 2,41 đến 2,51.

Xét trong tương quan giữa các yếu tố, “*Kế hoạch đào tạo hợp lý, khoa học...*” và “*Tổ chức tập huấn KN tự học thường xuyên cho SV*” là yếu tố được CB, GV và SV tham gia khảo sát cho là có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB cho ba mức độ được đưa ra là 2,51; tiếp đến là yếu tố “*Cung cấp thông tin, phổ biến rõ quy chế đào tạo theo HCTC*” (ĐTB=2,45) và yếu tố “*Kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác*” với ĐTB cũng là 2,41 tương ứng với ba mức độ.

2.5. Các yếu tố thuộc về cơ sở vật chất

Các yếu tố thuộc về CSVC ảnh hưởng đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào

tạo theo HCTC bao gồm các yếu tố chủ yếu là Hệ thống mạng internet, wifi đủ mạnh; Thư viện đủ giáo trình, cập nhập thường xuyên, có thư viện điện tử ...; Có không gian cho SV tổ chức tự học, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đầy đủ, phù hợp yêu cầu; Trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ, hiện đại.

Kết quả khảo sát thu được thể hiện ở bảng 5 dưới đây như sau:

Bảng 5. *Đánh giá của CBQL,CVHT,GV và SV về các yếu tố thuộc về CSVC ảnh hưởng đến rèn luyện KN tự học cho SV*

TT	Các yếu tố	CBQL, CVHT, GV (n=60)		SV (n=247)	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Hệ thống mạng internet, wifi đủ mạnh	2,53	2	2,45	2
2	Thư viện đủ giáo trình, cập nhập thường xuyên, có thư viện điện tử	2,79	1	2,49	1
3	Có không gian cho SV tổ chức tự học, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đầy đủ, phù hợp yêu cầu	2,32	4	2,40	4
4	Trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ, hiện đại	2,50	3	2,41	3
Tổng ĐTB		2,54		2,44	

Hệ thống CSVC có ảnh hưởng không nhỏ đến mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Qua kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 5 chúng ta thấy rằng:

Nhìn chung, có sự thống nhất trong đánh giá giữa hai nhóm khách thể tham gia khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về CSVC đối với hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Các khách thể khảo sát đều thống nhất đánh giá các yếu tố trên “*Ảnh hưởng nhiều*” đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB chung là 2,49 tương ứng với 3 mức độ đã được đưa ra; ĐTB của từng yếu tố dao động từ: 2,36 đến 2,64.

Xét trong tương quan giữa các yếu tố, “*Thư viện đầy đủ giáo trình, cập nhật thường xuyên, có thư viện điện tử ...*” là yếu tố được CB, GV và SV tham gia khảo sát cho là có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến việc rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC với ĐTB cho ba mức độ được đưa ra là 2,64; tiếp đến là “*Hệ thống internet, wifi đủ mạnh*” là yếu ảnh hưởng nhiều thứ 2 (ĐTB=2,49); yếu tố “*trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ, hiện đại*” đứng ở vị trí thứ 3 và yếu tố “*không gian cho SV tổ chức tự học, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đầy đủ, phù hợp với yêu cầu đào tạo theo tín chỉ*” là các yếu tố được đánh giá ở vị trí cuối cùng, song cũng là yếu tố có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất với ĐTB cũng là 2,36 tương ứng với ba mức độ.

Tóm lại, qua các bảng 1; 2; 3; 4; 5 chúng ta có thể nhận thấy, các yếu tố đã được đề cập trong đề tài đều “*Ảnh hưởng nhiều*” đến hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Điều này đòi hỏi nhà trường mà trực tiếp là CB, GV, lãnh đạo Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên cần xác định được đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng, khai thác tối đa tác động tích cực của các yếu tố trong quá trình tổ chức hoạt động rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất nhằm từng bước nâng cao trình độ KN tự học của SV năm thứ nhất nói riêng và nâng cao chất lượng đào tạo theo HCTC của nhà trường nói chung.

Kết luận

Quá trình rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất khoa GDMN trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đáp ứng yêu cầu đào tạo theo HCTC chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó, các yếu tố cơ bản bao gồm: nhóm các yếu tố liên quan đến SV; nhóm các yếu tố liên quan đến GV; nhóm các yếu tố liên quan đến CVHT; nhóm các yếu tố liên quan đến tổ chức quá trình đào tạo và các yếu tố liên quan đến CSVC. Các yếu tố nêu trên đều ảnh hưởng nhiều đến quá trình rèn luyện KN tự học cho SV năm thứ nhất trong đào tạo theo HCTC, do đó, các cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên của nhà trường cần xác định, khai thác ảnh hưởng của các yếu tố nhằm tổ chức quá trình rèn luyện kỹ năng tự học của sinh viên ngày càng đạt được hiệu quả cao hơn, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo theo HCTC.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Khánh Bằng (1998), Cơ sở khoa học của tự học và hướng dẫn tự học, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Đức Giang (2012), Tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên trường ĐHSP Hà Nội theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện, Luận văn Thạc sĩ giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

3. Đặng Vũ Hoạt – Hà Thị Đức (2004), Lí luận dạy học đại học, NXB Đại học Sư phạm.
4. Trần Văn Hiếu (2002), Xây dựng và rèn luyện hệ thống kỹ năng tự học cho sinh viên, Đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Huế.
5. Nguyễn Thị Bích Phượng (2008), Biện pháp rèn luyện kỹ năng tự học môn Giáo dục học cho sinh viên trường Cao đẳng Cần Thơ, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Nguyễn Cảnh Toàn (1997), Quá trình dạy – tự học, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Cảnh Toàn – Lê Khánh Bằng (2009) Phương pháp dạy và học đại học, NXB Đại học Sư phạm.
8. Phạm Viêt Vượng (2000), Giáo dục học, NXB ĐHQG Hà Nội.

GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thanh Thủy

ThS. Nguyễn Thị Phương

Khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp

Tóm tắt

Bài viết nhằm làm rõ một số hạn chế trong quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ, từ khóa 2015-2018 đến nay; trên cơ sở đó đề xuất một giải pháp khắc phục những khó khăn, hạn chế góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương hiện nay.

Từ khóa: *Giải pháp, khó khăn, học chế tín chỉ, dạy và học.*

Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (Trường CĐSPTU) bắt đầu áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ từ khóa 2015 - 2018, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì vẫn còn nhiều khó khăn cần khắc phục. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để nâng cao hiệu quả việc dạy và học? Làm thế nào để việc thay đổi đó được đồng bộ và sâu rộng đảm bảo được mục tiêu mà nhà trường hướng tới. Vì vậy, việc tháo gỡ khó khăn, bất cập để tiếp tục thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ là rất cần thiết phù hợp với xu thế chung hiện nay.

Nội dung

1. Thực trạng việc áp dụng học chế tín chỉ hiện nay ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Để đánh giá việc áp dụng học chế tín chỉ ở Trường CĐSPTU hiện nay đã đạt hiệu quả cao chưa hay còn khó khăn gì? Trong quá trình giảng dạy tại khoa CNTT - GDNN, nhóm tác giả nhận thấy có những khó khăn cần được tháo gỡ như: khó khăn trong phương pháp dạy và học có ứng dụng CNTT, về số lượng và chất lượng của học liệu, chất lượng cố vấn học tập. Để có thể nhận định một cách tổng quát về việc dạy và học, nhóm tác giả tiến hành lấy ý kiến phỏng sinh viên vấn theo phiếu điều tra, cụ thể: *Mức độ hiểu biết về phương thức đào tạo tín chỉ mà nhà trường đang áp dụng? Mức độ tham gia của sinh viên vào quá trình giảng dạy (có áp dụng CNTT)?, Đánh giá chất lượng học liệu, và nhận xét về đội ngũ cố vấn học tập?* Qua khảo sát, đa số sinh viên chưa hiểu

rõ về phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ và sinh viên còn chưa hào hứng trong các buổi học; chất lượng học liệu chưa cao, chưa thực sự bám sát, khó hiểu và cần nhiều đến sự hỗ trợ của giảng viên; đội ngũ cố vấn học tập chưa sâu sát, chưa nhiệt tình với công việc, chưa thể hiện hết vai trò của một cố vấn học tập. Kết quả khảo sát thể hiện qua các biểu đồ dưới đây:



Hình 1. Đánh giá của sinh viên về chất lượng giáo trình, học liệu



Hình 2. Thái độ của sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu trên lớp

Theo kết quả thu được (Hình 1) có thể nhận thấy chất lượng của giáo trình, học liệu chưa đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên (chiếm 70%). Nhiều

tài liệu tham khảo, đề tài NCKH,... giảng viên viết chưa sát với thực tế, đón đầu đổi mới CNTT của môn học hoặc hệ thống bài tập mẫu trong giáo trình, tài liệu,... không thống nhất xuyên suốt khiến việc hiểu, tự học và vận dụng trở nên khó khăn cho sinh viên. Vì vậy, cần phải có sự kiểm duyệt, nâng cao hơn nữa chất lượng của tài liệu và học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu của sinh viên.

Bên cạnh đó (Hình 2), khối lượng kiến thức cần truyền đạt nhiều, giáo viên thường dùng PowerPoint để giảng dạy là chủ yếu, ít kết hợp các phần mềm CNTT khác khiến tiết học trở nên nhàm chán, sinh viên thường thụ động ngồi nghe, ghi chép mà ít chủ động tương tác với giáo viên (chiếm 60%). Do đó đòi hỏi giáo viên phải đổi mới phương pháp vận dụng sáng tạo, kết hợp các phần mềm dạy học hiệu quả để thu hút, lôi kéo sinh viên chủ động hơn trong các tiết học.

2. Giải pháp khắc phục một số khó khăn trong việc dạy và học theo học chế tín chỉ hiện nay của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Thứ nhất: Cần thay đổi suy nghĩ của sinh viên, hướng sinh viên tới phương pháp học mới và kết hợp với việc thay đổi phương pháp dạy học mới của giảng viên

Giảng viên cần được khuyến khích sử dụng phương pháp giúp sinh viên học tập bằng hành động. Học tập bằng hành động là một quá trình học hỏi và suy nghĩ, cân nhắc liên tục, có sự hỗ trợ của bạn cùng học, nhằm mục đích tạo ra việc học tập có chất lượng ở sinh viên. Thông qua phương pháp này, các giảng viên có thể chia sẻ với nhau thông qua việc giải quyết các vấn đề thực tế và thông qua kinh nghiệm của bản thân. Việc xây dựng chương trình học tập bằng hành động là nhằm vào mục đích cải tiến việc học tập cũng như môi trường học tập của sinh viên. Hiện nay, mặc dù trường CĐSPTU đã mở nhiều lớp bồi dưỡng ứng dụng CNTT vào quá trình dạy và học nhưng chỉ có rất ít GV áp dụng hiệu quả. Nguyên nhân có nhiều nhưng nguyên nhân chính vẫn là do tính ỉ, ngại đổi mới hoặc chưa biết cách vận dụng sáng tạo các phần mềm giảng dạy với nhau. Nhà trường cần đẩy mạnh hơn nữa việc phối kết hợp với khoa CNTT- GDNN để việc bồi dưỡng đạt chất lượng như buổi bồi dưỡng “ứng dụng sáng tạo và hiệu quả CNTT trong dạy và học thế kỷ 21” diễn ra vào ngày 21/5/2019. Các khoa chuyên môn cần khuyến khích hơn nữa CBGV tham gia vào cộng đồng giáo dục của Microsoft bằng cách vận dụng tài khoản Office365 do nhà trường cấp để GV, SV có được những trải nghiệm thực tế, giao lưu với các thầy cô và SV khác trên toàn thế giới. Và bản thân nhóm tác giả khi vận dụng Office365, các phần mềm trò chơi trong giáo dục như Kahoot, Quizizz, Plickers... vào quá trình giảng dạy, đánh giá mức độ hiểu vận dụng bài cũng như quá trình tự học tự nghiên cứu của SV, kết quả rất tốt. Đa số SV rất mong được đến lớp học, chăm đọc tài liệu và hào hứng tham gia các buổi giao lưu trực tuyến, kiểm tra đánh giá của GV.



Hình 3. Buổi bồi dưỡng “ứng dụng sáng tạo và hiệu quả CNTT trong dạy và học thế kỷ XXI” diễn ra vào ngày 21/5/2019 tại trường CDSPTU

Mục đích của giáo dục bậc đại học, cao đẳng là hướng vào SV. Chất lượng học tập vì thế phụ thuộc phần lớn vào phương pháp học tập của SV. Cho nên, điều này lại phụ thuộc vào quan niệm của người học rằng họ biết gì về việc học của mình cũng như những chiến lược học tập nào mà họ sẽ sử dụng. Giáo viên bộ môn, cố vấn học tập cần hỗ trợ tư vấn cho người học (nhất là SV năm thứ nhất) nắm được kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các tư liệu do chính mình thu thập, đồng thời hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể khi đó mới tác động làm thay đổi suy nghĩ của SV hướng SV tiếp cận đến những phương pháp dạy học mới hiệu quả mà GV áp dụng.

Thứ hai: cần làm phong phú hơn kho giáo trình và học liệu, khuyến khích giảng viên viết ra giáo trình mới phù hợp với yêu cầu hiện nay của khoa, của nhà trường.

Tài liệu được thể hiện dưới nhiều hình thức sẽ giúp cho nguồn học liệu được triển khai đến SV một cách đa dạng và phong phú. Xét về loại hình vật mang tin thì có thể chia thành hai loại tài liệu cơ bản là tài liệu vật lý và tài liệu số. Đối với tài liệu vật lý, cần thiết phải bổ sung đầy đủ đầu tài liệu và số lượng tài liệu phục vụ cho SV theo các kỳ học tín chỉ. Đối với tài liệu số, việc mua quyền sở hữu, quyền truy cập, hoặc tham gia các mô hình liên kết chia sẻ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu mang tính học thuật là điều quan trọng và cần được chú trọng triển khai. Ngoài ra, việc số hóa các tài liệu vật lý cũng cần thiết. Bởi một mặt, việc số hóa này sẽ hỗ trợ cho việc lưu trữ tài liệu, mặt khác, nó cung cấp cho SV nhiều sự lựa chọn hơn trong việc truy cập và khai thác.

Đối với tài liệu vật lý, việc sắp xếp và tổ chức hệ thống kho đóng hay mở cần phải đảm bảo đến mức tối đa sự thuận tiện đối với SV từ việc tìm kiếm và sử dụng. Kho đóng cần triển khai các dịch vụ phục vụ người đọc một cách tốt nhất trong khi tài liệu kho mở cần được sắp xếp sao cho hầu hết SV ở trong trường có thể hiểu được và dễ dàng tự tìm

kiếm tài liệu mình cần. Đặc biệt nguồn học liệu vật lý cần có không gian tự nghiên cứu hoặc tự học tập một cách khoa học. Cụ thể, khu vực sử dụng tài liệu cần được thiết kế sao cho thuận lợi cho việc đọc và nghiên cứu của SV, ví dụ như không gian, không khí, cách bố trí bàn ghế, và ánh sáng. Kho tài nguyên số cần được xây dựng và cung cấp cho SV trên môi trường mạng với các công cụ tra cứu và khai thác thân thiện, hiệu quả. Sinh viên với mọi hình thức học đều có thể dễ dàng truy cập vào các dịch vụ tra cứu và cung cấp thông tin để tìm kiếm cũng như khai thác thông tin qua mạng Internet. Đây được coi là hình thức tra cứu tài nguyên thông tin phổ biến nhất đối với đại đa số SV. Đối với các cơ sở dữ liệu bên ngoài, tức là nguồn dữ liệu đã được mua quyền truy cập vĩnh viễn hoặc định kỳ, cần phải có những hướng dẫn cụ thể và tỉ mỉ về cách thức tìm kiếm, khai thác để SV có thể sử dụng các tài nguyên số này một cách hữu dụng.

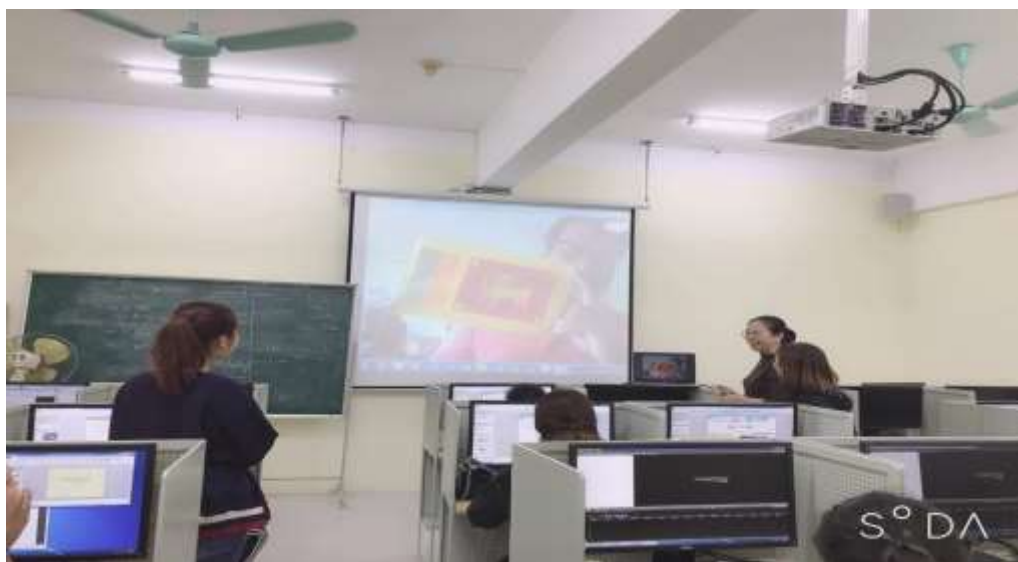
Về chất lượng tài liệu tham khảo (TLTK) và giáo trình môn học của trường ta chưa cao. Nhiều TLTK được GV viết mang tính chất để hoàn thành nhiệm vụ khoa học, chưa sát với nhu cầu người học và thực tế đòi hỏi hiện nay của ngành nghề. Do đó, nhà trường, các khoa chuyên môn cần có biện pháp kiểm duyệt đồng thời có chính sách phù hợp để khuyến khích và giúp giảng viên tích cực viết tài liệu tham khảo, giáo trình môn học chất lượng uy tín, phù hợp với các ngành nghề đào tạo của trường.

Qua khảo sát cho thấy, số lượng sinh viên đến với thư viện của trường chưa cao. Để thu hút sinh viên tìm đến với nguồn học liệu tại thư viện, các hình thức quảng bá sản phẩm và dịch vụ thông tin tại thư viện trường cần được đẩy mạnh và phát huy. Nhóm tác giả xin đưa ra một gợi ý: Sau tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, cần sắp xếp một buổi để cán bộ thư viện Marketing đến người học, nói rõ số lượng tài liệu và khả năng đáp ứng, phục vụ được những gì của thư viện; hướng dẫn sinh viên cách thức mượn/trả cũng như tra cứu tìm kiếm tài liệu trên mạng nhanh và hiệu quả. Thẻ thư viện cũng cần phải được cấp trước khi SV học học phần đầu tiên. Kết hợp GV bộ môn hướng dẫn SV cách đọc lướt, nắm được ý chính và khái quát thành bản đồ tư duy, báo cáo trong buổi học/semina/bài tập về nhà hoặc kiểm tra đánh giá mức độ tự học của SV tránh tình trạng SV bị choáng vì có quá nhiều tài liệu để đọc mà không biết cách đọc hoặc không mượn/trả cứu được ở đâu nhằm hình thành cho SV thói quen đến thư viện. Bản thân nhóm tác giả chúng tôi, trong mỗi buổi học luôn tạo không khí sôi nổi, áp dụng nhiều hình thức kiểm tra mức độ đọc/hiểu tài liệu của SV mà hoàn toàn không gây áp lực khiến SV tự chủ động tìm, đọc tài liệu. Ví dụ như các phần mềm KaHoot, Plickers, Quizizz,... (những phần mềm này đã được chúng tôi giới thiệu đến toàn trường trong buổi bồi dưỡng chuyên môn do Công đoàn nhà trường tổ chức và khoa CNTT-GDNN phụ trách về chuyên môn) khiến SV rất hào hứng tham gia.

Thứ ba: tạo không gian học để sinh viên thích thú hơn trong việc tự nghiên cứu và đạt được hiệu quả cao trong việc tự học

Chất lượng học tập phụ thuộc vào việc áp dụng các nguyên tắc phù hợp cho việc học ở tuổi trưởng thành. Người học trưởng thành học tập tốt nhất trong môi trường thoải mái, có sự hợp tác, hỗ trợ và thân thiện. Đó là môi trường phù hợp giúp cho người học ở tuổi trưởng thành học tập một cách sâu sắc. Để thúc đẩy tinh thần trách nhiệm trong học tập, các giảng viên cần: Tạo ra một môi trường giảng dạy-học tập sao cho mỗi người học đều tham gia vào quá trình học tập một cách có ý thức; Cung cấp những chương trình đào tạo linh hoạt nhằm giúp người học chọn lựa nội dung học phần, thứ tự các học phần trong chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, phương thức và thời gian học tập sao cho có ý nghĩa nhất đối với từng người. Để kích thích sự say mê và các giá trị đối với việc học tập, đồng thời tạo cơ hội phát triển trí tuệ cho người học, các giảng viên cần tạo ra những cơ hội học tập và giao lưu trong đó người học có thể tham gia hết mình cả về trí tuệ lẫn tình cảm.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của nhà trường cần khang trang, sạch sẽ, thư viện thân thiện và có hạ tầng mạng phù hợp, hỗ trợ wifi miễn phí toàn trường. Hiện tại Nhà trường đã có phòng học trực tuyến có thể triển khai đào tạo từ xa, vì vậy Trung tâm Bồi dưỡng kiến thức cần đẩy mạnh tuyển sinh các khóa học bồi dưỡng dành cho sinh viên và giáo viên trong cả nước để SV có thể học mọi lúc, mọi nơi, trao đổi nhóm học tập, nghiên cứu hiệu quả. GV cũng có thể kiểm tra mức độ chuyên cần, tiến độ tự học và đánh giá kết quả học tập trực tuyến định kỳ của SV để kịp thời hỗ trợ những mặt còn yếu của SV mà không nhất thiết phải gặp SV trên lớp.



Hình 4. Một tiết học có giao lưu trực tuyến

Thứ tư: đội ngũ cố vấn học tập phải thật sự nhiệt tình, có kinh nghiệm, gần gũi với sinh viên

Đội ngũ cố vấn học tập phải đóng vai trò tích cực trong việc cung cấp thông tin và hướng dẫn sinh viên trong học tập (đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất) như lựa chọn học phần, thay đổi học phần, tạm ngưng học hoặc thôi học; khuyến khích sinh viên tham gia

vào các hoạt động của Khoa. Ghi nhận sự tiến bộ trong học tập của sinh viên, chỉ ra những vấn đề mà sinh viên cần chú trọng, có các giải pháp hỗ trợ hoặc những hoạt động ngăn ngừa đối với từng sinh viên khi họ gặp các khó khăn trong học tập, đặc biệt là các nguy cơ bị buộc thôi học hoặc tự nghỉ học. Đối với sinh viên năm cuối, cần có sự hỗ trợ riêng trong quá trình thực tập-thực tế. Cần cung cấp thông tin về triển vọng nghề nghiệp, tạo điều kiện cho SV làm quen với thị trường lao động thông qua thực tập-thực tế, các khóa học ứng dụng, các lớp bồi dưỡng chuyên sâu nhằm nâng cao trình độ tay nghề hoặc những biện pháp tương tự khác.

Bên cạnh đội ngũ giảng viên làm cố vấn học tập cũng cần nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Chất lượng đội ngũ phục vụ trong quá trình hỗ trợ người học. Đó là nhân viên thư viện, nhân viên hành chính và công tác sinh viên ở Khoa và các Phòng chức năng. Trung tâm bồi dưỡng kiến thức của nhà trường cần luôn cập nhật các modul mới, đáp ứng yêu cầu thị trường cần để SV và CBGV dễ dàng tiếp cận học tập nâng cao trình độ tay nghề.

Kết luận

Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ có những điểm khác biệt cơ bản so với đào tạo theo niên chế như: kết quả học tập mong đợi, cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo, chiến lược dạy và học, kiểm tra đánh giá, và công tác tư vấn hỗ trợ người học. Với những tính chất cơ bản này, đào tạo theo học chế tín chỉ chứng tỏ tính ưu việt mà hầu hết các trường đại học, cao đẳng trên thế giới đã ứng dụng nhằm tạo thuận lợi cho người học, đồng thời hướng đến tính đại chúng trong giáo dục.

Cho dù với phương thức đào tạo nào, thì yếu tố đảm bảo chất lượng đào tạo cũng cần đặc biệt chú trọng. Trong bối cảnh hội nhập về giáo dục, xu hướng liên kết, trao đổi sinh viên và công nhận tín chỉ lẫn nhau giữa các trường đại học, cao đẳng trong nước với quốc tế thì công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, kiểm định và xếp hạng các trường đại học, cao đẳng đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của giáo dục đại học Việt Nam. Đảm bảo chất lượng là để khẳng định uy tín, vị thế hội nhập vào các nền giáo dục tiên tiến.

Để hướng tới mục tiêu đó, trường CDSPTU đang đẩy mạnh đổi mới chất lượng đào tạo, tiến tới xây dựng các hệ thống chính sách, quy trình, kế hoạch hành động để giám sát và nâng cao chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn chất lượng của khu vực và quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2006), Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020.
2. Vũ Thị Hòa (2015), *Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục & Xã hội số đặc biệt tháng 9/2015, hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.
3. Lê Đức Ngọc, *Xây dựng văn hóa chất lượng: tạo nội lực cho cơ sở đào tạo đáp ứng yêu cầu của thời đại chất lượng*, Tạp chí Thông tin Giáo dục, Số (36) 4/2008.
4. <http://cdsptw.edu.vn/content.aspx?sitepageid=624>, *Sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn*

NHỮNG KHÓ KHĂN, BẮT CẬP KHI GIẢNG DẠY MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

TS. Đỗ Thị Thanh Loan

Phòng Tổ chức – Hành chính

Tóm tắt:

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, việc nâng cao chất lượng dạy và học môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin mang tính cấp thiết. Khảo sát bước đầu về thực trạng giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường cao đẳng, đại học vẫn còn nhiều khó khăn, bắt cập. Điều này, xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân lớn nhất xuất phát từ phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp tự học của sinh viên. Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra một số giải pháp mang tính tham khảo nhằm góp phần vào việc khắc phục thực trạng trên và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Từ khóa:

Khó khăn; giảng dạy; giảng dạy những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đặt vấn đề

Tròn một thập kỷ, thực hiện Công văn số 512/BGDĐT- GDĐH về việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; việc giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường cao đẳng, đại học đã và đang tồn tại nhiều khó khăn, bắt cập. Những khó khăn, bắt cập này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như: nguyên nhân từ sự tích hợp giáo trình; từ trang bị cơ sở vật chất; từ giảng viên và từ người học... Việc nghiên cứu thực trạng để tìm ra những giải pháp đề hướng đến mục tiêu là bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, bồi dưỡng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng và củng cố lòng tin vững chắc cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước là một điều cần thiết trong các trường cao đẳng, đại học hiện nay.

Nội dung

1. Thực trạng giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin hiện nay

Nghiên cứu và giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin là quá trình cung cấp cho người học những quy luật chung nhất chi phối sự vận

động phát triển của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy; những quy luật kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường và những quy luật chung nhất về những vấn đề chính trị - xã hội trong tiến trình phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa.

Chương trình môn học này với dung lượng kiến thức rất lớn nhưng thời gian phân bổ cho môn học không nhiều (120 tiết cho cả 3 phần)... Mặc dù các tác giả biên soạn giáo trình các môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung đã hết sức cố gắng rút ngắn bằng cách cắt giảm bớt một số phần để làm cho giáo trình ngắn gọn hơn, thế nhưng trên thực tế vẫn còn tồn tại tình trạng giảng viên chạy đua với bài giảng sao cho khỏi cháy giáo án. Quá trình đó làm cho người học tiếp thu bài giảng một cách thụ động, chỉ lo nắm nội dung cốt lõi của bài mà người dạy nhấn mạnh trong quá trình giảng dạy hoặc cho ghi những vấn đề cần thiết, chưa nói đến việc người học có thấm nhuần được nội dung mà giáo trình đặt ra, hay người dạy có thể giúp người học biết liên hệ giữa lý luận với thực tiễn hay không? Việc chạy đua theo nhịp độ của giáo án đã làm cho các môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vốn đã khô khan, khó hiểu nay lại mất sinh động vì giảng viên ngoài việc trình bày kiến thức trong giáo trình ra thì không có thời gian để cho người học thảo luận trên lớp. Tuy có một số ý kiến cho rằng, giảng viên chỉ hướng dẫn trên lớp 70% thời lượng, còn lại 30% thời lượng người học tự nghiên cứu; nhưng trên thực tế giảng viên dùng 100% thời lượng để giảng 70% giáo trình thì vẫn còn gặp khó khăn.

Tính đặc thù của môn học đối với người mới tiếp cận đã làm cho rất nhiều người học nhận thức rằng, học các môn Lý luận chính trị cốt yếu chỉ cho qua học phần, đây cũng chỉ là môn học đại cương như những môn khác. Sự trừu tượng của môn học cùng sự thiếu thời gian để giải quyết vấn đề đã làm cho quá trình giảng dạy và học ngày càng gặp nhiều khó khăn. Thật không đầy đủ khi mọi thứ đều đổ lỗi cho giáo trình mà không chú ý đến nhân tố khác như chất lượng giảng viên.

Những năm qua, việc giảng dạy các môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đạt được một số thành tựu nhất định như: chấm dứt được tình trạng thầy đọc, trò ghi; sinh viên đã có khả năng ghi chép tóm tắt bài giảng của thầy. Phần lớn giảng viên đã đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực; hình thức kiểm tra, đánh giá đã có những thay đổi rõ rệt, đánh giá chính xác hơn kiến thức của sinh viên, hạn chế được phần lớn hiện tượng quay cóp trong thi cử. Chất lượng đội ngũ giảng dạy cũng đã được nâng lên đáng kể. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên cũng có nét khởi sắc và mang diện mạo mới về nội dung và hình thức tổ chức.

Một thực tế đang tồn tại ở một số trường cao đẳng đó là một giảng viên đảm nhận dạy tất cả các môn Lý luận chính trị. Tất nhiên, một bộ phận giảng viên có thể đảm nhận được tất cả các môn Lý luận chính trị, nhưng vẫn còn một số giảng viên chưa thật đủ

khả năng giảng dạy, nếu có dạy cũng chỉ là sự đọc trước giáo trình rồi lên lớp đọc lại cho sinh viên nghe và ghi chép lại. Tương tự, một giảng viên dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin đồng nghĩa với việc dạy 3 môn tích hợp trong một cuốn giáo trình. Để dạy 3 môn tích hợp này đã khó, kèm với đó là sự đảm nhiệm thêm các môn khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc một giảng viên phải đảm nhận nhiều môn học có nhiều nguyên nhân: nguyên nhân từ đơn vị chủ quản, nguyên nhân từ giảng viên. Nhưng dù có xuất phát từ nguyên nhân nào đi chăng nữa, việc một giảng viên dạy tất cả các môn Lý luận chính trị thì sự đầu tư cho giáo án sẽ bị hạn chế, do đó dẫn đến chất lượng bài giảng khó đảm bảo. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy chậm, hiệu quả chưa cao và chủ yếu vẫn dừng lại ở phương pháp truyền thống, diễn giảng, thuyết trình, đọc thoại...

Phân tích thực trạng giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin có thể thấy rất nhiều khó khăn bất cập, tuy nhiên ở góc độ vĩ mô cũng có hai khía cạnh khó khăn, bất cập chủ yếu, đó là việc gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. Cụ thể:

Về mặt lý luận: Việc nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin là phải chú ý cả ba bộ phận hợp thành của nó. Nếu không chú ý nghiên cứu, học tập, vận dụng sẽ làm cho triết học, kinh tế chính trị học Mác - Lênin và CNXH khoa học dễ lệch hướng chính trị - xã hội, trước hết và chủ yếu là lệch hướng bản chất, mục tiêu là xây dựng CNXH.

Nghiên cứu, học tập môn học này còn có ý nghĩa lý luận là: trang bị cho đội ngũ lãnh đạo các cấp những nhận thức chính trị - xã hội trong quá trình bảo vệ và xây dựng CNXH... Vì thế, các nhà kinh điển Mác - Lênin có lý khi xác định rằng, CNXH khoa học là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân hiện đại và đảng của nó để thực hiện quá trình giải phóng nhân loại và giải phóng bản thân mình. Môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ cải tạo thế giới (cả tự nhiên, xã hội và con người) theo hướng tiến bộ, văn minh.

Đội ngũ trí thức và thế hệ trẻ hiện nay là những lực lượng xã hội có trí tuệ, có nhiều khả năng và tâm huyết trong quá trình cải tạo và xây dựng xã hội XHCN ở Việt Nam. Nếu chỉ thuần túy chú trọng về khoa học và công nghệ, phi chính trị, hoặc mơ hồ về chính trị và vi phạm pháp luật, họ càng không thể góp tài, góp sức xây dựng Tổ quốc của mình. Do vậy, nghiên cứu, giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin chính là việc được trang bị trực tiếp nhất về nhân sinh quan, thế giới quan và ý thức chính trị - xã hội, lập trường tư tưởng chính trị và bản lĩnh cho người học góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, định hướng XHCN. Đồng thời cũng làm cho người học có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa

đế quốc và bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước; chống phá CNXH, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Về mặt thực tiễn: Mọi lý thuyết khoa học, đặc biệt là các khoa học xã hội, bao giờ cũng có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là những dự báo khoa học có tính quy luật. Nghiên cứu, giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin lại càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì CNXH trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh. Vì vậy, sự bình tĩnh và sáng suốt, chủ động sáng tạo tìm ra những nguyên nhân cơ bản và bản chất của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước XHCN, chúng ta mới có thể đi tới kết luận chính xác rằng: không phải do CNXH - một xu thế xã hội hoá mọi mặt của nhân loại; cũng không phải do chủ nghĩa Mác - Lênin làm các nước XHCN khủng hoảng. Trái lại, chính là do các nước XHCN đã nhận thức và hành động trên nhiều vấn đề trái với CNXH, chủ nghĩa Mác - Lênin... đã giáo điều, chủ quan, duy ý chí, bảo thủ xem nhẹ những thành quả chung của nhân loại, trong đó có chủ nghĩa tư bản; đồng thời do xuất hiện chủ nghĩa cơ hội - phản bội trong một số cán bộ, đảng viên và sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình đã làm cho CNXH thế giới lâm vào thoái trào. Thấy rõ thực chất những vấn đề đó một cách khách quan, khoa học; đồng thời được minh chứng bởi thành tựu rực rỡ của sự nghiệp đổi mới, cải cách của các nước XHCN, trong đó có Việt Nam.

Do đó, việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các khoa học khác... càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hoá, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục và trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin là tiên hành cùng cố niềm tin thật sự đối với CNXH. Sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; tiến hành hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá về kinh tế; xây dựng "kinh tế tri thức", thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN... đang là những cơ hội lớn, đồng thời cũng có những thách thức lớn đối với dân tộc ta.

2. Các giải pháp chủ yếu

Trong thời gian tiếp theo, thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy đi vào chiều sâu và có hiệu quả, khắc phục được những khó khăn bất cập trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói chung và môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời gian tiếp sau cần phải quán triệt một số biện pháp như:

Thứ nhất: Vận dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm, với mục đích đi tới sự hiểu biết là chính thay vì học nội dung kiến thức là chính, học kỹ năng thực hành và thái độ thực tiễn trong nghề nghiệp nhiều hơn việc lĩnh hội kiến thức tổng quát,...

Phương pháp này sẽ bớt sự nhàm chán, bởi những gì mà thầy cô giảng không đơn điệu, lý thuyết khô cứng mà gắn với thực tiễn...

Thứ hai: Đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy như sử dụng phương pháp đối thoại trực tiếp giữa người học và người dạy, kết hợp phương pháp thuyết trình và thảo luận, kết hợp phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại,... Tùy thuộc vào chuyên ngành của sinh viên mà giảng viên sử dụng những phương pháp cụ thể.

Thứ ba: Tăng cường tổ chức và hướng dẫn cho sinh viên tự học, bao gồm hướng dẫn mục đích, yêu cầu, nội dung tự học, tài liệu, cách tìm tài liệu và hướng dẫn cách đọc và ghi chép khi tự học. Tự học phải gắn liền với kiểm tra, đánh giá; kiểm tra, đánh giá phải có tác dụng định hướng cho việc dạy và học, đặc biệt là việc tự học của sinh viên, phải mạnh dạn đổi mới phương thức thi cử, đánh giá.

Thứ tư: Tiến hành các biện pháp đổi mới công tác thi cử, đánh giá kết quả học tập, từ khâu ra đề, hình thức thi, cách thức thi, tổ chức thi,... Tiến hành đánh giá kết quả học tập môn học theo ba công đoạn cơ bản là thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin, xác nhận kết quả học tập và ra quyết định điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học.

Thứ năm: Đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và sinh viên, trong đó, giảng viên giữ vai trò chủ đạo, là nhân tố quyết định thành công của đổi mới. Giảng viên cần thường xuyên tìm tòi, khám phá cách dạy cho hiệu quả, không ngừng học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn. Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- Trước hết, giảng viên phải thực sự là người tâm huyết với nghề nghiệp và có phong kiến thức sâu rộng. Mỗi giảng viên phải tự nâng cao cho mình về kiến thức chuyên ngành, liên ngành và phương pháp giảng dạy, rút kinh nghiệm đồng thời phải bổ sung những phần còn yếu, còn thiếu; không ngừng nâng cao hiểu biết, trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ; ngoài chuyên ngành của mình phải có phong kiến thức rộng.

- Giảng viên tham gia giảng dạy các môn Lý luận chính trị phải thường xuyên liên hệ với thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn của thế giới, của đất nước; của địa phương; của bản thân mỗi sinh viên.

- Giảng viên Lý luận chính trị cần tích cực sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong nghiên cứu và giảng dạy nhằm bổ sung và làm phong phú thêm cho những nội dung của bài giảng; thay đổi cách học và phương pháp học, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, đi sâu nghiên cứu của sinh viên, giúp cho sinh viên được tính chủ động, sáng tạo... tránh sử dụng phương pháp dạy chay, học chay; giúp sinh viên tiếp cận được khoa học kỹ thuật, gắn lý luận với thực tiễn, gắn học với hành. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ hiện đại, sự bùng nổ của công nghệ thông tin, giảng viên cần phải

sử dụng thành thạo máy tính, một trong những phương tiện hỗ trợ đắc lực, có hiệu quả cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy...

- Giảng viên cần chú trọng nghiên cứu khoa học, đây là động lực thúc đẩy say mê nghề nghiệp và làm chủ được tri thức trên cơ sở độc lập suy nghĩ, sáng tạo, biết vận dụng tri thức vào bài giảng cũng như thực tiễn cuộc sống.

- Thực hiện đầy đủ số tiết thảo luận cho sinh viên, bởi vì thông qua thảo luận, sinh viên có điều kiện trực tiếp trao đổi, đưa ra những chính kiến của mình cả về lý luận và thực tiễn; cả những vấn đề đúng và chưa đúng... Giảng viên kiểm nghiệm được sinh viên đã nắm được bài giảng đến mức độ nào; phương pháp giảng dạy của giảng viên đã đạt được hiệu quả hay không? Kiến thức của giảng viên còn có chỗ nào chưa thật vững để tự điều chỉnh, bổ sung. Thực hiện tốt việc thảo luận buộc sinh viên phải đọc tài liệu, nghiên cứu, chuẩn bị, từ đó sẽ tạo nên động lực và hứng thú của người học, giúp cho họ nắm vững được lý luận vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Kết luận

Như vậy, đánh giá và phân tích thực trạng để đưa giải pháp hữu ích cho việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói chung và môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin nói riêng là cần thiết hiện nay. Tuy nhiên, để giúp sinh viên hứng thú với môn học này đòi hỏi đội ngũ giảng viên giảng dạy phải đổi tư duy từ việc “lấy người thầy làm trung tâm” sang “lấy người học làm trung tâm”. Việc khắc phục những khó khăn, bất cập, đòi hỏi mỗi giảng viên phải chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, phải không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp trên. Bên cạnh đó việc nâng cao chất lượng dạy và học cần có sự nhập cuộc của Đảng ủy, Ban giám hiệu các nhà trường và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị, *Thông báo kết luận tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2020*.
2. Bộ Giáo dục Đào tạo (2010), *Đổi giáo dục Việt Nam, Luật Giáo dục văn bản án giáo dục, quy chế tuyển sinh năm 2010*; Nxb Lao động, Hà Nội.
3. Đỗ Minh Cường, Nguyễn Thị Doan (2001), *Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Tiến Cường (1998), *Sự phát triển giáo dục chế độ thi cử Việt Nam thời phong kiến*; Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Lê Văn Giang (2001), *Những vấn đề lý luận khoa học giáo dục*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện người thời kỳ công nghiệp hóa, đại hóa*; Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀO GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Thị Thanh Nga

Khoa Giáo dục đại cương

Tóm tắt: *Sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng trong đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay. Khi sử dụng một cách hợp lý phương pháp dạy học tích cực vào việc giảng dạy môn tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ góp phần làm tăng giá trị lý luận cũng như giá trị thực tiễn của môn học, làm cho bài giảng giảng viên thêm sức hấp dẫn, sinh động, tăng tính thuyết phục đối với sự nhận thức của sinh viên. Bài viết đã làm rõ thế nào là phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc trưng, vai trò và thực giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục đích góp phần nâng cao chất lượng, đổi mới nội dung và phương pháp dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các Trường Cao đẳng và Đại học hiện nay.*

Từ khóa: *Phương pháp dạy học tích cực, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Đặt vấn đề

Hiện nay với sự phát triển của cuộc cách mạng Khoa học Công nghệ đã đưa thế giới chuyển từ kỉ nguyên công nghệ sang kỉ nguyên thông tin và phát triển tri thức, đồng thời tác động đến tất cả các lĩnh vực, làm biến đổi nhanh chóng, sâu sắc đời sống vật chất và tinh thần của xã hội. Giáo dục được coi là nền tảng của khoa học công nghệ, là chìa khóa mở ra cho nhân loại những kho tàng tri thức mới, là công cụ để nâng cao ý thức dân tộc, tinh thần trách nhiệm và năng lực của các thế hệ hiện nay và mai sau. Vì vậy, các quốc gia, từ những nước đang phát triển đến những nước phát triển đều nhận thức được vị trí, vai trò hàng đầu của giáo dục, đều phải đổi mới giáo dục để có thể đáp ứng một cách năng động hơn, hiệu quả hơn, trực tiếp hơn những nhu cầu của sự phát triển đất nước. Trong đó, đổi mới phương pháp dạy học là khâu rất quan trọng. Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá là việc cần phải được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm giúp sinh viên chủ động trong việc học, rèn luyện cho sinh viên cách làm việc nhóm, phát huy tính sáng tạo, năng động, cách trình bày một vấn đề khoa học, cách thuyết trình trước đám đông, cách hùng biện và phản ứng trả lời câu hỏi nhanh và đúng.

Nội dung

1. Một số khái niệm cơ bản

Định hướng đổi mới phương pháp dạy và học đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (1 - 1993), Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (12 - 1996), được thể chế hóa trong Luật Giáo dục (12 - 1998), được cụ thể hóa trong các chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là chỉ thị số 15 (4 - 1999). Luật Giáo dục, điều 24, đã ghi: "Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của sinh viên; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho sinh viên". Có thể nói cốt lõi của đổi mới dạy và học là hướng tới hoạt động học tập chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động.

Phương pháp dạy học tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

"*Tích cực*" trong phương pháp dạy học - tích cực được dùng với nghĩa là hoạt động, chủ động, trái nghĩa với không hoạt động, thụ động chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực.

"*Phương pháp dạy học tích cực*": là hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy. Tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì giảng viên phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động. Muốn đổi mới cách học phải đổi mới cách dạy. Cách dạy chỉ đạo cách học, nhưng ngược lại thói quen học tập của sinh viên cũng ảnh hưởng tới cách dạy của thầy.

Trong thời gian qua, mặc dù đã có những nỗ lực đổi mới phương pháp dạy học đáng ghi nhận trong toàn ngành nhưng Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI vẫn tiếp tục nhận định: chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học còn lạc hậu, đổi mới chậm. Nghị quyết Đại hội Đảng lần này đặt ra yêu cầu ***đổi mới căn bản và toàn diện*** nền giáo dục nước nhà, một nhiệm vụ hết sức to lớn cho toàn ngành Giáo dục nước ta, trong đó có việc tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học.

2. Đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực.

Thứ nhất, dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên.

Trong phương pháp dạy học tích cực, người học là đối tượng của hoạt động "dạy", đồng thời là chủ thể của hoạt động "học" được cuốn hút vào các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được giảng viên sắp đặt. Được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, người học trực tiếp quan sát, thảo luận, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình, từ đó nắm được kiến thức, kỹ năng mới, vừa nắm được phương pháp "làm ra" kiến thức, kỹ năng đó, không rập theo những khuôn mẫu sẵn có, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo. Dạy theo cách này giảng viên không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn hành động. Chương trình dạy học phải giúp cho sinh viên biết hành động và tích cực tham gia các chương trình hành động của cộng đồng.

Thứ 2, dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học.

Phương pháp tích cực xem việc rèn luyện phương pháp học tập cho sinh viên không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học đặc biệt là đối với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong xã hội hiện đại đang biến đổi nhanh, với sự bùng nổ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ phát triển như vũ bão thì không thể nhồi nhét vào đầu óc sinh viên khối lượng kiến thức ngày càng nhiều. Phải quan tâm dạy cho học sinh phương pháp học ngay từ bậc Tiểu học và càng lên bậc học cao hơn càng phải được chú trọng. Trong các phương pháp học thì cốt lõi là phương pháp tự học. Nếu rèn luyện cho người học có được phương pháp, kỹ năng, thói quen, ý chí tự học thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi con người, kết quả học tập sẽ được nhân lên gấp bội. Vì vậy, ngày nay người ta nhấn mạnh mặt hoạt động học trong quá trình dạy học, nỗ lực tạo ra sự chuyển biến từ học tập thụ động sang tự học chủ động, đặt vấn đề phát triển tự học ngay trong trường phổ thông, không chỉ tự học ở nhà sau bài lên lớp mà tự học cả trong tiết học có sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Vai trò của phương pháp dạy học tích cực đối với việc giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

Việc dạy và học tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường Cao đẳng, Đại học, cũng như trong hệ thống Giáo dục và Đào tạo hiện nay đang được thực hiện tích cực. Song có thể nói, việc đó chưa đạt đến trình độ phát triển mạnh với hiệu quả cao nhất. Để cho việc học tập, giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh phát triển mạnh cả về bề nổi, bề rộng và đi sâu được vào cuộc sống, nhất định phải đổi mới phương pháp giảng dạy, nhằm làm cho người học nắm được thực chất cách mạng, khoa học, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, nói đi đôi với làm trong Tư tưởng Hồ Chí Minh, để người học thực sự vừa học tập, vừa làm theo tư tưởng của Người.

Hơn nữa, cần đổi mới phương pháp giảng dạy sao cho người học tăng cường sức đề kháng đối với sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần đổi mới phương pháp giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm khắc phục tình trạng người giảng đọc cho người học chép. Học sinh, sinh viên học thuộc lòng, không suy nghĩ, không vận dụng được kiến thức vào cuộc sống. Khắc phục việc học tập để phô trương, chỉ có hình thức, tốn kém, ít tác dụng. Vai trò của phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cho sinh viên lĩnh hội tri thức. Nếu giảng viên giảng theo phương pháp “đọc - chép” thì sinh viên phải học thuộc lòng (học vẹt) để ghi nhớ những tri thức đó (có thể hoàn toàn không hiểu gì) còn nếu giảng viên sử dụng phương pháp dạy học tích cực dẫn dắt quá trình học tập của sinh viên qua việc giải quyết vấn đề, phát huy vai trò chủ đạo của giảng viên trong quá trình dạy học ở bậc đại học và cao đẳng.

Sinh viên một mặt là đối tượng của hoạt động dạy, mặt khác là chủ thể của hoạt động nhận thức có tính chất nghiên cứu. Sinh viên là chủ thể của hoạt động tích cực, độc lập, sáng tạo nhằm chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo có liên quan đến nghề nghiệp tương lai của mình. Trong quá trình dạy học đại học dưới sự tổ chức, điều khiển, hoạt động học của giảng viên, sinh viên có thể tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức của bản thân. Tính tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình học tập sẽ tác động lại hoạt động giảng dạy của giảng viên. Do đó, đổi mới phương pháp dạy học là vấn đề vô cùng cấp thiết, nhằm phát huy cao độ tính tích cực, sáng tạo của sinh viên trong quá trình dạy học hiện nay.

Giảng viên là người hướng dẫn, tổ chức điều khiển hoạt động học tập của sinh viên. Sinh viên là chủ thể chính trong quá trình đào tạo. Dưới sự tổ chức, điều khiển của giảng viên, sinh viên chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng bằng chính hành động học tập của mình. Do đó giảng viên cần đầu tư thời gian, trí tuệ nghiên cứu và tổ chức, dẫn dắt để sinh viên khám phá bản chất vấn đề bài học. Sinh viên ghi nhớ vững chắc và lâu dài những tri thức cơ bản đó là những tư tưởng chủ đạo, những luận điểm, những nguyên lý chủ yếu của khoa học chứ không phải là những chi tiết vụn vặt. Thông qua quá trình nắm vững hệ thống tri thức, kỹ năng giúp sinh viên có khả năng năng động, có năng lực thích ứng cao trong quá trình lĩnh hội và vận dụng tri thức trong các tình huống quen thuộc mà còn vào các tình huống mới muôn màu muôn vẻ trong thực tiễn nghề nghiệp trong tương lai.

4. Thực trạng giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay tại trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Trong quá trình giảng dạy tại trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, tôi nhận thấy dạy theo phương pháp dạy học tích cực, giảng viên phải vận dụng tổng hợp tất cả

các phương pháp phối hợp một cách linh hoạt cả phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học hiện đại vào quá trình giảng dạy như thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tiểu luận, khuyến khích sự trao đổi đối thoại hợp tác giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với nhau. Qua đó phát huy vai trò tích cực, chủ động sáng tạo của sinh viên, hướng dẫn họ biết cách tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Theo tôi giảng viên là nhân tố quyết định sự thành công của đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá trong đào tạo nói chung và đặc biệt là đối với việc sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực vào môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là đối với sinh viên hiện nay chất lượng đầu vào thấp, ý thức tự học tự nghiên cứu của sinh viên nhất định không thể cao được và không đồng đều. Vì vậy mỗi giảng viên phải nhận thức một cách đúng đắn sự tất yếu phải đổi mới, từ đó chủ động suy nghĩ, tìm tòi vận dụng linh hoạt các phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học khác nhau nhằm định hướng gợi mở dẫn dắt sinh viên, giúp họ biết cách tự học, tự nghiên cứu có kết quả cao nhất. Chính vì lẽ đó môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với khối lượng kiến thức nhiều, thời gian lại bị rút ngắn từ 3 đơn vị học trình còn 2 tín chỉ, nhưng nội dung kiến thức không có gì thay đổi nên tôi suy nghĩ nội dung nào nên giảng sâu cho sinh viên theo phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề còn nội dung nào để sinh viên thảo luận theo nhóm. Do đó, thực tế giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay cho thấy việc dạy học của giảng viên vẫn là thuyết trình trên lớp. Bên cạnh đó trong quá trình dạy học giảng viên ít kết hợp được với những phương pháp dạy học tích cực khác, làm cho người học bị động trong việc học tập và lĩnh hội tri thức, làm cho ý thức học tập của đa số sinh viên không cao, phổ biến chỉ là đối phó để thi.

Để khắc phục thực trạng trên tất yếu cần phải đổi mới phương pháp dạy học và cần thiết phải sử dụng các phương pháp dạy học tích cực vào trong quá trình giảng dạy của giảng viên nhằm mục đích đạt hiệu quả cao trong quá trình học tập của sinh viên.

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới phương pháp, sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm thực hiện mục tiêu dạy học theo nhiều cấp độ khác nhau. Hơn nữa, khi giáo dục Việt Nam hiện nay đang chuyển từ tiếp cận kiến thức sang tiếp cận năng lực, khi về bản chất yêu cầu của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là biết vận dụng những vấn đề lý luận đó vào thực tiễn cuộc sống và công việc thì việc sử dụng nhiều phương pháp dạy học bên cạnh phương pháp thuyết trình là một đòi hỏi tất yếu. Người giảng viên phải nắm rõ mục tiêu, nội dung của từng phần giảng cũng như đối tượng sinh viên để có thể lựa chọn những phương pháp phù hợp và hiệu quả nhất

Kết luận

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới phương pháp, sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm thực hiện mục tiêu dạy học theo nhiều cấp độ khác nhau. Hơn nữa, khi giáo dục Việt Nam hiện nay đang chuyển từ tiếp cận kiến thức sang tiếp cận năng lực, khi về bản chất yêu cầu của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là biết vận dụng những vấn đề lý luận đó vào thực tiễn cuộc sống và công việc thì việc sử dụng nhiều phương pháp dạy học bên cạnh phương pháp thuyết trình là một đòi hỏi tất yếu. Người giảng viên phải nắm rõ mục tiêu, nội dung của từng phần giảng cũng như đối tượng sinh viên để có thể lựa chọn những phương pháp phù hợp và hiệu quả nhất.

TÂM LÝ HỌC – SINH LÝ HỌC LÚA TUỔI



MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ CAN ĐẢM (AQ) CHO TRẺ MẦM NON

ThS. Lê Hồng

Khoa Giáo dục mầm non

“Thành công trong cuộc sống không dựa trên chỉ số IQ của bạn, mà là khả năng biến chướng ngại vật thành cơ hội đến từ AQ của bạn.”

Paul Stoltz

Tóm tắt:

AQ (Adversity Quotient) được biết đến là chỉ số đo khả năng đối xử hoặc quản lý nghịch cảnh, stress, khó khăn. AQ có thể gọi tắt là chỉ số vượt khó của mỗi con người. Đối với trẻ lứa tuổi mầm non, khi gặp trở ngại và thất bại hay còn gọi là nghịch cảnh, trẻ có thể trưởng thành tốt hơn, có khả năng kháng bại tốt hơn nhưng cũng có thể khiến trẻ chán nản, thất vọng và hoài nghi vào bản thân mình. Bố mẹ có thể rèn luyện và giúp con nâng cao chỉ số AQ từ ngày thơ bé, bằng những biện pháp hiệu quả như khích lệ trẻ có niềm tin vào bản thân; phân tích khó khăn và giải quyết cùng trẻ; giúp trẻ dũng cảm chấp nhận thất bại và suy nghĩ tích cực.

Từ khóa: Chỉ số AQ; khả năng vượt khó; thành công

Đặt vấn đề

Bên cạnh các chỉ số thông minh IQ(Intelligence Quotient) và chỉ số cảm xúc EQ (Emotional Quotient)..., chỉ sốAQ (Adversity Quotient) được biết đến là chỉ số đo khả năng đương đầu hoặc quản lý nghịch cảnh, stress, khó khăn, gọi tắt là chỉ số vượt khó của mỗi con người. Các nhà khoa học đã chỉ ra rằng, kỹ năng độc lập, tự tin, quyết tâm không bỏ cuộc là những kỹ năng cơ bản cần có khi muốn thành công ở bất cứ lĩnh vực nào trong cuộc sống. Trong đó, chỉ số AQ được coi là một trong những chỉ số định lượng các phẩm chất tạo nên thành công của mỗi con người, trên cả IQ, tài năng và năng khiếu.

Nội dung

1. Một số thuật ngữ khoa học về chỉ số can đảm (AQ)

Dựa vào chỉ số AQ, các nhà nghiên cứu chia ra 3 dạng người dựa trên cách thức cá nhân đối diện với những khó khăn, thử thách trong cuộc đời.

Quitter: Là những người dễ buông xuôi. Họ dễ dàng nản chí, dễ dàng từ bỏ việc theo đuổi 1 công việc, 1 dự định và cao hơn là 1 mục đích sống. Kết quả là thường giữa đường đứt gánh và nhận thất bại hoặc kết quả không như ý.

Camper: Là những người chịu khó, làm việc chăm chỉ, có ý thức phấn đấu rèn luyện bản thân, và sẽ làm nhiều thứ để đạt tới 1 mức độ nhất định nào đó trong cuộc sống. Tuy nhiên, họ dễ hài lòng và thoả hiệp với bản thân để thấy như vậy là đủ.

Climber: Là những người có sự kiên định và hoài bão lớn. Họ luôn học hỏi, rèn luyện bản thân, nỗ lực cố gắng để đạt tới những mức độ tốt nhất có thể trong khả năng. Họ cũng thường là tuýp người không chấp nhận một tình thế sẵn có, và tìm cách xoay sở để cải thiện nó tốt hơn.[3]

Cha mẹ, thầy cô phải luôn kiểm tra, theo dõi sự phát triển chỉ số AQ của trẻ để kịp thời nắm bắt trẻ đang ở mức độ nào trong 3 mức độ trên. Theo Paul Stoltz, với chỉ số AQ, có thể đo mức độ hoài bão, nỗ lực, sự sáng tạo, năng lượng, sức khoẻ lý tính, xúc cảm và hạnh phúc của một người. Nó cũng chính là một chỉ báo về 4 mức độ cao thấp của bản lĩnh sống: Đối diện khó khăn, xoay chuyển cục diện, vượt lên nghịch cảnh, tìm được lối ra. Với sự giáo dục khác nhau, chúng ta sẽ có những đứa trẻ có cách đối diện khác nhau với những khó khăn trong cuộc sống.

2. Đặc điểm tâm lý của trẻ khi gặp khó khăn

Con người khác với loài vật ở chỗ hoạt động có ý thức, có sự nỗ lực ý chí trong hành động, nghĩa là thực hiện những hành động nhằm đạt đến mục đích đã đặt ra một cách có ý thức. Để hoạt động đạt được hiệu quả, con người cần nhận thức rõ là mình muốn gì và xây dựng mục đích hành động.

Đối với trẻ em, từ một tuổi rưỡi trở đi và đặc biệt khi lên ba, trẻ em đã bắt đầu làm chủ ngôn ngữ của bản thân. Dưới ảnh hưởng của ngôn ngữ, các hành động tự ý thức xuất hiện sự tham gia của ý chí. Vốn kinh nghiệm hành động với các sự vật mà các trẻ đã tích lũy được và những kết quả các em đã thu được qua hoạt động thực tiễn tạo ra đã giúp trẻ có niềm tin vào khả năng, tính độc lập của mình. Khi nhận thức được khả năng của mình đã tăng hơn, trẻ thường đặt ra cho mình những mục đích và thực hiện những nguyện vọng, dự định của mình ngày càng đa dạng và táo bạo hơn.[4]

Thế nhưng, để đạt được mục đích, thực hiện được mục tiêu đề ra là điều không dễ dàng. Khi đặt ra mục đích, trẻ phải cố gắng rất nhiều. Ở lứa tuổi mẫu giáo, khả năng tư duy phân tích chưa phát triển đầy đủ nên trẻ không thấy hết được toàn bộ công việc vừa bắt đầu, không thể thấy trước được những trở ngại và khó khăn trên con đường thực hiện ý đồ của mình và không thể đánh giá được khả năng, vốn kỹ năng của mình.

Ví dụ: Trẻ và bạn háo hức cùng các bạn cùng làm chong chóng tre. Trẻ cảm thấy rất tự tin và dễ dàng làm được khi quan sát cô giáo làm mẫu. Tuy nhiên khi làm xong,

chong chóng của trẻ không quay được. Trẻ không hiểu được cánh quạt phải dán so le nhau và lỗ khoan trên thanh tre phải rộng. Nếu người lớn không kịp thời hỗ trợ và hướng dẫn sẽ khiến trẻ thất vọng và chán nản không muốn làm tiếp nữa. Ở một số hoạt động cần thực hiện các kỹ năng khó như tập trượt batin cũng vậy. Nhìn các bạn đi, trẻ rất háo hức và muốn đi ngay. Trẻ chưa hình dung được rằng phải biết giữ thăng bằng trên các bánh xe nên khi thực hiện trẻ liên tục bị ngã. Ngay lúc này, người lớn nên kiên trì và tập cùng trẻ cách cân bằng hoặc hướng dẫn cách lấy thăng bằng, trẻ sẽ vui vẻ và quyết tâm và cố gắng tập cho đến lúc thành thục như các bạn. Nếu để trẻ tự xoay sở, trẻ sẽ cảm thấy mình bất lực. Ranh giới giữa thành công và thất bại của trẻ khá mong manh. Ở trẻ sự kiên trì và sức bền của lòng quyết tâm vẫn chưa được thử thách nhiều. Giữa thích và mong muốn đạt được mục tiêu đến chuyển sang việc bỏ cuộc, đổi ý, từ bỏ cũng rất nhanh để chuyển hướng tìm kiếm mục tiêu mới.

Trong cuộc sống thường ngày, trẻ có thể gặp nhiều khó khăn, trở ngại và thất bại hay còn gọi là nghịch cảnh... Nghịch cảnh giúp trẻ tăng cường khả năng chống chọi với mọi thử thách và trưởng thành tốt hơn và cũng có thể khiến trẻ trở nên chán nản, thất vọng và hoài nghi vào bản thân mình.

Từ thực tế trên của trẻ, gia đình và nhà trường sẽ có cách phối hợp hợp lý, xây dựng một lộ trình giúp trẻ tối ưu nhất. Việc tăng chỉ số AQ của trẻ chính là trách nhiệm của cả gia đình và nhà trường với tương lai đứa trẻ. Tất nhiên, mỗi đứa trẻ có một tố chất khác nhau. Một đứa trẻ hôm nay tiến bộ hơn với đứa trẻ ngày hôm qua, dũng cảm hơn, tự tin hơn và hạnh phúc hơn trong cuộc sống là mong muốn của mỗi gia đình và nhà giáo dục.

Đối với con trẻ, những khó khăn là những bức tường đôi khi rất khó vượt qua. Do đó, nhiệm vụ của các bậc cha mẹ và thầy cô là phải biết cách giúp các em vượt qua khó khăn, từng bước vượt qua các nghịch cảnh trong cuộc sống. Khi trẻ rèn luyện thường xuyên kỹ năng vượt khó trong cuộc sống, kỹ năng đó sẽ được khái quát trở thành phương thức chung của hành động, được gìn giữ thành một phẩm chất của nhân cách[1]. Làm cách nào để làm tăng chỉ số AQ ở trẻ là câu hỏi luôn được các nhà khoa học, cha mẹ và thầy cô quan tâm trong những năm gần đây.

3. Một số biện pháp giúp trẻ vượt qua thử thách và nghịch cảnh

Một đứa trẻ có chỉ số AQ cao sẽ là người rất dễ thành công trên bước đường học vấn lẫn khi bước vào đời. Bởi lẽ, trẻ tiềm ẩn trong mình một sức bật mà chính cha mẹ có thể cũng không ngờ. Trẻ không dựa dẫm, không ỷ lại vào cha mẹ. Khi đối diện với thử thách, trẻ có xu hướng lạc quan và mạnh mẽ tiến về phía trước. Rèn luyện thường xuyên kỹ năng vượt khó trong cuộc sống cho trẻ, kỹ năng đó sẽ được khái quát trở thành phương thức chung của hành động trong cuộc đời trẻ, được gìn giữ thành một phẩm chất

tốt đẹp của nhân cách. AQ cao không đơn thuần có sẵn có mà phải là cả một quá trình rèn luyện và bố mẹ có thể nâng cao cho con từ ngày thơ bé, bằng những bước hiệu quả sau đây:

3.1. Khích lệ trẻ có niềm tin vào bản thân

Cho đến cuối lứa tuổi mẫu giáo, một trong những động cơ hành động có ý nghĩa nhất định đối với trẻ em là chờ đợi ý kiến đánh giá của người làm công tác giáo dục, bố mẹ và bạn bè cùng trang lứa về hành động của mình. Không muốn tỏ ra kém, yếu hơn bạn bè, trẻ luôn thể hiện sự nỗ lực ý chí rất cao.

Vai trò của nhà giáo dục có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp đỡ trẻ vượt qua các ngưỡng khó khăn. Phải ủng hộ ngay quá trình hoạt động của các em, nguyện vọng đạt mục đích đã đặt ra, sự kiên trì và tự chủ của bản thân. Những lời nhận xét mang tính tích cực như: “Giỏi lắm!”, “Con đã làm rất tốt”, “Em làm khá lắm!”, “Con sửa một chút ở chỗ này nữa thì bức tranh này sẽ tuyệt đẹp!” hay “chắc chắn con sẽ làm được, cố gắng lên!”... luôn là nguồn động lực cho trẻ. Khen thưởng đúng lúc luôn tạo ra kì tích. Đứa trẻ nào cũng có thể trở thành thiên tài, nhưng nếu muốn chúng trở thành thiên tài thì chúng ta phải tán thưởng chúng, giáo dục chúng như một thiên tài.

Cuộc sống luôn có khó khăn, chướng ngại vật và đầy trở ngại, khi trẻ có đức tin, niềm tin vững mạnh, đó sẽ là nguồn lực tinh thần tôi luyện và giúp trẻ vượt qua mọi khó khăn. Người lớn, đặc biệt là cha mẹ và thầy cô giáo hãy dạy con, học trò đừng bỏ cuộc, rèn luyện hoàn tất mọi công việc cho dù nhỏ, để tạo thói quen luôn luôn hoàn tất nó cho dù thế nào.

3.2. Phân tích khó khăn và giải quyết cùng trẻ

Tuổi càng nhỏ, các hoạt động của trẻ sẽ gặp nhiều khó khăn, trẻ sẽ cần sự hỗ trợ của người lớn. Phản ứng bản năng của cha mẹ, cô giáo là giúp đỡ trẻ. Tuy nhiên sự giúp đỡ của người lớn cũng có nhiều mức độ. Đôi khi sự giúp đỡ chỉ hạn chế ở chỗ gợi nhắc mục đích hành động, đôi khi phải giúp đỡ các em xác định cách thức đạt tới mục đích. Nếu nhận thấy mục đích là khó, người làm công tác giáo dục nhận thấy các em không chịu được sự căng thẳng, phải thiết thực giúp đỡ các em ngay để các em thấy được kết quả của sự cố gắng về ý chí của mình. Ngược lại, nếu như người lớn giúp trẻ giải quyết hết khó khăn tức là cướp đi cơ hội để trẻ tự trải nghiệm thắng bại, từ đó tạo ra tính ỷ lại, không có niềm tin trong hoạt động của trẻ. Luôn khuyến khích trẻ ý thức đối diện với thất bại và năng lực thừa nhận trắc trở mới có thể phát huy sức mạnh, sự tự tin, là người có ích và có năng lực.[3]

Trong cuộc sống, cha mẹ và cô giáo nên đặt ra một số khó khăn ở mức độ vừa phải để con trẻ được trải nghiệm những trở ngại trong cuộc sống. Người Do Thái đề cao trải nghiệm cá nhân nên họ thường cố ý tạo ra khó khăn để con cái tự trải qua. Ví dụ họ

có thể cùng con tham gia một trò chơi, không nhường chúng để cho chúng hiểu thắng thua là chuyện hết sức bình thường, rèn luyện chúng chịu áp lực tâm lý khi thua cuộc.[1]

3.3. Dừng cảm chấp nhận thất bại

Cha mẹ nhất thiết phải dạy con dừng cảm chấp nhận sự thật, có thể thất bại, nhưng từ thất bại có thể học được nhiều điều, lại tiếp tục có thể đứng lên. Hãy luôn dạy con cách đối mặt với trở ngại và cùng con phân tích nguyên nhân dẫn đến trở ngại. Phải để trẻ biết rằng thành công và thất bại trong cuộc sống luôn song hành với nhau. Trong cuộc sống sẽ có những việc không như ý muốn, nếu đến một chút thất bại nhỏ cũng không chấp nhận được thì sẽ khó vượt qua những trở ngại lớn hơn.

Giúp con nhận thức đúng đắn về 'trở ngại', các bà mẹ Do Thái thường chỉ dẫn các con đọc truyện ký của một số vĩ nhân. Đọc nhiều, trẻ sẽ cảm thấy hành trình của cuộc đời là không ngừng chiến thắng khó khăn, chiến thắng trở ngại. Và chúng cũng sẽ nhận ra những khó khăn, trở ngại mà chúng gặp phải không là gì so với các bậc vĩ nhân[1]. Các bậc cha mẹ nên cho con trẻ biết bản thân cha mẹ cũng có lúc thất bại và cũng phải tự vượt qua.

Do đó, cha mẹ nên buông tay trẻ để trẻ tự đối diện với những trắc trở, khó khăn trong cuộc sống. Nếu nhất thời con chưa thể thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ có thể dạy con biết nhẫn nại hoặc tìm nơi gửi gắm tinh thần khi rơi vào nghịch cảnh như vận động, vui chơi, tán gẫu.

3.4. Suy nghĩ tích cực

Gặp trở ngại không có nghĩa là thất bại, chưa có trở ngại cũng chưa chắc đã là thành công. Cha mẹ cần dạy con cách ứng xử đúng đắn đối với thành công và thất bại. Sớm gặp thất bại trong cuộc đời sẽ nhận được những lợi ích thực tế lớn nhất.

Ngay cả trong những lúc khó khăn nhất, những người có chí vượt khó cao thường có một khả năng đặc biệt để có thể vượt qua nghịch cảnh, nuôi hy vọng và luôn lạc quan vào tương lai. Vì vậy, cha mẹ giúp trẻ nhớ rằng, trong mọi vấn đề luôn có một lối thoát, chúng ta chỉ cần tìm nó, và thực thi nó. Bảng chữ cái cũng có đến 24 - 26 chữ cái thì nếu kế hoạch A không thực thi được thì bạn còn kế hoạch B, kế hoạch C... và kế hoạch Z. Vì vậy, hãy tìm nhiều lựa chọn, nhiều kế hoạch và nhiều câu trả lời cho vấn đề của mình. Mỗi thất bại sẽ là bài học cho cuộc sống. Không đổ lỗi và coi mình là nạn nhân của thất bại mà nhìn nhận thất bại là một cơ hội để học hỏi, tự mình tạo ra sức đề kháng với mọi thất bại.

Kết luận

AQ là một chỉ số về năng lực sống mạnh mẽ của con người. Nếu cha mẹ và nhà giáo dục luôn cảm thấy cần thiết phải giúp con nâng cao IQ, EQ thì AQ cũng quan trọng không kém, AQ có thể quyết định sự thành công và ảnh hưởng đến chỉ số IQ, EQ của trẻ. Cha mẹ, thầy cô hãy luôn hiểu trẻ, cho trẻ cơ hội để có thể trải nghiệm nhiều khó khăn hơn. Nắm vững tâm lý trẻ, trao cho trẻ sự tự tin, cùng trẻ vượt qua thử thách, giúp trẻ lạc quan với mọi thất bại và vượt qua thất bại chính là chúng ta đã trao những điều tốt đẹp nhất cho tương lai mỗi đứa trẻ./.

Tài liệu tham khảo

[1] Cha mẹ Do thái rèn kỹ năng vượt khó cho con như thế nào?

<http://www.suckhoegd.com/chi-tiet/17686/cha-me-do-thai-ren-ky-nang-vuot-kho-cho-con-nhu-the-nao.html>

[2] Chỉ số vượt khó AQ - Paul Stoltz - Thái Hà Book

[3] Dạy học ở mẫu giáo – A.P. UXOVA

[4] Tâm lý học trẻ em(Tập 1 +2) – Sở giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh- xuất bản 1989

THỰC TRẠNG TRẺ BÉO PHÌ, NGUYÊN NHÂN VÀ BIỆN PHÁP

ThS.BS. Đặng Thị Thu Hà

Khoa Giáo dục Mầm non - Trường CDSP Trung ương

Tóm tắt

Béo phì được biết đến như là sức khỏe cộng đồng quan trọng ở nhiều nước. Ở Việt Nam, bên cạnh tình trạng suy dinh dưỡng, tình trạng thừa cân béo phì ở trẻ em cũng có xu hướng gia tăng. Đây là gánh nặng kép của dinh dưỡng cộng đồng, vậy làm thế nào giúp trẻ có được hành lang an toàn của hai bờ vực thẳm, một bên là thừa cân béo phì, một bên là suy dinh dưỡng, muốn giải quyết được vấn đề này chúng ta phải có cái nhìn tổng thể từ thực trạng để đưa ra các biện pháp phù hợp giúp làm bớt tỷ lệ mắc bệnh béo phì ở trẻ em hiện nay.

Từ khoá: Béo phì, dinh dưỡng, tỉ lệ mắc bệnh

Đặt vấn đề

Trước năm 1995, các cuộc điều tra dịch tễ học cho biết: ở nước ta chưa thấy xuất hiện vấn đề thừa cân béo phì liên quan đến sức khỏe, bệnh mạn tính và dinh dưỡng cộng đồng. Tỷ lệ thừa cân béo phì gần như không có.

Từ năm 2000 đến nay, đã có liên tục các thông báo về tình hình thừa cân béo phì phổ biến trên diện rộng ở nhiều loại đối tượng. Nếu như năm 2000 tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì tại Việt Nam chỉ là 0,62% thì 10 năm sau con số này đã là 5,6% (tương đương khoảng 400.000 trẻ). Tỷ lệ này tại Đà Nẵng là gần 10%, TP HCM 9,6%, Hà Nội 6,2%. Sau hơn một năm đưa ra chương trình phòng chống béo phì thì tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi có thừa cân béo phì vẫn tiếp tục gia tăng. Vậy cần tìm hiểu rõ nguyên nhân và từ đó giúp những người chăm sóc nuôi dưỡng trẻ có cách chăm sóc khoa học, hạn chế tối đa nguy cơ thừa cân béo phì xảy ra với trẻ.

Nội dung

1. Khái niệm

Béo phì là hậu quả của tình trạng mất cân bằng năng lượng, trong đó năng lượng ăn vào vượt quá năng lượng tiêu hao song song với giảm hoạt động thể lực trong một lối sống tĩnh tại.

2. Một số nguyên nhân

2.1. Khẩu phần ăn và thói quen ăn uống

Khi chế độ ăn cung cấp năng lượng vượt quá nhu cầu, nếp sống làm việc tĩnh tại, ít tiêu hao năng lượng sẽ làm cân nặng cơ thể tăng lên. Vì ăn uống vốn là sự thích thú của con người, nên con người khó kiểm soát chế độ ăn của mình nhất là đối với trẻ em.

Thói quen ăn quá nhiều chất béo và tinh bột, ăn nhiều vào bữa tối, thích ăn thức ăn chứa nhiều năng lượng (đường mật, nước ngọt, bánh kẹo...). Theo điều tra của Viện Dinh dưỡng gần đây cho thấy, mức tiêu thụ gạo, thịt thay đổi rất nhiều, đặc biệt là thịt tăng lên rất nhanh (từ 11g/người/ngày vào những năm 80 đến năm 2010 đã tăng lên 84g). Trong khi đó cá, rau kỳ vọng tăng lên nhiều thì thay đổi rất ít. Cộng thêm mỗi gia đình hiện nay chỉ sinh 1-2 con, tình yêu của bố mẹ, cả nhà đều dồn vào con, chăm sóc quá kỹ lưỡng nhưng kiến thức đôi khi không đúng, thực hành dinh dưỡng không hợp lý dẫn đến trẻ bị thừa cân béo phì. Một nghiên cứu gần đây tại Hà Nội cho thấy có đến 53% bà mẹ không hề biết con nặng hơn mức chuẩn.

Một số cha mẹ vẫn còn cho rằng trẻ con phải bụ bẫm, mập mạp mới đáng yêu. Ngay cả khi đến khám dinh dưỡng, bác sĩ bảo con đủ cân nặng, chiều cao thì bố mẹ vẫn muốn con lên cân nữa để dư một tý. "Thêm vào đó, thực phẩm chế biến sẵn hiện khá phổ biến, nhiều người cho con ăn như một cách thể hiện đẳng cấp, sành sang, hoặc đơn giản là để tiết kiệm thời gian. Trong khi loại thực phẩm này lại nhiều chất béo, nhiều đường, ít vi chất dinh dưỡng - yếu tố giúp trẻ phát triển tốt về chiều cao".

2.2. Hoạt động thể lực

Hoạt động thể lực là yếu tố hết sức quan trọng đối với tình trạng thừa cân béo phì, tham gia vào thiết lập cân bằng giữa năng lượng tiêu hao và năng lượng ăn vào. Mặt khác, hoạt động thể lực còn giúp chuyển hóa tích cực. Cùng với yếu tố ăn uống, sự gia tăng tỷ lệ béo phì thường đi song song với giảm hoạt động thể lực trong lối sống tĩnh tại. Một số nhóm nghiên cứu nhận thấy nhóm thừa cân béo phì thường dành nhiều thời gian xem tivi, giải trí nhiều hơn, nhưng hoạt động thể dục thể thao lại ít hơn so với trẻ có tình trạng dinh dưỡng bình thường. Yếu tố vận động của trẻ trong xã hội hiện nay giảm rất nhiều. Giờ đây trẻ sống trong phòng điều hòa, không toát mồ hôi; quạt tay được thay bằng quạt điện; chỗ chơi không có; bắt ngồi học nhiều, trẻ xem tivi, máy tính nhiều... Vì thế, sự tiêu hao năng lượng giảm, trong đó năng lượng đưa vào không ngừng gia tăng, dẫn đến tỷ lệ béo phì gia tăng là một điều tất yếu.

2.3. Yếu tố di truyền

Trong gia đình có cha mẹ béo phì thì khả năng thừa cân béo phì của trẻ cao hơn. Có bằng chứng cho rằng gen là nhân tố quan trọng của việc di truyền bệnh béo phì.

3. Tác hại của thừa cân - béo phì đối với sức khỏe của trẻ

3.1. Ảnh hưởng tới sức khỏe

Theo các chuyên gia, trẻ bị thừa cân béo phì ở tuổi ấu thơ rất dễ bị tình trạng này khi trưởng thành, để lại nhiều hậu quả. Nó làm tăng nguy cơ mắc các bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tim mạch và bệnh mãn tính khác ngay khi trẻ còn nhỏ cũng như lúc trưởng thành.

3.2. Ảnh hưởng về mặt tâm lý

Trẻ béo phì dễ bị mặc cảm tự ti do bạn bè trêu chọc, phân biệt đối xử làm ảnh hưởng tới tâm lý và khả năng học tập của trẻ, thậm chí có những biểu hiện tiêu cực. Chính vì vậy, các em ngày càng xa lánh bạn bè không muốn tham gia các hoạt động tập thể. Các tổn thương tâm lý này kéo dài nếu không được phát hiện và can thiệp kịp thời sẽ kéo dài tới tuổi trưởng thành làm cho trẻ khó hòa nhập cộng đồng, có tư tưởng nổi loạn, thậm chí có những hành vi làm ảnh hưởng tới tính mạng bản thân.

3.3. Ảnh hưởng về kinh tế gia đình

Hậu quả về kinh tế có thể chia ra làm 2 loại: Hậu quả trực tiếp và gián tiếp.

- Hậu quả trực tiếp đó chính là chi phí dành cho chữa bệnh béo phì và các bệnh liên quan do béo phì gây ra.

- Hậu quả gián tiếp là việc giảm năng suất sản phẩm do bệnh béo phì gây ra cho người lao động.

4. Một số biện pháp cho các bậc phụ huynh khi trẻ bị thừa cân béo phì

Đối với trẻ thừa cân – béo phì cần có chế độ ăn phù hợp, không nên đặt mục tiêu giảm cân lên hàng đầu. Bữa ăn của trẻ phải cân đối hợp lý, đáp ứng nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng, đặc biệt là các vi chất dinh dưỡng như can xi, sắt, kẽm... Duy trì cân nặng hiện tại hoặc tăng cân ít hơn so với mức tăng cân trung bình theo tuổi, tăng cường phát triển chiều cao. Trong khẩu phần, chú trọng việc cung cấp các chất dinh dưỡng cho sự phát triển toàn diện của trẻ, chỉ giảm năng lượng chút ít (nếu cần thiết), gia tăng năng lượng tiêu hao thông qua các hoạt động thể lực.

4.1. Điều chỉnh chế độ ăn phù hợp

- Cho trẻ ăn phối hợp nhiều loại thực phẩm, chế độ ăn cân đối hợp lý bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng theo lứa tuổi.

- Cho trẻ ăn đúng giờ theo bữa. Nên chế biến các món luộc, hấp, trộn sa lát...

- Uống đủ nước, đủ sữa, nên uống sữa không đường.

- Nên ăn nhiều rau xanh, hoa quả ít ngọt và các thực phẩm nhiều chất xơ như ngô, khoai...

So với điều trị bằng chế độ ăn, tăng cường hoạt động thể lực tỏ ra có hiệu quả hơn, giúp trẻ phát triển chiều cao và duy trì sức khỏe tốt.

Các bậc cha mẹ cần quan tâm ủng hộ và tạo mọi điều kiện giúp trẻ vận động. Khuyến khích trẻ tham gia các môn thể dục thể thao như đi bộ, chạy, nhảy dây, đá bóng, cầu lông, đá cầu, bơi lội... Hướng dẫn, động viên, khen ngợi tạo điều kiện cho trẻ có lối sống năng động, tham gia làm các công việc ở nhà: lau dọn nhà cửa, xách nước tưới cây, bưng bê đồ đạc...

4.2. Rèn luyện thói quen cho trẻ

- Không bắt trẻ nhịn đói, vì nếu bị quá đói, trẻ ăn nhiều trong các bữa sau làm mỡ tích lũy nhanh hơn.
- Không nên cho trẻ uống các loại nước ngọt có ga.
- Hạn chế các loại bánh kẹo, đường mật, kem sữa đặc có đường, đồ ăn chiên xào.
- Không nên dự trữ các loại thức ăn giàu năng lượng như: bơ, pho mát, bánh, kẹo, chocolate, kem, nước ngọt trong nhà.
- Không nên cho trẻ ăn nhiều vào lúc tối trước khi đi ngủ.
- Tránh cho trẻ nhai kẹo cao su làm cho trẻ lúc nào cũng muốn nhai
- Hạn chế ngồi xem tivi, video, trò chơi điện tử... Không nên bắt trẻ học quá nhiều, nên tạo điều kiện để trẻ được vui đùa chạy nhảy sau những giờ học căng thẳng

Kết luận

Nước ta trong những năm gần đây, do sự thay đổi của nền kinh tế thị trường, đời sống nhân dân ta ngày càng được nâng cao, tình trạng thiếu dinh dưỡng ngày một giảm đi thì ngược lại tình trạng thừa dinh dưỡng đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt ở các thành phố lớn. Sự dư thừa cân nặng dẫn đến thừa cân, béo phì sẽ kéo theo sự gia tăng các bệnh mạn tính như đái tháo đường, cao huyết áp, nhồi máu cơ tim, vữa xơ động mạch, sỏi thận, xương khớp, ung thư... Vì vậy, các bậc phụ huynh cần phải có những hiểu biết về thừa cân, béo phì để giúp trẻ có một lối sống lành mạnh, một thói quen ăn uống hợp lý. Để có sức khỏe tốt nên luôn giữ cho trẻ có một thân hình lý tưởng thông qua một chế độ dinh dưỡng cân đối, nghiêm túc và một chế độ vận động, tập luyện hợp lý thường xuyên.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thị Thu Hà, Hoàng Thương Huyền, Trần Minh Đức (2018), *Vệ sinh- dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non*. Nhà xuất bản ĐH Quốc gia.
2. Phạm Kim Huệ (2015), *Các bệnh dinh dưỡng có ý nghĩa cộng đồng*. Nhà xuất bản Y học.
3. Nguyễn Thị Lâm (2007), *Hướng dẫn thực hành nuôi dưỡng trẻ*. Nhà xuất bản Y học.
4. Phan Thị Trung Ngọc (2013), *Các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng*. Nhà xuất bản Y học.

THỰC TIỄN GIÁO DỤC



MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG VIỆC RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SO SÁNH CHO TRẺ MẪU GIÁO LỚN

ThS. Nguyễn Thị Minh Phương

ThS. Trần Thị Yến

Khoa Giáo dục Mầm non

Tóm tắt:

So sánh có vai trò rất quan trọng trong hoạt động giáo dục trẻ mầm non. Muốn nâng cao năng lực so sánh cho trẻ mầm non thì trước hết, người giáo viên phải tự xác định một số yêu cầu như: phải bám sát nội dung chương trình giáo dục mầm non; phải đảm bảo tinh thần “học mà chơi, chơi mà học”; phải rèn luyện cho trẻ một cách hệ thống và liên tục, từ dễ đến khó. Việc đảm bảo những yêu cầu đó sẽ giúp trẻ phát triển trí tuệ, nâng cao khả năng so sánh trong hoạt động giáo dục cũng như trong hoạt động giao tiếp hàng ngày.

Từ khóa: *năng lực so sánh, hoạt động giáo dục, mẫu giáo lớn*

Đặt vấn đề

Trong đôi mắt trẻ thơ, thế giới thật rộng mở, sống động và chứa đựng biết bao những điều mới lạ, bí ẩn, đầy thú vị cần phải tìm hiểu, khám phá. Cái nhìn cuộc đời của trẻ thật ngây thơ, gần gũi và trong sáng. Trẻ đã dùng trí tưởng tượng, sự so sánh của mình một cách hết sức hồn nhiên để nắm bắt và nhận thức sự việc, hiện tượng diễn ra xung quanh. Qua so sánh, trẻ có thể khám phá, nhận thức chính xác, sâu sắc về thế giới, chấp cánh cho trí tưởng tượng bay bổng hơn. Vì thế có thể khẳng định, rèn luyện năng lực so sánh cho trẻ mẫu giáo lớn có vai trò hết sức to lớn trong mọi hoạt động giáo dục của trẻ ở trường mầm non.

Nội dung

1. Khái niệm “năng lực so sánh”

Hiện nay từ “*năng lực*” được sử dụng khá rộng rãi, cả trong cuộc sống đời thường lẫn trong dạy học. Ta thường bắt gặp các cụm từ có dùng từ này. Ví dụ: *năng lực tư duy, năng lực hành động, năng lực hợp tác, năng lực làm việc, năng lực tổ chức...* Theo cách hiểu của *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên thì “*Năng lực* là: 1. khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó. 2. phẩm chất tâm sinh lý và trình độ chuyên môn tạo cho con người khả năng

hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao”. Theo cách hiểu này: “*năng lực*” là một tập hợp của các thành tố: *phẩm chất tâm sinh lí + trình độ chuyên môn + chất lượng hoạt động*. Ngoài ra còn có những cách hiểu khác, như: “*Năng lực là sự tổng hợp những thuộc tính của cá nhân con người, đáp ứng những yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đạt được những kết quả cao*” (Phạm Tất Dong). Nói một cách chung nhất, năng lực là khả năng thực hiện một công việc nào đó nhờ có trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. *Năng lực là sự tổng hòa của các yếu tố: kiến thức, tri thức, sự hiểu biết, kinh nghiệm (Knowledge); kỹ năng, kỹ xảo, sự tinh nhạy (Skill); tố chất, thái độ, cách suy nghĩ, tinh thần trách nhiệm (Attitude) của mỗi người đối với công việc*. Đây là khả năng cá nhân giải quyết các vấn đề do những tình huống cuộc sống đặt ra. Như vậy năng lực không phải là cái sẵn có, không mang tính bẩm sinh, và không thể truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Năng lực chỉ có thể hình thành và phát triển trong quá trình rèn luyện của con người. Không phải chỉ có người lớn mới cần năng lực mà ngay cả trẻ ở lứa tuổi mầm non, mẫu giáo cũng rất cần năng lực. Năng lực là cái trẻ cần có, chính năng lực giúp cho trẻ sống, học tập và làm việc có hiệu quả trong suốt cả cuộc đời của mình.

Vậy năng lực so sánh của trẻ là gì? Theo khái niệm chúng tôi vừa nêu trên, năng lực so sánh của trẻ là sự kết hợp của ba thành tố: *hiểu được so sánh là hoạt động để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều đối tượng (Knowledge); có thể thực hiện được hoạt động so sánh khi nhận thức và khám phá môi trường xung quanh (Skill); có ý thức và cố gắng tìm tòi sự giống và khác nhau giữa hai đối tượng trong đời sống (Attitude)*. Nhưng những thành tố này - *hiểu biết, kỹ năng, thái độ* - đối với trẻ mẫu giáo không đòi hỏi ở mức độ cao như đối với những người trưởng thành. Bởi vậy, hiểu một cách đơn giản nhất, khi đứng trước hai đối tượng, trẻ có thể phát hiện ra được sự giống và khác nhau giữa chúng là trẻ có năng lực so sánh.

2. Một số yêu cầu khi rèn luyện năng lực so sánh cho trẻ mẫu giáo lớn

Việc giáo viên tổ chức rèn luyện năng lực so sánh cho trẻ không phải là hoạt động mang tính tùy hứng. Để hoạt động này có kết quả, giáo viên cũng cần phải tự xác định một số yêu cầu sau:

2.1. Phải bám sát nội dung chương trình giáo dục mầm non

Trong hướng dẫn thực hiện Chương trình mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2017 đã ghi rõ: “*Trên cơ sở Chương trình Giáo dục mầm non, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với nhóm/lớp, khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế của địa phương*”. Như vậy, giáo viên dựa vào nội dung chương trình sẽ chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ, tự mình đưa ra những phương án hoạt động sao cho có hiệu quả nhất, đạt được kết quả mà chương trình mong muốn. Giáo

viên phải lấy chương trình làm gốc, bám sát vào chương trình, theo đúng những định hướng chương trình đưa ra để tránh tình trạng chủ động một cách tùy tiện. Bất kì một hoạt động nào được giáo viên đề xuất cũng cần được đối chiếu với chương trình để xem hoạt động đó có trong nội dung chương trình không, có phù hợp với phương pháp dạy học mầm non không và có sát với đối tượng nhận thức và điều kiện thực tế của địa phương không. Trong hoạt động nâng cao năng lực so sánh cho trẻ mẫu giáo lớn, giáo viên cũng phải tuân thủ bám sát chương trình như bất kì một hoạt động nào khác. Cụ thể như sau:

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức trong hoạt động. Việc rèn luyện cần phải đi từ dễ đến khó, từ thụ động đến chủ động, từ đơn giản đến phức tạp. Bắt đầu là so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả, đồ dùng, đồ chơi; sau đó là so sánh sự khác nhau và giống nhau ở số lượng đối tượng nhiều hơn (3 hoặc 4). Cũng có thể lúc đầu là sự so sánh phân loại đối tượng chỉ dựa trên một dấu hiệu, sau đó tiến đến bước cao hơn, so sánh phân loại đối tượng dựa trên một số dấu hiệu... Việc giúp trẻ rèn luyện từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp như vậy cũng có nghĩa là giáo viên đã đi từng bước chắc chắn trên thang độ đánh giá chất lượng hoạt động của trẻ: bắt đầu là hiểu, sau đó là vận dụng và cao hơn là hoạt động sáng tạo.

- Hoạt động rèn luyện so sánh phải gắn với hiện thực diễn ra xung quanh, với kinh nghiệm sống, với hiểu biết của trẻ. Trẻ chỉ có thể tiến hành so sánh những sự vật, hiện tượng nào đó chưa biết với một sự vật, hiện tượng mà trẻ thường gặp, đã biết đã rõ, gắn liền với hoạt động hàng ngày của mình. Trẻ không thể tiến hành so sánh cái chưa biết này với cái chưa biết khác, cái xa lạ này với cái xa lạ khác. Bởi thế, trong hoạt động rèn luyện so sánh cho trẻ, giáo viên cũng cần sắp xếp các bước trong rèn luyện theo tinh thần: giai đoạn đầu phải so sánh những cái mà trẻ thường gặp nhất, gần gũi nhất với nhau; rồi sau đó tiến lên, so sánh những cái trẻ ít gặp hơn, xa lạ hơn với cái đã quen biết; và cuối cùng mới là so sánh những cái ít gặp và xa lạ với nhau.

Ví dụ, khi giáo viên giúp trẻ so sánh hai loại quả với nhau, như *cam* và *quýt*, quả *cam* là quả đã biết, còn *quýt* là loài quả lần đầu trẻ mới gặp, giáo viên có thể hướng dẫn trẻ nhận ra những nét riêng ở từng bình diện, như: *màu sắc*: cùng có màu vàng đậm (khi chín); *hình dáng*: cam to, quýt nhỏ; *mùi vị*: cùng có vị ngọt; *cấu tạo bên trong*: cam có múi và hạt to hơn quýt. Sau khi tiến hành phân tích, so sánh và tổng hợp lại, trẻ sẽ có một nhận thức rõ ràng và cụ thể hơn về quýt: là một loại quả gần giống như cam, có vỏ, có múi, mùi vị gần giống với cam, ăn được nhưng nhỏ hơn cam. Như vậy, khi so sánh *cam* (cái đã biết) với *quýt* (cái chưa biết), để rút ra được kết luận: “quýt cũng ăn được” như trên sẽ đem lại hiệu quả tích cực cho trẻ.

2.2. Phải đảm bảo tinh thần “học mà chơi, chơi mà học”, tạo được hứng thú cho trẻ

Đối với giáo dục mẫu giáo lớn, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, mong muốn của trẻ. Giáo viên cần luôn đổi mới môi trường giáo dục, môi trường hoạt động nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo, tùy thuộc vào độ tuổi, khả năng nhận thức và hứng thú của trẻ. Thông thường thì hứng thú đến với trẻ bắt đầu từ những vẻ hấp dẫn bề ngoài của đối tượng rồi sau đó hứng thú mới chuyển dần vào chiều sâu bên trong đối tượng, tùy theo mức độ nhận thức của trẻ về giá trị của đối tượng. Khi đã có hứng thú và duy trì được hứng thú đó thì hoạt động rèn luyện, hoạt động nhận thức của trẻ thường đem lại kết quả sớm và hiệu quả cao hơn so với các trường hợp thông thường khác. Cho nên, trước khi tổ chức hoạt động “học mà chơi, chơi mà học” giáo viên rất cần phải biết cách tạo ra được hứng thú cho trẻ đối với trò chơi đó. Có thể ban đầu chỉ là sự lôi cuốn của hình thức bên ngoài, nhưng sau đó phải bằng chính sự hấp dẫn bên trong, bằng giá trị đích thực của trò chơi đối với nhận thức của trẻ mà trẻ sẽ tự giác, tập trung tâm trí và tích cực tham gia trò chơi để đạt đến nhận thức. Đối với trẻ ở tuổi mầm non không gì làm trẻ thích thú hơn là tham gia các trò chơi. Trong khi chơi, trẻ có thể lĩnh hội các khái niệm ban đầu hoặc các tri thức tiền khoa học. Đây là một hoạt động có sự tác động đến nhiều mặt phát triển của trẻ: đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất và hình thành các phẩm chất kỹ năng ban đầu của con người như một thành viên trong xã hội biết tích cực, sáng tạo.

2.3. Phải rèn luyện một cách hệ thống và liên tục từ dễ đến khó

So sánh là một hoạt động. Và vì vậy, muốn so sánh trở thành một kỹ năng, điều quan trọng hàng đầu là phải rèn luyện thường xuyên, liên tục. Không rèn luyện một cách bài bản, hệ thống sẽ không thể hình thành được kỹ năng, không thể xuất hiện được năng lực. Có thể nói, rèn luyện là sự kết hợp chặt chẽ của hai hoạt động: hoạt động “rèn” và hoạt động “luyện”. Để rèn cho trẻ biết thực hiện hoạt động so sánh, cô giáo cần phải đặt ra mục đích, kế hoạch, phương pháp - nghĩa là có chủ định - nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình dạy.

Muốn việc rèn luyện cho trẻ có kết quả thì việc rèn luyện đó phải mang tính hệ thống. Trong hệ thống này, có bài dễ, bài khó; bài đơn giản, bài phức tạp. Cũng có bài chỉ rèn luyện khả năng nhận biết so sánh cho trẻ; có bài lại rèn luyện năng lực phân tích, nhận xét về cách so sánh; lại cũng có bài yêu cầu trẻ biết vận dụng so sánh vào hoạt động nhận thức các sự vật, hiện tượng khi được đặt cạnh nhau.

Việc rèn luyện hoạt động so sánh cho trẻ không phải chỉ cần mang tính hệ thống mà còn phải được thực hiện liên tục, nghĩa là không bị gián đoạn, bị cách quãng. Ở đây, liên tục cần phải được hiểu là sự thường xuyên, sự lặp đi lặp lại sau một khoảng thời gian nhất định một hoạt động nào đó để trẻ khỏi quên, để trẻ luôn được lặp lại một hoạt động nào đó đến thành thục, giúp trẻ dần hình thành được kỹ năng. Nếu hoạt động so

sánh của trẻ chỉ được thực hiện một lần và không được lặp lại một cách đều đặn, thì dù thời gian hoạt động luyện tập là tương đối dài thì kết quả rèn luyện của trẻ cũng chẳng được bao nhiêu. Trẻ sẽ rất mau quên và sẽ không thể thực hiện được hoạt động nữa. Nhưng ngược lại, nếu trong một tuần học tập, trẻ được tham gia hoạt động so sánh tới 3 hoặc 4 lần, thậm chí tới 5 lần, thì dù thời gian hoạt động không lâu nhưng chắc chắn trẻ sẽ thấm hơn, sẽ sâu hơn và hoạt động thành thạo hơn. Vì vậy bên cạnh việc rèn luyện hoạt động so sánh cho trẻ cần phải bảo đảm tính hệ thống thì việc rèn luyện thường xuyên, liên tục là điểm cần phải được chú ý.

Không nên nghĩ rằng dạy cho trẻ nhận thức và sử dụng so sánh đối với trẻ mẫu giáo lớn là quá khó. Trẻ chưa thể nói ra được so sánh nhưng lại hoàn toàn có thể nhận thức được so sánh. Bởi vậy, việc rèn luyện so sánh ở các lớp mẫu giáo lớn có nghĩa là vừa giúp trẻ hoàn thiện nhận thức về so sánh, vừa giúp tập nói, luyện nói bằng lời lẽ của mình. Vì vậy, theo tinh thần dạy học phát triển năng lực cho học sinh thì có thể coi việc rèn luyện năng lực so sánh cho trẻ mẫu giáo lớn vừa là vừa sức vừa là tạo sức, nhằm hình thành và phát triển năng lực cho trẻ.

Nhưng việc rèn luyện cho học sinh sử dụng phép so sánh trong hoạt động giáo dục không thể tiến hành một cách ồ ạt, vội vã. Bởi thế, cần phải cho các em luyện tập từng bước. Thoạt đầu là việc tạo ý thức, nhận biết được phép so sánh trong các câu văn, câu thơ, nghĩa là biết nói một câu nào đó có sử dụng phép so sánh; và sau đó mới là nói ra được những câu so sánh hay. Việc đưa trẻ vào luyện tập như vậy cần phải chú ý tới độ đơn giản hay phức tạp, độ dễ hay khó trong việc rèn luyện. Nếu chỉ yêu cầu các em tạo lập một so sánh, không cần gắn phép so sánh đó với bài văn, mạch văn cụ thể thì việc tạo lập đó là tương đối đơn giản và dễ dàng thực hiện hơn. Trẻ chỉ cần nắm được cấu trúc của so sánh, có được phương diện cần so sánh là trẻ có thể nói ra được những câu so sánh. Nhưng nếu bài tập đó lại yêu cầu trẻ tạo một phép so sánh sao cho phù hợp với nội dung, với thái độ, tình cảm đang được thể hiện trong bài văn, bài thơ hoặc trong lời nói, trong suy nghĩ của mình thì độ phức tạp, khó khăn sẽ tăng lên rất nhiều. Và muốn thực hiện được thì phải tùy thuộc vào năng lực của trẻ, tùy thuộc vào trình độ chung của lớp học, giáo viên có thể lựa chọn hình thức luyện tập sao cho thích hợp.

Kết luận

So sánh là công cụ giúp trẻ khám phá và nhận thức thế giới. Để rèn luyện năng lực so sánh cho trẻ mẫu giáo lớn, giáo viên cần bám sát nội dung chương trình giáo dục mầm non, tạo hứng thú cho trẻ và rèn luyện một cách hệ thống, liên tục theo trình tự từ dễ đến khó. Đó là biện pháp quan trọng để giúp trẻ rèn luyện và phát triển tư duy. Đó cũng là một phương tiện góp phần làm tăng cường tính sinh động, hồn nhiên cho lời nói của trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009) - *Chương trình giáo dục mầm non 2009* (in lần thứ 6) - NXB Giáo dục Việt Nam
2. Phạm Tất Dong (1989) - *Giúp bạn chọn nghề* - NXB Giáo dục
3. Margaret Donaldson (Trần Trọng Thủy dịch 1996) - *Hoạt động tư duy của trẻ em* - NXB GD
4. Trần Thị Phương (2006) - *Hình thành thao tác so sánh ở trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua tìm hiểu môi trường xung quanh* - Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Bảo vệ tại Hà Nội
5. Otto Beverly (2010), *Language development in early childhood*, Northeast Illinois University.
6. Oxford University Press (2005), *Oxford Advanced Learner's Dictionary 7th Edition*

KỂ CHUYỆN TRONG LỚP HỌC WALDORF STEINER

Nguyễn Cẩm Giang

Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt

Kể chuyện đóng vai trò vô cùng quan trọng trong trường mầm non Waldorf Steiner. Theo Steiner, tuổi ấu thơ của các bé cần được sống trong thế giới mộng mơ của những câu chuyện thần tiên và sẽ thật tuyệt vời hàng ngày nếu được nghe kể chuyện từ những người yêu thương các bé, yêu thích, say mê chính những câu chuyện này. Những câu chuyện như dòng sữa tinh thần ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn trẻ suốt thời ấu thơ.

Từ khóa: *Kể chuyện, phương pháp Waldorf Steiner, chuyện chữa lành.*

Đặt vấn đề

Kể chuyện đóng vai trò vô cùng quan trọng trong trường mầm non Waldorf Steiner. Mỗi câu chuyện cô kể cho trẻ nghe là một món quà quý giá cô dành tặng trẻ. Món quà ấy kết nối tâm hồn trẻ với tâm hồn con người, giúp trẻ mở lòng yêu thương, đem đến cảm giác cân bằng, an ổn và tự tin bởi qua những câu chuyện, các bé thấy thế giới xung quanh mình quả là một nơi thật tốt đẹp.

Tâm hồn mộng mơ, trong sáng chưa có nhiều trải nghiệm cá nhân, nhận thức về thế giới xung quanh ở mức cảm tính... nên việc tiếp xúc với cái đẹp lấp lánh của ngôn từ và trí tưởng tượng phong phú trong các câu chuyện kể còn gợi mở trong các em bé những xúc cảm thẩm mỹ về một thế giới bao la đầy âm thanh, màu sắc và sự huyền bí. Thế giới ấy có các vị thần, ông Bụt, bà Tiên nhân hậu với những phép biến hóa diệu kì, những nàng công chúa lộng lẫy, những chàng hoàng tử dũng cảm, thông minh. Trong thế giới ấy, các con vật, cỏ cây, hoa lá luôn hiện hữu một cách sinh động, gần gũi như chính cuộc sống của các em. Trẻ thơ vốn sẵn có trí tưởng tượng phong phú nên khi gặp những yếu tố kì ảo, đẹp đẽ trong các câu chuyện kể thì trí tưởng tượng càng được thăng hoa, trí tuệ được phát triển và tâm hồn nhạy cảm, tinh tế hơn.

Nội dung

Trong lớp học Steiner, trẻ được nghe kể chuyện mỗi ngày vào một thời điểm nhất định tạo thành nhịp điệu (cô kể trước giờ ăn hoặc trước giờ ngủ, trong sinh hoạt hàng ngày ...). Mỗi câu chuyện được kể lặp đi lặp lại ít nhất là 3 tuần, bởi theo quan niệm của Steiner, trẻ học qua sự lặp lại, bắt chước, qua nhịp điệu và chính sự lặp lại đó mới đủ để cho những hình ảnh đi vào trẻ, sâu tận bên trong. Trẻ có ấn tượng về một câu

chuyện nào đó, nó sẽ sống mãi trong tâm trí trẻ, trẻ dần hiểu được ý nghĩa câu chuyện, cái Tôi sẽ được hình thành một cách lành mạnh và chắc chắn; ý chí trở nên mạnh mẽ, các em sẽ trở thành người sâu sắc, không hời hợt khi lớn lên... Mỗi câu chuyện như hạt mầm lớn dần lên và trẻ cũng như hạt mầm lớn dần lên. Với cô giáo, mỗi lần kể sẽ có sự trải nghiệm sâu hơn, nhập tâm hơn. Đặc biệt với câu chuyện cổ tích khi được cất lên, cô cũng như được thêm một lần sống lại với tuổi thơ của mình. Joan Almon, tác giả của cuốn sách *“Hướng tới sự sáng tạo và nhân văn”* từng viết: *“Khi tình yêu dành cho các câu chuyện cổ tích được nhân đôi với sự thẩm thấu của người kể chuyện đối với các câu chuyện đó, cánh cửa đến với thế giới sống được mở ra, nơi các câu chuyện cổ tích luôn thật và sống mãi. Khi kể chuyện, chúng ta cũng được nuôi dưỡng và được trở lại thế giới này.”* Rudolf Steiner cũng miêu tả các câu chuyện cổ tích vô cùng đẹp: *“Sâu lắng hơn điều mà con người có thể tưởng tượng là những gì thuần tự nhiên, các câu chuyện dân gian chân thực như một điều kì diệu vượt qua muôn trùng thế kỉ của sự tiến hóa loài người.”* Vì thế, tâm thế của các cô trước khi kể chuyện là phải tin tưởng vào việc mình đang làm là đúng, là tốt cho các em bé.

Cũng bởi thế, giờ kể chuyện luôn được chuẩn bị một cách cẩn thận, chín chu, tinh tế và có phần linh thiêng. Ngọn nến lung linh, âm áp được thấp lên. Tiếng đàn Lyre du dương hòa vào lời hát hát dịu dàng, êm đềm của cô. Tấm vải lụa phủ trên bàn kể chuyện với những con rối đã được trang trí thật đẹp, thật mơ màng được mở ra, cánh cửa đưa các bé bước vào thế giới thần tiên cũng rộng mở. Cô giáo kiên nhẫn đợi cho đến khi trẻ yên lặng, háo hức lắng nghe mới bắt đầu câu chuyện. Gương mặt cô luôn tươi tắn, ánh mắt, nụ cười trìu mến, âu yếm, giọng kể êm dịu, uyển chuyển, say sưa và đầy sức sống. Những hình ảnh rõ ràng và sống động về câu chuyện như đang hiển hiện trước các em bé... Khi câu chuyện kết thúc, bản nhạc từ đàn Lyre lại ngân nga, tấm lụa từ từ phủ lại ngọn nến tắt. Tất cả đều được thực hiện một cách khoan thai, chậm rãi, yên lặng. Trẻ đắm tâm hồn mình vào câu chuyện, cảm giác thỏa mãn và bình yên và nhẹ nhàng sẵn sàng cho một giấc ngủ ngon...

Khi nói đến kể chuyện cho trẻ trong lớp học Steiner, không đơn thuần chỉ là để giải trí, nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ, ngôn ngữ... cho trẻ mà còn là một cách để giáo dục, “chữa lành” (healing: nghĩa gốc là làm cho trở về thể toàn vẹn hoặc cân bằng). “Chữa lành” là chuyển hóa những hành vi không thích hợp, hành vi chưa phù hợp với thời điểm nào đó, nơi chốn nào đó thành những hành vi thích hợp. Chẳng hạn, nếu trẻ chạy nhảy, nô đùa vào giờ nghỉ trưa, đó là một hành động không phù hợp thời điểm hoặc cả nơi chốn, nếu các cô đưa ra ranh giới là không được chạy nhảy, nô đùa trong lớp. Trẻ không bao giờ muốn mình bị người lớn xem là đứa trẻ hư. Những hành động, hành vi của trẻ đều có lý do, có thể do cơ thể, tinh thần mệt mỏi vì thiếu ngủ, thiếu chất, hoặc do tính cách riêng của mỗi em từ khi mới sinh, hoặc do trẻ bắt chước từ môi

trường bên ngoài (gia đình, hàng xóm, nơi công cộng ...). Vì vậy, dù trẻ có hành xử thế nào, cô giáo vẫn luôn yêu thương, và kiên nhẫn hướng dẫn cho trẻ những hành vi đúng. Không nên nóng giận và dán cho trẻ những cái “nhãn” hư hỏng, bướng bỉnh... gây tổn thương sâu sắc và ảnh hưởng tiêu cực đến lòng tự tin vào bản thân, tự tin vào một thế giới tốt đẹp trong trẻ. Có rất nhiều cách “chữa lành” cho trẻ mà một trong những cách vô cùng hữu hiệu là kể chuyện. Ví như, trẻ không thích dọn đồ chơi khi chơi xong cô kể câu chuyện “*Cây chổi rom nhỏ*”:

Anh Mũ Xanh, anh Mũ Đỏ và anh Mũ Vàng sống cùng nhau dưới gốc cây phượng đỏ. Nhưng ngôi nhà của họ là ngôi nhà bừa bộn nhất.

Vụn bánh mì ở khắp mọi nơi.

Vụn bánh mì dưới gầm bàn,

Vụn bánh mì dưới gầm ghế,

Vụn bánh mì vương khắp chiếu nệm,

Vụn bánh mì trên giường,

Thậm chí có vụn bánh mì ở dưới gối, nơi họ gối đầu.

Họ có một cây chổi rom nhỏ, nó sống ở góc phòng. Nhưng Mũ Đỏ và Mũ Xanh không biết sử dụng chổi đúng cách. Cây chổi nhỏ nhìn khắp căn phòng và thở dài:

- Giá như ai đó có thể sử dụng tôi đúng cách, tôi sẽ quét sạch đống lộn xộn này trong nháy mắt.

Một ngày, Mũ Đỏ và Mũ Xanh phải quét dọn căn phòng. Nhưng đến lượt Mũ Xanh, thì anh ta không quan tâm. Anh cầm cây chổi nhỏ lên và chậm rãi kéo cây chổi khắp căn phòng, vừa quét anh vừa hát bài hát "Không quan tâm":

Tôi không quan tâm, tôi không quan tâm

Tôi không quan tâm đến công việc

Cả ngày, tôi chỉ muốn chơi - quét nhà là điều tôi trốn tránh.

Vậy là khi Mũ Xanh đã quét xong, những vụn bánh mì vẫn ở yên chỗ cũ. Khi đến lượt Mũ Đỏ, anh luôn rất vội vàng. Anh cầm cây chổi nhỏ và nhanh chóng quét và hát:

Cây chổi rom nhỏ đi theo đường kia, rồi theo đường này,

Cây chổi rom nhỏ đi theo đường này, rồi theo đường kia.

Cây chổi rom nhỏ đi theo đường kia, rồi theo đường này,

Cây chổi rom nhỏ đi theo đường này, rồi theo đường kia.

Mũ Vàng quét khắp mọi nơi. Anh quét dưới gầm bàn, gầm ghế. Anh quét tất cả các tấm chiếu, anh quét dưới gầm giường. Thậm chí anh còn phui ở cả dưới những chiếc gối của các chàng trai.

Khi Mũ Vàng quét xong, những vụn bánh mì được gom thành đống ở giữa phòng. Mũ Vàng đặt cây chổi về lại góc phòng, và cây chổi rom nhỏ quá mệt đến nỗi nó ngủ thiếp đi rất nhanh. Sau đó, Mũ Vàng, Mũ Đỏ và Mũ Xanh ngồi xuống bàn và cùng nhau thưởng thức món bánh nhỏ và uống trà:

*Ba chàng chai tí hon và ba cái mũ,
Ba chàng trai tí hon sống cùng nhau
Mũ Xanh, Mũ Đỏ và cả Mũ Vàng,
Cùng sống chung trong một căn nhà,
Cùng nhau chăm sóc ngôi nhà”.*

Trẻ đánh, cầu bạn, ngoài việc xử lý khéo léo tức thời, cô sáng tác câu chuyện về hai bạn Mèo cào nhau rồi yêu thương nhau, ... Những câu chuyện được kể lặp lại vào giờ kể chuyện để trẻ sống cùng câu chuyện, sống trong tình yêu thương, chia sẻ, sống với những điều tốt đẹp rồi một lúc nào đó, trẻ sẽ tự nhiên thay đổi hành vi.

Kết luận

Albert Einstein từng nói: “*Nếu bạn muốn con mình thông minh, hãy kể chuyện thần tiên cho chúng nghe. Nếu bạn muốn con mình thông minh hơn nữa, hãy kể nhiều câu chuyện thần tiên hơn nữa cho chúng nghe.*” Tuổi ấu thơ của các bé cần lắm thế giới mộng mơ, trong trẻo của những câu chuyện thần tiên và sẽ thật tuyệt nếu được nghe kể chuyện từ những người yêu thương các bé, yêu thích, say mê chính những câu chuyện này. Những câu chuyện như dòng sữa tinh thần ngọt ngào nuôi dưỡng hạt giống tâm hồn trẻ. Để rồi những hạt mầm vươn lên ngày một mạnh mẽ, tốt tươi, căng tràn nhựa sống sẵn sàng đối mặt với mọi thách thức mà cuộc sống mang tới.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thu Hương, *Phương pháp Steiner ngày càng lan tỏa*, <http://tiasang.com.vn/-giao-duc/phuong-phap-steiner-ngay-cang-lan-toa-9254>
2. Nguyễn Thu Hương, *Những ngôi trường mầm non cổ tích*, <http://tiasang.com.vn/-giao-duc/nhung-ngoi-truong-mam-non-co-tich-9306>
3. Nguyễn Thu Hương, Montessori - Steiner, *Sự giống và khác nhau trong phương pháp thực hành*, <http://hanoisteiner.edu.vn/montessori-steiner-su-giong-va-khac-nhau-trong-phuong-thuc-thuc-hanh/>
4. Thanh Cherry - Jane Hanckel, Người dịch: Ngọc Song Thu (2016), *Giai đoạn vàng để dạy con thông thái*, NXB Phụ nữ

BIỆN PHÁP RÈN KỸ NĂNG ĐỌC, KỂ DIỄN CẢM TÁC PHẨM VĂN HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

TS. Lê Thị Kim Cúc

Khoa Giáo dục Mầm non

Tóm tắt:

Kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học có vai trò quan trọng đối với quá trình rèn nghề của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Vì vậy, ngoài việc nâng cao nhận thức và ý thức thì các kỹ thuật đọc, kể diễn cảm như: xác định giọng điệu cơ bản; sử dụng ngữ điệu; sử dụng các yếu tố kèm ngữ điệu là những kỹ năng cụ thể mà sinh viên cần kiên trì rèn luyện.

Từ khóa: *đọc/kể, tác phẩm văn học, sinh viên, giáo dục mầm non*

Đặt vấn đề

Vấn đề cảm thụ và tiếp nhận tác phẩm văn học (TPVH) của trẻ mầm non (MN) được nhiều nhà tâm lý và sư phạm nghiên cứu và khẳng định rằng: Trẻ rất thích nghe đọc thơ và nghe kể chuyện. Tất cả những tình cảm đối với cuộc sống của trẻ đều có thể được chuyển hóa vào những nhân vật trong các TPVH mà trẻ được nghe. Tuy nhiên, sự cảm thụ TPVH ở trẻ lại là kết quả của một quá trình tiếp xúc thường xuyên với TPVH thông qua sự nỗ lực của cô và sự tích lũy kinh nghiệm của trẻ. Vì vậy, đọc, kể là những kỹ năng không thể thiếu đối với giáo viên và trước hết là đối với sinh viên (SV) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN). Tuy nhiên, thực tế việc rèn luyện những kỹ năng này trong trường sư phạm chưa đáp ứng tốt công cuộc đổi mới GDMN hiện nay. Từ lý luận và thực trạng rèn kỹ năng đọc, kể của SV, bài viết đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm góp phần khắc phục thực trạng, nâng cao chất lượng giáo dục trẻ ngay từ khi SV ngồi trên ghế nhà trường.

Nội dung

1. Vai trò của việc rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Vai trò của việc đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong cuộc sống con người

Đọc, kể TPVH có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người vì hoạt động này giúp chúng ta mở ra cánh cửa kỳ diệu của tri thức, bồi dưỡng trong ta tư tưởng, tình cảm, góp phần giúp ta hoàn thiện nhân cách.... vì trước hết, bản thân TPVH phản ánh hiện thực cuộc sống một cách toàn diện và sâu sắc. Những nhận định như: “Văn học là cuộc sống” (Khrapchenko), “Văn học là nhân học” (M. Gorki), “Văn học cứu rỗi cuộc

sống bằng cái đẹp” (Ôtxorôpxki), “Văn học nghệ thuật có tác dụng thanh lọc tâm hồn (cataxiti) con người” (tâm lý học nghệ thuật Xô Viết cũ)... đã khẳng định điều đó. Nói một cách cụ thể hơn, đọc, kể diễn cảm TPVH là hình thức tiếp cận văn bản một cách nghệ thuật nhằm “làm vỡ” lớp vỏ ngôn từ - lớp thứ nhất của tác phẩm, giúp người đọc “nhìn thấy” những lớp bên trong ẩn hơn, có sức chuyển tải nhiều hơn chủ đề và tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Do đó, đọc, kể TPVH không chỉ giúp người đọc được nâng cao hiểu biết về con người và cuộc sống mà còn là cầu nối tình cảm giữa bạn đọc với nhà văn, giữa người đọc, kể với người học, người nghe. Qua đó, con người hiểu nhau hơn, cuộc sống phong phú hơn, mang tính “người” hơn.

1.2. Sự cần thiết phải rèn kỹ năng đọc, kể đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Đối với SV ngành GDMN, đọc, kể không những mang lại những ích lợi nêu trên mà còn là kỹ năng bắt buộc phải rèn luyện để sử dụng trong dạy học ở trường MN khi SV đi thực hành, thực tập và sau này trở thành những giáo viên MN. Cụ thể hơn, đây là kỹ năng quan trọng nhất trong các kỹ năng cho trẻ làm quen với TPVH. Vì thế, trong chương trình đào tạo giáo viên MN, kỹ năng đọc, kể được thực hiện tập trung trong một số học phần như: *Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học; Phương pháp làm quen với văn học*. Thêm nữa, với xu hướng dạy học tích hợp các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm thì thơ, truyện đã có mặt trong tất cả các giờ học. Ngoài ra, trẻ em lứa tuổi MN chưa biết chữ nên quá trình tiếp nhận TPVH phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng đọc, kể của giáo viên.

Vì vậy, có thể khẳng định, việc rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm TPVH có vai trò đặc biệt quan trọng đối với SV ngành GDMN ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường.

2. Thực trạng rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

2.1. Những ưu điểm:

- Phần lớn SV nhận thức được vai trò của việc rèn kỹ năng đọc, kể nhằm phục vụ cho công việc học nghề và làm nghề trong tương lai của mình.
- Phần lớn SV phát âm chuẩn, một số SV đã có kỹ năng đọc diễn cảm tốt; tự thể, tác phong mạnh dạn, tự tin, tự nhiên; phân biệt được cách đọc các thể loại thơ, truyện; phân biệt cách kể truyện với cách đọc truyện...
- Phần lớn SV khá chăm chỉ, chịu khó rèn luyện đọc, kể, thực hiện tương đối đầy đủ, chu đáo các bài tập rèn kỹ năng đọc, kể mà giáo viên yêu cầu.

2.2. Những tồn tại:

- Một số SV chưa xác định chín chắn nghề nghiệp tương lai của mình nên chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, trong đó có kỹ năng đọc, kể TPVH.

- Một số SV còn phát âm chưa chính xác do ảnh hưởng tiếng địa phương; chưa nắm được các kỹ thuật, thủ thuật đọc, kể diễn cảm; kiến thức văn học trẻ em, kiến thức tiếng Việt còn “hổng” nhiều... nên chất lượng đọc, kể chưa cao.

- Một số SV do yếu tố tâm lý chưa bền vững nên khi đứng trước tập thể thường không bình tĩnh; chưa chịu khó rèn luyện, còn ngại hoặc lười biếng, thiếu sự kiên trì... ảnh hưởng đến chất lượng đọc, kể diễn cảm TPVH.

3. Một số biện pháp khắc phục

3.1. Nâng cao nhận thức cho sinh viên về tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm TPVH.

Cần nâng cao nhận thức cho SV về tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm vì đây là những kỹ năng quan trọng nhất để dạy trẻ làm quen với TPVH và các hoạt động khác ở trường MN. Trường sư phạm có thể tổ chức cho SV thi tìm hiểu về vai trò của đọc, kể diễn cảm TPVH trong các đợt thi nghiệp vụ nghề nghiệp hoặc tổ chức dạy học theo lối “phản đề” để SV tự nhận thức: Nếu không đọc, kể diễn cảm TPVH thì có ảnh hưởng gì đến việc tiếp nhận TPVH không?...

3.2. Cần coi trọng khâu chuẩn bị để tiến hành đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

Trước khi tiến hành đọc, kể diễn cảm TPVH, cần chú ý khâu chuẩn bị: chuẩn bị về bài đọc, kể (luyện phát âm, luyện giọng, luyện đọc, kể TPVH trước ở nhà nhiều lần; tra từ điển để hiểu nghĩa từ khó (nếu có)...; chuẩn bị về tâm thế, về tác phong... Chúng tôi cho rằng, việc chuẩn bị trước khi lên lớp là rất cần thiết và quan trọng, chuẩn bị tốt để tăng tự tin, chủ động. Bởi lẽ, muốn đọc, kể diễn cảm tốt, SV phải tập luyện đọc, kể thật nhiều lần bằng cách: tự đọc, kể cá nhân hoặc đọc, kể theo nhóm, thông qua nhóm có thể trao đổi lẫn nhau và rút kinh nghiệm cho nhau về giọng điệu, ngữ điệu, tâm thế, tác phong...

3.3. Rèn các kỹ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

3.3.1. Kỹ thuật xác định giọng điệu cơ bản

Giọng điệu cơ bản (GĐCB) là tính chất chung của giọng đọc, giọng kể khi trình bày một TPVH. GĐCB phụ thuộc vào thể loại, vào nội dung tư tưởng và phong cách ngôn ngữ của tác phẩm. Có một số loại GĐCB sau:

- *Giọng điệu êm nhẹ, tha thiết:* Được sử dụng với những TPVH phản ánh cuộc sống êm đềm, hạnh phúc, đáng yêu.

- *Giọng điệu vui tươi, sôi nổi hoặc buồn, băng khuâng, man mác:* Được sử dụng với những TPVH có những khung cảnh nhộn nhịp, diễn tả những tình cảm vui sướng, hân hoan của con người và cảnh vật thiên nhiên, khung cảnh ồn ào, náo nhiệt.... Hoặc thể hiện tâm trạng buồn, đau khổ, mất mát; sự mệt mỏi, ốm yếu... của nhân vật

- *Giọng điệu trang trọng*: Được sử dụng đối với những TPVH thể hiện lòng kính yêu, sự ngưỡng mộ, ca ngợi trước những vị lãnh tụ, tình yêu quê hương đất nước.

Chẳng hạn, truyện cười bao giờ cũng có yếu tố hài hước, châm biếm nên được đọc, kể với giọng điệu vui, dí dỏm, sáng khoái. Truyện cổ tích lại được đọc, kể với giọng thủ thỉ, tâm tình, chậm rãi, nhẹ nhàng phù hợp với không gian, thời gian kỳ bí, huyền ảo... Câu chuyện “Quả táo của ai” cần xác định GĐCB là trong sáng, sôi nổi. Bài thơ “Hạt gạo làng ta” cần thể hiện GĐCB là giọng trang trọng, thiết tha, thể hiện được niềm tự hào của tác giả đối với quê hương cũng như tình cảm gắn bó, thái độ trân trọng, sự biết ơn sâu sắc đến người lao động của Trần Đăng Khoa.

Việc lựa chọn và thể hiện GĐCB có ý nghĩa quan trọng trong việc rèn kỹ năng đọc diễn cảm. Nếu xác định GĐCB không chính xác, có thể làm cho người nghe, thậm chí chính người đọc, người kể không hiểu tác phẩm hoặc hiểu sai tác phẩm.

3.3.2. Kỹ thuật sử dụng ngữ điệu khi đọc, kể diễn cảm

Trên nền GĐCB, người đọc, kể còn phải sử dụng ngữ điệu (ND) để trình bày trọn vẹn tác phẩm.

ND được sử dụng để biểu thị ý nghĩa và phạm trù ngữ pháp cũng như sắc thái cảm xúc. Do vậy, ND là sự *tổng hợp* các sắc thái khác nhau của giọng bao gồm cao độ, cường độ, trường độ, nhịp điệu, âm sắc, sự ngắt nghỉ hơi, nhấn giọng, chính âm... Nói cách khác, để tạo ra ND, người đọc, kể phải làm chủ được các thông số về âm thanh, tạo ra tốc độ bằng cách điều chỉnh độ nhanh, chậm và chỗ ngắt nghỉ. Tạo ra cao độ bằng cách cao giọng, hạ giọng. Tạo ra trường độ bằng cách kéo dài hay không kéo dài... Trở lại với câu chuyện “Quả táo của ai”, trên cơ sở GĐCB là trong sáng, sôi nổi, ND được sử dụng khi thể hiện lời thoại của Thỏ, Nhím, Quạ cần phải cao, thậm chí có phần gay gắt thể hiện được ý thức tranh chấp của các con vật này. ND của Nhím có tính chất khẳng định: “Quả táo chín rụng, tôi bắt được mà!”. ND của Thỏ kiên quyết hơn: “Tôi tìm thấy quả táo chứ! Quả táo này của tôi”. ND của Quạ đen quyết liệt không kém: “Quả táo này tôi hái đấy!”. Đối lập với âm vực cao, có tính gay gắt đó là âm vực trầm, thể hiện tính cách ôn hòa, điềm tĩnh của Gấu: “Các cháu đừng tranh cãi nữa! Cả ba cùng nói đúng, song không tranh giành như vậy, hãy bỏ quả táo ra làm ba phần, mỗi cháu một phần”... Khi kể chuyện “Cóc kiện trời”, ND chung thể hiện ở nhịp điệu sôi nổi, rõ ràng, có pha chút cảm phục. Đoạn đầu được kể với nhịp điệu chậm rãi, với mục đích giới thiệu bối cảnh câu chuyện và các nhân vật. Đến đoạn miêu tả cuộc chiến giữa các nhân vật và tay chân của Ngọc Hoàng, cần thể hiện nhịp điệu nhanh hơn, cường độ mạnh hơn phù hợp tính chất căng thẳng của cuộc chiến đấu: “Bầy gà vừa ló khỏi cửa, Cóc ra lệnh cho Cáo xông ra vồ gà. Biết gà bị vồ mất, Ngọc Hoàng sai chó ra giữ Cáo. Chó chạy ra chỉ

kịp sửa lên mấy tiếng đã bị Gấu ra chop lấy tha đi. Ngọc Hoàng lại sai một toán lính ra giữ Gấu. Lần này Cọp xông ra quật chết từng lính không sót người nào...”.

Liên quan đến cường độ, nhịp điệu, phải kể đến ngắt giọng (NG). NG đúng chỗ hay còn gọi là NG lôgic do ý nghĩa của câu, của đoạn văn quyết định. Đó là những chỗ dừng, nghỉ của các nhóm từ có ý nghĩa liên quan tới nhau. Nó được biểu thị trên các dấu chấm, dấu phẩy, dấu hai chấm... Ngoài NG logic còn có NG tâm lý và NG thi ca. NG tâm lý thể hiện ở những chỗ ngưng giọng tùy theo việc thể hiện tâm trạng của nhân vật hoặc ý nghĩa của tác phẩm. Quãng NG ngắn thường ở trong nhịp điệu nhanh, cường độ mạnh thể hiện tính chất náo nhiệt hoặc căng thẳng. Quãng NG dài thường trong nhịp điệu chậm, cường độ nhẹ, thể hiện tính chất buồn bi thương. K.Xtanixlapxki nói: “Không có NG lôgic, câu sẽ không có nội dung, không có NG tâm lý, câu không có sức sống... NG lôgic phục vụ cho trí tuệ, NG tâm lý phục vụ cho tình cảm”. Thơ là cách nói thường có NG cố định. Nếu không tuân thủ việc NG trong thơ thì người nghe không cảm thụ được tính nhịp điệu khi chuyển từ câu thơ này sang câu thơ khác và nhịp điệu toàn bộ tác phẩm. Vì vậy cần chú ý NG thi ca. Nhờ có NG thi ca mà nhịp thơ được giữ vững. Ví dụ: thơ 3 tiếng: nhịp 3; thơ 4 tiếng: nhịp 2/2; thơ 5 tiếng: nhịp 3/2 hoặc 2/3...

Ví dụ: Bài thơ “Con cưa”- nhịp 2/2

“Con cưa/ tám cẳng/
Nghênh ngang/ hai càng/
Đeo chiếc/ yếm trắng/
Đạo chơi/ đồng làng”.

Hoặc: Bài thơ “Mầm non”, nhịp 2/3 hoặc 3/2

Mầm non/ mắt lim dim/
Cố nhìn qua/ kẽ lá/
Thấy mây/ bay hời hợt/
Thấy lát phất/ mưa phùn/.

Với một văn bản viết, đọc để hiểu hết ngôn từ, ý câu cần đòi hỏi phải đọc đúng chỗ ngắt giọng. Nếu NG sai làm ngữ nghĩa câu sai hoàn toàn. Ví dụ, khi đọc bài thơ “Cây dừa” của Trần Đăng Khoa, ở câu “Quả dừa đàn lợn con nằm trên cao”, trẻ có thể ngắt nhịp theo cảm tính: 2/2/2/2. Ngắt như vậy không đúng ngữ nghĩa của câu. Bởi vậy, khi dạy trẻ đọc, người dạy cần đoán trước các lỗi sai của trẻ, giúp trẻ hiểu nội dung. Ở câu thơ trên, quả dừa được tác giả ví như đàn lợn con nằm ở trên cao. Hiểu được như vậy thì trẻ sẽ ngắt giọng đúng: “Quả dừa/ đàn lợn con/ nằm trên cao” (ngắt nhịp 2/3/3).

Ngoài ra, việc nhấn giọng vào một số từ ngữ có tác dụng truyền cảm hoặc làm nổi bật một nội dung nào đó. Cần nhấn giọng ở tên tác giả, tác phẩm, các danh từ, tính

từ, động từ, các từ diễn tả tâm trạng... Ví dụ: Trong câu chuyện “Ba cô gái”, cần nhấn giọng vào các từ được gạch chân trong lời thoại sau: “Thương mẹ, / thương mẹ/ mà lại còn cọ chậu đã/ rồi mới về thăm mẹ. Thôi/ cứ ở nhà mà cọ chậu.”.

Một yếu tố nữa trong việc xác định đúng ngữ điệu không thể không nói đến là chính âm. Chính âm là các chuẩn mực phát âm của một ngôn ngữ có giá trị và hiệu lực về mặt xã hội. Từ điển *Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng (1995) đã định nghĩa: “*Chính âm là cách phát âm được coi là chuẩn*”. Chính âm được coi là yếu tố quan trọng của lời nói có văn hóa. Thế nhưng, do ảnh hưởng của phương ngữ vùng đồng bằng Bắc Bộ, một số SV còn phát âm sai giữa phụ âm l với phụ âm n; ch với tr; s với x; d, gi với r và còn chuyển từ phụ âm này sang phụ âm khác.... Ví dụ: “*đi làm*” thì nói là “*đi nằm*”; “*con trâu*” nói thành “*con tau*”... SV cần khắc phục lỗi này để dạy trẻ phát âm đúng.

Như vậy, các thủ thuật về ngữ điệu có vai trò rất quan trọng đối với việc rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm TPVH. Do đó, muốn làm được tốt những điều này, SV cần phải làm tốt công tác chuẩn bị (như đã nói ở trên).

3.3.3. Kỹ thuật sử dụng các yếu tố kèm ngữ điệu

Các yếu tố kèm ngữ điệu là những yếu tố phụ trợ đi kèm ngữ điệu, bao gồm: nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ; còn gọi là yếu tố phi ngôn ngữ... Sử dụng các yếu tố này khi đọc, kể nhằm làm tăng thêm sức truyền cảm cho lời nói, tạo sự giao cảm giữa người đọc, người kể với người nghe và tăng sức biểu cảm của tác phẩm. Vì thế, khi truyền đạt một tác phẩm đến cho trẻ, người dạy cần chú ý đến những yếu tố này.

Việc sử dụng các yếu tố kèm ngữ điệu cũng có sự khác nhau giữa đọc và kể. Khi đọc, do phải trung thành với văn bản đọc nên các yếu tố kèm ngữ điệu được sử dụng hạn chế hơn. Còn khi kể, người kể được thoát ly văn bản kể, linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ kể nên có nhiều điều kiện sử dụng các yếu tố kèm ngữ điệu hơn. Tuy vậy, trong cả hai hình thức đọc, kể, nét mặt thể hiện rõ nhất sự giao cảm giữa người đọc, người kể với người nghe. Đây chính là “linh hồn” của cuộc giao tiếp giữa những chủ thể giao tiếp.

Việc sử dụng các yếu tố kèm ngữ điệu phù hợp sẽ có tác dụng truyền thụ tốt tới người nghe. Nét mặt, ánh mắt tươi vui nếu là tác phẩm vui, diễn biến có hậu, có tình tiết ngộ nghĩnh. Nét mặt buồn nếu tác phẩm có tính chất bi thương... Tuy nhiên, tư thế, cử chỉ, điệu bộ... sẽ mất đi sức biểu cảm mạnh mẽ nếu lạm dụng nó. Vì thế, cần sử dụng chúng với mức độ hợp lý để trẻ khỏi bị phân tán bởi những ấn tượng bên ngoài tác phẩm. Ví dụ, với bài thơ “Ông mặt trời” của Ngô Thị Bích Hiền, khi đọc cần sử dụng giọng vui, dí dỏm, nét mặt tươi, phần sau ngữ điệu cao hơn phần trước. Có thể kết hợp cử chỉ “nhú mắt”, ngẩng mặt, mắt nhìn lên và nhìn xuống cùng với tay chỉ lên cao và hạ xuống thấp khi đọc những câu thơ: “Em nhú mắt nhìn ông/ Ông nhú mắt nhìn em/ Ông ở trên

trời nhé!/ Cháu ở dưới này thôi!/. ...”. Hơn nữa, cần phải có tâm thế sẵn sàng, tác phong thoải mái, tự nhiên khi đọc, kể.

3.4. Kiên trì luyện tập

Để việc đọc, kể được tốt, mỗi SV phải luôn ý thức rằng, đây là công việc phải được thực hiện thường xuyên, mọi nơi, mọi lúc, liên tục với lòng kiên trì, chịu khó. Khi luyện tập, cần chú ý các kỹ thuật hỗ trợ cho việc luyện tập như luyện lấy hơi, luyện giọng, ... Có thể lựa chọn các hình thức luyện tập như: đứng trước gương để tự quan sát bản thân mình; ghi âm lại giọng đọc, kể của mình rồi tự chỉnh sửa; đọc, kể cho bạn nghe và góp ý, chỉnh sửa cho nhau...

Kết luận

Hoạt động đọc, kể diễn cảm TPVH đóng vai trò hết sức quan trọng trong dạy học ở trường MN. Vì vậy, SV ngành GDMN cần thường xuyên rèn luyện các kỹ năng đọc, kể diễn cảm TPVH để góp phần giúp trẻ cảm nhận được cái hay, cái đẹp của TPVH, mở cho trẻ cánh cửa nhìn vào tương lai tươi đẹp và trong sáng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Khoa - *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*. NXBĐHQG Hà Nội 1999.
2. Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt (2002) - *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* – NXBĐHQGHN
3. Lê Thị Bắc Lý (2005) - *Giáo trình Văn học trẻ em* - NXBĐHSP.
4. Lê Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết - *Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non Làm quen với tác phẩm văn học* - NXB Giáo dục, 2008.
5. Lê Thị Bắc Lý (2012) - *Giáo trình Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm* - NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Đinh Hồng Thái (chủ biên), Trần Thị Mai - *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* - NXB Giáo dục, 2008.
7. Đinh Hồng Thái (2014) - *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non* - NXB Đại học Sư phạm.

PHỐI HỢP VỚI CHA MẸ VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt

Việc gắn kết giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục trẻ mầm non là nội dung quan trọng được Chính phủ, Bộ Giáo dục và đào tạo quan tâm. Bài viết đề cập đến ý nghĩa của việc phối hợp với cha mẹ và kết cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; Cách thức phối hợp với cha mẹ và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

Từ khoá: *Gắn kết cộng đồng, giáo dục mầm non, thu hút, cha mẹ, cộng đồng, phối hợp*

Đặt vấn đề

Trẻ sinh ra, sống và lớn lên trong môi trường gia đình, trường học và cộng đồng, sự phát triển của trẻ chịu ảnh hưởng của môi trường đó. Gia đình là môi trường gần gũi nhất đối với trẻ, trẻ học được kiến thức, kỹ năng cơ bản đầu tiên từ những người thân trong gia đình, gia đình giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường và cộng đồng giữ một vai trò quan trọng, tạo cơ hội cho trẻ khi trẻ bước vào thế giới xung quanh, ngoài gia đình. Để trẻ có sự phát triển tốt cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Nội dung

1. Ý nghĩa của việc phối hợp với cha mẹ và cộng đồng tham gia chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

Đối với trẻ:

- Được thừa hưởng môi trường giáo dục tốt nhất. (Theo đúng nghĩa chứ không phải trẻ là hạt nhân để các vệ tinh bao xung quanh lo lắng, che chắn cho trẻ)
- Có thái độ tích cực với nhà trường: Thích đi học, thích giao tiếp, mạnh dạn, tự tin...
- Cảm nhận môi trường lớp học gần gũi với gia đình, có cảm giác luôn an toàn.
- Tự tin vào khả năng của bản thân.
- Nâng cao hơn kết quả học tập và phát triển.

Trường mầm non:

- Nhà trường/cô giáo có cơ hội tìm hiểu hoàn cảnh của trẻ, nền tảng gia đình, tập quán, tín ngưỡng của cộng đồng. Từ đó tìm ra được phương pháp giáo dục và cách tiếp cận phù hợp và hiệu quả hơn.

- Có cơ hội tìm hiểu cá nhân mỗi trẻ. (Giúp giáo viên lập được kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp, thực hiện tốt giáo dục cá biệt – tôn trọng sự khác biệt).

- Nhận được sự hỗ trợ về vật chất góp phần cải thiện môi trường giáo dục trong trường mầm non (môi trường vật chất) và nâng cao đời sống cho giáo viên (Khích lệ tinh thần làm việc sáng tạo của giáo viên).

- Được hỗ trợ về tinh thần: Nhận được sự đồng thuận cao của cha mẹ và cộng đồng đối với mọi hoạt động của nhà trường; Sự quan tâm động viên, khích lệ nhà trường, giáo viên.

- Ngày càng trau dồi được nhiều kinh nghiệm trong công tác xã hội hóa giáo dục.

- Tạo niềm tin của gia đình và cộng đồng vào công tác chăm sóc – giáo dục trẻ của nhà trường và của các giáo viên.

Cha mẹ:

- Học các kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng nuôi dạy con cái qua cách giáo viên dạy dỗ trẻ. Đặc biệt cha mẹ có cơ hội học hỏi lẫn nhau.

- Tham gia các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, được chia sẻ thông tin về sự tiến bộ của trẻ.

- Tăng dần sự tin tưởng vào nhà trường, giáo viên và tin rằng con cái họ sẽ được an toàn, được tôn trọng và được học tập.

- An tâm tham gia lao động sản xuất, công tác xã hội.

- Vai trò của người mẹ được nâng cao trong gia đình.

- Cha mẹ có thêm thông tin về sự phát triển của trẻ, về sức khỏe, dinh dưỡng cũng như các cách thức đáp ứng nhu cầu cho trẻ.

- Cha mẹ học cách hỗ trợ dạy trẻ học.

Đối với cộng đồng

- Có môi trường giáo dục lành mạnh, phát triển văn hóa cộng đồng, an sinh xã hội. Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần – vui khi được tham gia các hoạt động của nhà trường, thấy được vai trò của mình đối với thế hệ trẻ; tạo ra môi trường giáo dục gần gũi thân thiện trong cộng đồng; giáo dục truyền thống văn hóa người Việt.

- Có cơ hội nâng cao nhận thức về giáo dục mầm non.

- Có cơ hội tham gia vào các hoạt động của nhà trường, chia sẻ kinh nghiệm nuôi dạy trẻ và tin tưởng vào nhà trường hơn.

2. Cách thức phối hợp với cha mẹ và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

Chúng ta đều biết rằng cha mẹ đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển tính cách con của họ. Họ là những giáo viên đầu tiên của trẻ con và có trách nhiệm chính đối với sự phát triển của con họ. Do đó, cha mẹ và giáo viên phải hợp tác với tư cách là đối tác để giúp trẻ học tập và phát triển. Các chương trình, sáng kiến, chiến lược trong giáo dục mầm non chỉ có thể thành công nếu nhận được sự hỗ trợ từ cha mẹ trẻ và cộng đồng.

2.1. Phối hợp với cha mẹ trẻ

Cha mẹ trẻ có thể tham gia vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo hai cách:

*** Tham gia chương trình nâng cao nhận thức về giáo dục mầm non**

Nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ là cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ điều gì trẻ được tham gia, học tập và phát triển ở trường mầm non sẽ được củng cố hoặc bổ sung ở gia đình. Cha mẹ có thể được dạy các kỹ năng đơn giản là đọc - kể chuyện, làm con rối và đồ chơi đơn giản cho trẻ em, điều này sẽ giúp cải thiện chất lượng tương tác của họ với trẻ và tạo cơ hội cho trẻ vui chơi. Cha mẹ trẻ nên được biết về:

- Trẻ cần một cách tiếp cận toàn diện để phát triển;
- Các mốc phát triển liên quan đến độ tuổi và những nguy hiểm khi đẩy trẻ vượt xa những gì trẻ đã sẵn sàng;
- Chăm sóc trẻ em, tức là đảm bảo sức khỏe, cảm xúc và nhu cầu dinh dưỡng của trẻ ở các giai đoạn phát triển khác nhau;
- Tầm quan trọng của việc vui chơi và kích thích tích cực hoạt động cho sự phát triển của trẻ;
- Phương pháp tổ chức chơi theo chương trình giáo dục mầm non, sự cần thiết và mục đích của nó;
- Vai trò của cha mẹ và sự hỗ trợ của họ đối với sự phát triển của trẻ.

*** Thu hút cha mẹ tham gia chăm sóc giáo dục trẻ như một nguồn lực**

Giáo viên mầm non có thể thu hút cha mẹ trẻ tham gia chăm sóc giáo dục trẻ theo nhiều cách:

- Là một người lớn được bổ sung để hỗ trợ xử lý các hoạt động của trẻ, ví dụ: các hoạt động sáng tạo, kể chuyện hoặc đi cùng trẻ em đi chơi, tham quan v.v.
- Là giáo viên thay thế, hỗ trợ trong trường hợp giáo viên mầm non được phân công đảm nhận việc khác trong thời điểm nhất định (tham gia văn nghệ ở xã/phường...).
- Là nguồn nhân lực thu gom rác thải/nguyên liệu thô có thể tái sử dụng để sử dụng trong các hoạt động của trẻ tại mầm non.

- Cha mẹ có tài năng hoặc kỹ năng cụ thể có thể đóng góp bằng cách sử dụng các kỹ năng của họ vì lợi ích của trẻ em. Ví dụ, một người thợ mộc có thể được yêu cầu làm một số đồ chơi bằng gỗ, một người mẹ biết hát và hát hay có thể dạy các bài hát cho trẻ em, một họa sĩ có thể giúp vẽ lên các kệ, v.v.

- Chia sẻ sự đa dạng văn hóa giữa các gia đình, chẳng hạn làm món ăn, trang phục, lễ hội.

- Biết thêm thông tin về những trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Liên lạc giữa cha mẹ trẻ và giáo viên có thể được duy trì thông qua:

- Các cuộc thảo luận, chia sẻ hàng ngày, ví dụ, khi cha mẹ đưa trẻ đến hoặc đón trẻ về.

- Các cuộc họp phụ huynh - giáo viên có tổ chức có thể được tổ chức một lần một tháng hoặc một lần trong ba tháng.

- Đến thăm gia đình trẻ. Giáo viên, nhân viên nhà trường nên đến thăm gia đình trẻ để xây dựng mối quan hệ với cha mẹ trẻ và những người thân trong gia đình trẻ, đồng thời giúp giáo viên hiểu về trẻ, cập nhật cho phụ huynh về sự phát triển của con họ.

- Hội chợ trẻ em, có thể được tổ chức mỗi năm một lần mà các gia đình có thể được mời.

- Bảng tin của lớp với hình ảnh minh họa.

- Các chương trình video ngắn có thể được chia sẻ với cha mẹ thông qua các phương tiện công nghệ khác nhau.

2.2. Phối hợp với cộng đồng

Cộng đồng là một bên liên quan quan trọng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Sự quan tâm và tham gia của các thành viên trong cộng đồng sẽ giúp họ hiểu về trẻ em và gia đình của họ tốt hơn. Chỉ khi cộng đồng nhận thức được, nhu cầu của trẻ em mới có thể được đáp ứng.

Khi cộng đồng nhận ra nhu cầu của giáo dục mầm non, vai trò/ảnh hưởng của họ đối với giáo dục mầm non, thì cộng đồng sẽ quan tâm hơn đến vấn đề này. Không có gì lạ khi quan sát các thành viên cộng đồng giúp đỡ trường mầm non bằng nhiều cách, chẳng hạn như cung cấp nước uống, không gian đầy đủ cho trường mầm non và các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu khác. Các thành viên trong cộng đồng có thể không được đào tạo hoặc có trình độ phù hợp với các công việc trong trường mầm non, nhưng họ có thể sẽ đóng góp theo những cách cụ thể trong một khoảng thời gian hướng tới các mục tiêu và chức năng của trường mầm non. Các cá nhân, tổ chức trong cộng đồng có thể tham gia vào các hoạt động của trẻ ở trường mầm non như sau:

- Các đoàn kịch, xiếc, múa rối: Tổ chức biểu diễn cho trẻ xem; Cho trẻ thăm quan tìm hiểu về công việc của các diễn viên, nhân viên...

- Đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi... tại địa phương: Tham gia các chương trình lễ hội của trẻ tại trường mầm non, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh...

- Các công ty đồ chơi, nhà xuất bản sách dành cho trẻ mầm non: Cung cấp những đồ chơi, sách và các thiết bị giáo dục phù hợp với nhu cầu, sở thích và khả năng của trẻ.

- Các cửa hàng, tiệm cắt tóc, một cơ quan nhà nước ... có thể dành cho trẻ một khoảng không gian để trẻ được trưng bày những “sản phẩm” của mình nhằm mục đích hỗ trợ cộng đồng. Cách làm này giúp trẻ thấy được giá trị của mình, thúc đẩy trẻ nỗ lực hơn trong các hoạt động ở trường mầm non, tăng tính tự tin vào bản thân.

Kết luận

Trẻ có cơ hội học tập và phát triển tốt nhất khi nhà trường, gia đình và cộng đồng cộng tác cùng nhau trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Quan hệ cộng tác này dựa trên nền tảng sự thấu hiểu kỳ vọng và thái độ của nhau đối với giáo dục mầm non, xây dựng trên sức mạnh của sự hiểu biết của mỗi bên, tôn trọng sự đa dạng. Khi tôn trọng sự đa dạng của gia đình và cộng đồng, tôn trọng niềm hy vọng họ dành cho trẻ, các nhà giáo dục có khả năng nuôi dưỡng động cơ học tập và tăng cường ý thức về bản thân của trẻ với tư cách là những người có năng lực. Từ đó quyết định chương trình học duy trì quyền được thừa nhận và coi trọng về văn hóa, bản sắc riêng, khả năng và thể mạnh của trẻ, đáp ứng với tính phức tạp của cuộc sống và gia đình trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục
2. Lê Thị Thu Huyền – Kay Margetts (2013), *Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*, Dự án tăng cường khả năng sẵn sàng đi học cho trẻ mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo
3. National Council of Educational Research and Training (2019), *The preschool Curriculum*, New Delhi
4. The Australian Government Department of Education, Employment and Workplace Relations for the Council of Australian Governments (2009), *Belonging, being & becoming*

MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN HỨNG THÚ NHẬN THỨC CHO TRẺ 4 – 5 TUỔI TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY TRẺ SẮP XẾP THEO QUY LUẬT TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON

ThS. Hoàng Diệu Thuý

Phòng Công tác Sinh viên

Tóm tắt:

Hứng thú nhận thức là khuynh hướng lựa chọn của cá nhân trẻ vào việc nhận thức một số sự vật hiện tượng, hoạt động khám phá khoa học, môi trường xung quanh, một số lĩnh vực hoạt động khác trong trường mầm non... Trong đó bản thân trẻ không chỉ dừng lại ở đặc điểm bên ngoài của đối tượng mà có xu thế đi sâu bản chất bên trong đối tượng trẻ muốn nhận thức. Do nó vừa có ý nghĩa với cuộc sống của trẻ, vừa có khả năng đem lại sự thích thú trong quá trình nhận thức. Bài viết đề cập đến việc làm thế nào để pháp phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động dạy trẻ sắp xếp theo quy luật tại các trường mầm non.

Từ khoá: *Hứng thú, khám phá, sắp xếp, quy luật*

Đặt vấn đề

Theo “Lý thuyết hoạt động” của Lêôchier thì nhân cách của con người, trong đó có trẻ em mầm non chỉ hình thành trong hoạt động và thông qua hoạt động. Khi trẻ được trực tiếp hoạt động, trực tiếp trải nghiệm những mô hình sắp xếp theo quy luật trẻ mới có thể khắc sâu được biểu tượng, hiểu được bản chất và nắm giữ được người quy luật tồn tại trong nó. Sự phát triển của trẻ em là một quá trình liên tục, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trẻ 4 – 5 tuổi có những thay đổi lớn so với độ tuổi 3 – 4 tuổi về tâm lý, trí tuệ, nhân cách. Vì vậy khi xây dựng các biện pháp phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ 4 – 5 tuổi cũng cần lưu ý đến đặc điểm độ tuổi và khả năng nhận thức của trẻ. Việc tạo ra môi trường giáo dục lớp học đa dạng, phong phú, lành mạnh, an toàn và hấp dẫn với trẻ nhỏ sẽ tạo cơ hội cho chúng có nhiều điều kiện được khám phá, trải nghiệm, phát triển hứng thú nhận thức, từ đó trẻ tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động mà giáo viên đã chuẩn bị, góp phần phát triển hứng thú nhận thức bền vững cho trẻ.

Nội dung

1. Đề xuất một số biện pháp phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động sắp xếp theo quy luật

Biện pháp được hiểu là cách làm cụ thể trong hoạt động hợp tác cùng nhau giữa giáo viên và trẻ nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ trong hoạt động sắp xếp theo quy luật.

Biện pháp 1: Sử dụng tình huống có vấn đề nhằm dạy trẻ các mô hình sắp xếp theo quy luật.

- *Mục đích – Ý nghĩa:* Tình huống có vấn đề chính là nhiệm vụ giáo viên đặt ra cho trẻ, nhiệm vụ này cá nhân trẻ chưa từng gặp trước đó, nhưng trẻ có thể vận dụng những kinh nghiệm, kiến thức vốn có của trẻ để có thể giải quyết nhiệm vụ. Sự có mặt của những tình huống có vấn đề trong quá trình tổ chức hoạt động sắp xếp theo quy luật góp phần thúc đẩy tính tích cực, tính tự lập, óc sáng tạo, kích thích sự chú ý, ham học hỏi, thích khám phá, chinh phục của trẻ.

Những tình huống hấn dẫn, mang tính có vấn đề, tính tìm kiếm và cuốn hút trẻ vào các tình huống ấy có một ý nghĩa rất lớn đối với đặc điểm tâm lí, trí tuệ của trẻ 4 – 5 tuổi. Chính những câu hỏi, lời đề nghị mang tính định hướng khiến trẻ phải suy nghĩ, phải sử dụng một số thao tác tư duy như so sánh, phân tích, hệ thống, huy động vốn hiểu biết vốn có của mình để tìm kiếm lời giải đáp. Tất cả những điều này làm tích cực hóa quá trình nhận thức của trẻ, phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ trong hoạt động sắp xếp theo quy luật.

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Giáo viên cần nghiên cứu nội dung mô hình sắp xếp theo quy luật cần dạy trẻ

Bước 2: Dự kiến các tình huống có vấn đề cho hoạt động, cần chuẩn bị các tình huống khó hơn một chút so với khả năng vốn có của trẻ, độ khó được tăng dần theo yêu cầu của nội dung bài dạy. Đối với bài tìm hiểu, làm quen, nhận biết các mô hình đến bài luyện tập, rèn luyện, thực hành, tiếp theo đến vận dụng những kiến thức về các mô hình sắp xếp theo quy luật đã học tạo ra những mô hình từ những đối tượng có sẵn xung quanh trẻ và cuối cùng là phát hiện ra những mô hình sắp xếp theo quy luật có trong cuộc sống hàng ngày. Các tình huống có vấn đề này sẽ được giáo viên sử dụng xuyên suốt từ khi trẻ bắt đầu nhận biết các mô hình đến lúc trẻ nhận thức được nó.

Ví dụ: Đối với bài làm quen với mô hình sắp xếp AB/AB/AB. Giáo viên sử dụng các tình huống có vấn đề như sau:

Tình huống 1: Giáng sinh sắp đến rồi, Ông Già Nô En muốn gửi những chiếc khăn thật là xinh đẹp đến cho các bạn nhỏ, nhưng một mình ông không thể trang trí thật nhiều, thật nhiều chiếc khăn được. Ông muốn nhờ lớp mình giúp, các con có làm được không?

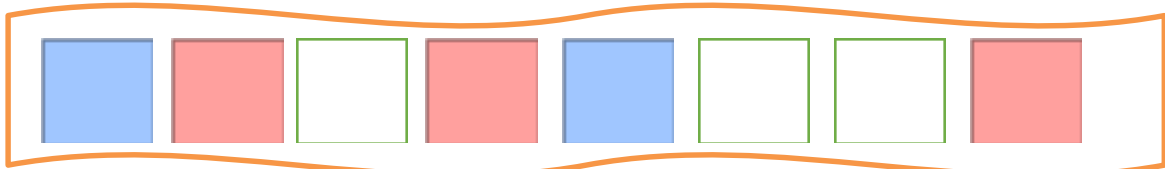
Ông muốn chúng mình trang trí chiếc khăn giống như chiếc khăn mẫu ông đã gửi cho cô đây này. Lớp mình cùng trang trí thật đẹp và thật giống nhé.



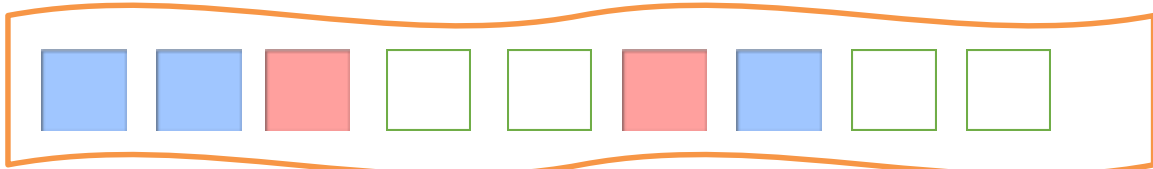
Hình ảnh chiếc khăn mẫu mà giáo viên chuẩn bị

Tình huống 2: Tiến hành cho trẻ luyện tập với các mô hình: AB/AB/AB; AAB/AAB/AAB; ABC/ABC/ABC;

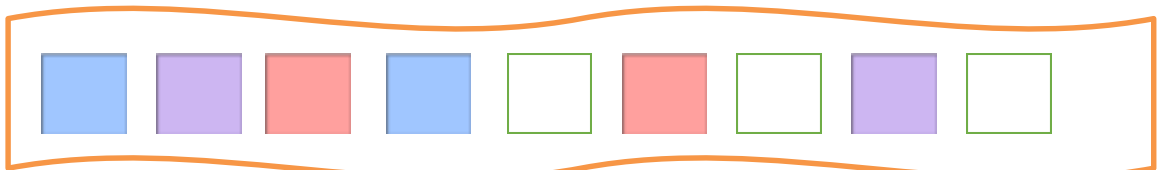
Các bạn lớp B4 ơi! Có rất nhiều bạn nhỏ trên thế giới được ông già Nô en mời trang trí khăn, nhưng khi ông nhận về có một số chiếc khăn bị lỗi, ông buồn lắm, ông thất các bạn lớp mình trang trí khăn vừa đẹp lại còn chính xác nữa, nên ông muốn nhờ lớp mình sửa lại những chiếc khăn bị sai, lớp mình cùng giúp ông nhé.



Mô hình AB/AB/AB



Mô hình AAB/AAB/AAB



Mô hình ABC/ABC/ABC

Bước 3: Tạo ra tình huống, cô giáo dẫn dắt trẻ vào tình huống đó một cách tự nhiên, hướng sự chú ý của trẻ vào vấn đề chính cần giải quyết. Trong quá trình trẻ giải quyết nhiệm vụ, nếu trẻ gặp khó khăn, giáo viên cần đưa ra các câu hỏi gợi ý, mách nước, định hướng, động viên, khuyến khích trẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ vào sản phẩm thực hiện của trẻ, giáo viên cùng trẻ tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của trẻ, từ đó giáo viên có thể nắm bắt được mức độ hứng thú nhận thức của trẻ đối với hoạt động sắp xếp theo quy luật.

- Điều kiện vận dụng biện pháp

+ Để giáo viên có thể vận dụng linh hoạt, chính xác biện pháp này, họ cần phải nắm được lý thuyết về hoạt động và phương pháp tạo hình hướng có vấn đề một cách nhuần nhuyễn, hiểu được đặc điểm nhận thức của trẻ lớp mình.

+ Trẻ có trí tuệ phát triển bình thường, được học kiến thức về hoạt động sắp xếp theo quy luật theo chương trình yêu cầu đối với trẻ 3 – 4 tuổi. Giáo viên trước khi tiến hành ôn tập lại kiến thức cũ cho trẻ như: Cách xếp đan xen 1:1 (một cái này rồi đến một cái kia, liên tục như vậy), so sánh kích thước hai đối tượng (dài/ ngắn, cao/thấp, rộng/hẹp,...), chọn riêng các đối tượng theo dấu hiệu cho trước (dấu hiệu về hình, dấu hiệu về màu,...). Những kiến thức đó chính là nền tảng, là vốn kinh nghiệm, là cơ sở để trẻ có thể giải quyết được các nhiệm vụ mới trong các tình huống có vấn đề mà giáo viên đưa ra.

+ Giáo viên cần có kỹ năng làm việc tốt hợp trẻ. Biết quan sát và nắm bắt được nhu cầu hứng thú của trẻ. Như vậy, mới kịp thời đưa ra được các tình huống có vấn đề trong khi chơi, mọi lúc, mọi nơi.

+ Khi tiến hành biện pháp này giáo viên cần chú ý lời giải thích ngắn gọn, súc tích, đúng đủ để trẻ kịp thời hiểu được nhiệm vụ cần thực hiện. Sử dụng các câu hỏi gợi ý, định hướng, tránh lạm dụng để mất đi hứng thú nhận thức của trẻ. Cần chú ý thời điểm thích hợp để đưa ra các tình huống. Lưu ý các từ khóa quan trọng như: *đầu tiên, sau đó, tiếp theo, cuối cùng, lặp đi lặp lại*.

Biện pháp 2: Lồng ghép nội dung dạy trẻ sắp xếp theo quy luật vào nội dung các hoạt động khác.

- Mục đích – Ý nghĩa:

Với các hình thức dạy học đa dạng cho phép giáo viên tổ chức hoạt động xung quanh nội dung sắp xếp theo quy luật bằng cách phối hợp nhịp nhàng với nội dung các hoạt động học tập khác nhau một cách tự nhiên.

Trẻ được trải nghiệm bằng mọi giác quan, mọi không gian, qua đó khắc sâu biểu tượng về các mô hình sắp xếp theo quy luật. Mỗi một hoạt động có lồng ghép nội dung sắp xếp theo quy luật giáo viên đều giới thiệu cho trẻ, yêu cầu trẻ nhắc lại, kích thích trẻ tự phát hiện, hướng dẫn trẻ ứng dụng. Dần dần trẻ sẽ có phản xạ tốt với mô hình sắp xếp theo quy luật và hứng thú nhận thức sẽ được hình thành trong trẻ.

Cách tiếp cận này cho phép giáo viên điều chỉnh kế hoạch giảng dạy một cách linh hoạt hơn để có thể đưa tình huống một cách tình cờ, ngẫu nhiên vào kế hoạch hằng ngày nhằm phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ trong hoạt động sắp xếp theo quy luật. Trẻ tham gia hoạt động nhận thức một cách nhẹ nhàng, hứng thú, trẻ học mà như chơi.

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Lựa chọn hoạt động học tập, hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ ở trường mầm non có thể lồng ghép các mô hình sắp xếp theo quy luật. Dự kiến nội dung, hình thức lồng ghép các mô hình sắp xếp theo quy luật. Cụ thể:

+ Lồng ghép nội dung sắp xếp theo quy luật với hoạt động học tập:

Lồng ghép nội dung dạy trẻ sắp xếp theo quy luật vào hoạt động cho trẻ làm quen với Tác phẩm Âm Nhạc. Giáo viên tiến hành dạy trẻ ca khúc “Mẹ yêu không nào” có thể lồng ghép mô hình sắp xếp theo quy luật AB/AB/AB như sau: giáo viên hướng dẫn trẻ vỗ tay theo nhịp 2/4 lặp đi lặp lại xuyên suốt cả bài hát. Nhịp vỗ tay sẽ vỗ vào phách mạnh của bài hát thuộc các từ: cò/bé/đậu/tre,... Khi thấy đa số trẻ thực hiện tốt, giáo viên có thể nâng cao yêu cầu theo mô hình sắp xếp theo quy luật AA/BB hoặc AAA/BBB như sau: Vỗ tay kết hợp với nghiêng đầu, vỗ tay kết hợp với giơ chân cùng chiều với tay, kết hợp nghiêng đầu về phía tay vỗ và giơ chân,... Các vận động này sẽ được lặp đi lặp lại đến hết bài hát. Kết thúc vận động cô hỏi trẻ “Các con có biết chúng ta vừa vận động như thế nào?”, nhằm khắc sâu, phát huy khả năng ứng dụng các mô hình sắp xếp theo quy luật của trẻ vào cuộc sống hằng ngày.

Lồng ghép nội dung dạy trẻ sắp xếp theo quy luật vào hoạt động cho trẻ làm quen với Hoạt động Tạo Hình. Trong tiết học “Trang trí con Công”, Giáo viên lồng ghép nội dung ôn tập mô hình sắp xếp theo quy luật ABC/ABC/ABC, Cô tiến hành cho trẻ trang trí đuôi công theo quy luật Xanh nước biển/Xanh lá cây/Vàng. Yêu cầu trẻ phát hiện và đọc được quy luật sắp xếp nhằm củng cố khả năng nhận biết các quy luật trong cuộc sống.

Lồng ghép nội dung dạy trẻ sắp xếp theo quy luật vào hoạt động cho trẻ làm quen với Hoạt động Giáo dục Thể chất. Giáo viên có thể lồng ghép mô hình sắp xếp theo quy luật AB/AB. Trong phần bài tập phát triển chung thuộc phần trọng động của hoạt động giáo dục Thể chất, trẻ vận động giơ tay lên cao, hạ tay xuống thấp, lặp đi lặp lại 4 lần. Kết thúc hoạt động có thể hỏi trẻ “Các con vừa vận động như thế nào nhỉ”.

+ Lồng ghép nội dung sắp xếp theo quy luật với hoạt động sinh hoạt hằng ngày khác của trẻ 4 – 5 tuổi ở trường mầm non.

Lồng ghép nội dung dạy trẻ sắp xếp theo quy luật vào hoạt động cho trẻ làm quen tại hoạt động góc.

Góc xây dựng: Giáo viên gợi ý xây dựng khu đô thị theo mô hình ABBC/ABBC, 1

khối chữ nhật (làm móng), 2 khối vuông (làm tầng), 1 khối tam giác (làm mái); Xây tường bao cho khu đô thị mô hình ABBC, trẻ có thể tự do lựa chọn nguyên liệu để phù hợp với yêu cầu. Hoạt động này có thể 5-7 trẻ.

Góc nghệ thuật: Trang trí khăn, trang trí váy dạ hội cho Công chúa theo quy luật (trẻ có thể tự lựa chọn quy luật mà mình thích). Hoạt động này có thể tổ chức từ 5 – 7 trẻ.

Bước 2: Lập kế hoạch hoạt động, chuẩn bị môi trường học tập theo các nội dung đã dự kiến.

Bước 3: Triển khai, hướng dẫn trẻ chơi theo kế hoạch, trong quá trình tiến hành cần quan sát để biết được mức độ hứng thú nhận thức của trẻ.

Bước 4: Tiến hành đánh giá mức độ hứng thú nhận thức của trẻ, điều chỉnh để các hoạt động sau trẻ có sự phát triển hơn hoạt động trước.

- Điều kiện thực hiện

Giáo viên cần nghiên cứu kỹ phương pháp tích hợp, cần vận dụng đúng, vừa đủ, không lạm dụng để phát huy hết ý nghĩa của phương pháp mang lại, nhằm phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ qua hoạt động sắp xếp theo quy luật.

Giáo viên cần nghiên cứu kỹ khả năng nhận thức của từng trẻ lớp mình phụ trách để lựa chọn hình thức, môn học học tích hợp phù hợp.

Giáo viên cần học tập, trau dồi kiến thức nghề nghiệp, vì biện pháp này thành công được hay không hoàn toàn nhờ vào mức độ năng lực của giáo viên.

Biện pháp 3: Sử dụng các bài tập sắp xếp theo quy luật đa dạng

- Mục đích – Ý nghĩa:

Khi trẻ đã có hiểu biết về các mô hình sắp xếp theo quy luật, cần có hệ thống bài tập để giúp trẻ củng cố, hệ thống lại các mô hình sắp xếp theo quy luật trẻ đã được tiếp cận từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

Trẻ 4 – 5 tuổi có hứng thú nhận thức tốt, nhưng rất dễ bị phân tán và mất đi. Nếu trẻ thường xuyên được luyện tập hệ thống bài tập sắp xếp theo quy luật sẽ tạo cho trẻ hứng thú nhận thức bền vững, khắc sâu các mô hình. Từ đó trẻ có ứng dụng vào cuộc sống một cách dễ dàng.

Kiến thức của loài người mênh mông, thời gian trên lớp học chỉ có thể giới thiệu, định hướng cách tiếp cận kiến thức. Trẻ em luôn khao khát tìm hiểu, với hệ thống bài tập sẽ giúp trẻ mở rộng thêm kiến thức về các mô hình sắp xếp theo quy luật, nhận biết sự hiện diện của nó trong cuộc sống và cao hơn là biết ứng dụng.

- Cách tiến hành

Bước 1: Căn cứ nội dung chương trình chuyên môn quy định của nhà trường về

hoạt động sắp xếp theo quy luật đối với trẻ 4 – 5 tuổi. Nghiên cứu trình độ hiện có của trẻ đối với hoạt động sắp xếp theo quy luật. Giáo viên kiểm tra, hệ thống lại các mô hình sắp xếp theo quy luật trẻ đã được học.

Bước 2: Giáo viên xây dựng hệ thống bài tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ trực quan đến mô hình hóa. Số lượng đối tượng trong các mô hình sẽ tăng dần từ 2 đối tượng, 3 đối tượng, 4 đối tượng và mở rộng cao hơn với 5 đối tượng. Sự phức tạp của mô hình cũng được tăng dần: AAB; ABBC; ABBCCD;... Sự trừu tượng của mô hình cũng sẽ tăng dần từ màu sắc, hình học đến khối không gian, số đếm.

Bước 3: Tiến hành hướng dẫn cho trẻ thực hiện các bài tập sắp xếp theo quy luật, các dạng bài tập này có thể sử dụng trong tiết dạy trẻ sắp xếp theo quy luật, trong thời gian trẻ tham gia hoạt động góc, hoạt động chiều (tùy vào mức độ nhận thức và hứng thú nhận thức của trẻ).

Các bài tập sử dụng tại tiết học cần gần gũi với nội dung dạy.

Các bài tập tại hoạt động góc, hoạt động chiều cần được mở rộng, luyện tập nhiều lần. Giáo viên hướng dẫn những mô hình mới, khơi gợi, kích thích trẻ tự hoạt động. Nếu trẻ gặp khó khăn thì gợi ý cho trẻ.

Bước 4: Tiến hành đánh giá để biết mức độ hứng thú nhận thức của trẻ đối với hoạt động sắp xếp theo quy luật. Từ đó nâng cao thêm mức độ để luyện tập cho trẻ.

- Điều kiện thực hiện

Giáo viên cần tìm hiểu thêm các mô hình sắp xếp theo quy luật gần gũi với khả năng nhận thức của trẻ.

Xây dựng hệ thống bài tập với những đối tượng trẻ yêu thích, gần gũi, màu sắc tươi, sắc rõ tạo cho trẻ cảm giác dễ chịu, ham thích, kích thích được hứng thú nhận thức của trẻ đối với các mô hình sắp xếp theo quy luật trong bài tập giáo viên thiết kế.

Với biện pháp này giáo viên cần chú ý đến mức độ nhận thức của trẻ, chỉ sử dụng khi trẻ đã có những biểu tượng nhất định về các mô hình sắp xếp theo quy luật.

Hệ thống bài tập cần được xây dựng phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, mức độ từ dễ đến khó, từ trực quan đến trừu tượng để có thể kích thích thái độ tích cực trong quá trình nhận thức, từ đó phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ.

Trẻ cần được tự do lựa chọn hoạt động, tạo cho trẻ không khí trước khi tiến hành thực hiện phiếu bài tập một cách tự nhiên, không ép trẻ làm bài tập khi trẻ mệt mỏi, không thích. Nếu trẻ gặp khó khăn, giáo viên có thể gợi ý để trẻ tự thực hiện nhiệm vụ của mình.

Biện pháp 4: Sử dụng trò chơi học tập trong hoạt động dạy trẻ sắp xếp theo quy luật

- Mục đích – Ý nghĩa:

Trò chơi học tập tạo cơ hội để trẻ thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp theo quy luật dưới hình thức chơi nhẹ nhàng, thoải mái. Trẻ tiếp nhận nhiệm vụ trí tuệ như một nhiệm vụ chơi vui vẻ, tự do, tự nguyện.

Trò chơi học tập kích thích một số phẩm chất trí tuệ như: sự nhanh trí, linh hoạt, phối hợp nhóm (nếu trò chơi tập thể), nâng cao tính tự lập (nếu trò chơi chỉ yêu cầu một mình trẻ thực hiện), ...đó chính là những phẩm chất cần thiết cho việc tiếp thu kiến thức mới.

Khi thực hiện nhiệm vụ chơi trong trò chơi học tập đặt ra bắt trẻ phải sử dụng một số thao tác tư duy như: phân tích, tổng hợp, phân loại, khái quát. Đây là những thao tác tư duy quan trọng, giúp trẻ phát triển khả năng nhận thức, phát triển hứng thú nhận thức và tạo tiền đề cho khả năng nhận thức sau này ở trẻ.

Trẻ vận dụng các phẩm chất trí tuệ, thao tác tư duy, kiến thức, hiểu biết của bản thân về hoạt động sắp xếp theo quy luật để hoàn thành các nhiệm vụ trong trò chơi học tập. Vẫn là những mô hình sắp xếp theo quy luật nhưng khi đưa vào trò chơi học tập, với luật chơi, cách chơi, yêu cầu của nhiệm vụ, đồ chơi trực quan, tạo cho trẻ những cảm xúc phấn khích, trạng thái muốn chinh phục trước các bạn và giáo viên, chính những điều đó làm kéo dài hứng thú nhận thức của trẻ đối với hoạt động sắp xếp theo quy luật.

- Cách tiến hành

Bước 1: Nghiên cứu, kiểm tra lại khả năng hiểu biết của trẻ về các mô hình sắp xếp theo quy luật, lập kế hoạch những mô hình sắp xếp theo quy luật cần củng cố, cần mở rộng cho trẻ. Từ đó lựa chọn những trò chơi học tập phù hợp với mục đích.

Các mô hình cần củng cố gồm: Các mô hình có 3 đối tượng; các mô hình sử dụng đối tượng là hình dạng, hình khối, các mô hình sử dụng đối tượng là số đếm.

Các mô hình cần mở rộng: các mô hình có số lượng 4 – 5 đối tượng.

Dự kiến 3 trò chơi học tập: Ghi nhớ bước chân, Chiếc chìa khóa bí ẩn, Hãy làm lại như cũ.

Bước 2: Chuẩn bị môi trường, đồ dùng, dụng cụ phục vụ cho các trò chơi.

Bước 3: Tiến hành cho trẻ chơi, cần nói rõ tên trò chơi, cách chơi, luật chơi rõ ràng, mạch lạc với trẻ. Yêu cầu một trẻ nhanh nhẹn nhắc lại, giáo viên tiến hành chơi mẫu để trẻ dễ hình dung. Tổ chức cho trẻ chơi theo kế hoạch.

Bước 4: Tiến hành nhận xét kết quả thực hiện của trẻ. Nếu thấy số lượng trẻ hoàn thành ít, cần giảm bớt yêu cầu cho những lần sau và ngược lại.

- Điều kiện thực hiện

Giáo viên cần có sự chuẩn bị về nội dung, hình thức chơi, cách chơi, luật chơi rõ ràng, khoa học và phù hợp với kiến thức kinh nghiệm vốn có của trẻ.

Trẻ khi tham gia trò chơi học tập với mục đích củng cố, hệ thống lại kiến thức, vì vậy trẻ cần được cung cấp kiến thức về các mô hình sắp xếp theo quy luật tùy thuộc vào độ khó của từng nhiệm vụ trong trò chơi học tập.

Cần lưu ý chính là luật chơi, luật chơi càng chính xác bao nhiêu thì trò chơi càng căng thẳng và quyết liệt bấy nhiêu, trong luật chơi chứa đựng những chuẩn mực đạo đức, yêu cầu đối với hành vi chơi của trẻ. Những luật chơi trong trò chơi học tập là tiêu chuẩn đánh giá hành động chơi đúng hay sai và là tiêu chuẩn khách quan để đánh giá khả năng của trẻ.

Trên đây, chúng tôi lựa chọn bốn biện pháp tiêu biểu, hiệu quả nhất nhằm phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động sắp xếp theo quy luật. Các biện pháp cần được thực hiện tuần tự, khi sử dụng cần căn cứ mức độ hứng thú nhận thức của trẻ để thu được hiệu quả tốt nhất.

2. Mối quan hệ giữa các biện pháp phát triển nhận thức cho trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động sắp xếp theo quy luật.

Các biện pháp trên có mối quan hệ qua lại, tương tác với nhau rất sâu sắc. Nếu xét về chiều dọc thì các biện pháp có chức năng hỗ trợ nhau rất bền chặt, biện pháp trước sẽ là nền tảng hỗ trợ cho biện pháp sau. Người giáo viên không thể tùy tiện mà phải căn cứ vào thời điểm và mục đích giáo dục để lựa chọn biện pháp cho phù hợp.

Biện pháp 1, chúng ta tiến hành dạy trẻ làm quen với các mô hình sắp xếp theo quy luật, bởi ở độ trẻ 3 – 4 tuổi, theo chương trình giáo dục thì trẻ mới chỉ so sánh hai đối tượng trực quan đơn giản như: Dài/ ngắn, Rộng/hẹp, Cao/thấp và xếp xen kẽ, tức là xếp 1:1. Đây là nội dung bước đầu, chuẩn bị cho bậc học tiếp theo sẽ tìm hiểu sâu về các mô hình sắp xếp theo quy luật khó hơn, cao hơn ở độ tuổi 4 – 5 tuổi. Vì vậy, trẻ 4 – 5 tuổi mới bắt đầu bước vào nội dung chính của hoạt động sắp xếp theo quy luật. Chúng ta cần cho trẻ làm quen với nó, nhận biết nó. Nhưng bản thân hoạt động sắp xếp theo quy luật là một nội dung nhận thức rất khó, mang tính bản chất, không có nghệ thuật sự phạm để cuốn hút thì chúng rất dễ từ chối. Thời điểm này biện pháp 1: *Sử dụng tình huống có vấn đề nhằm dạy trẻ các mô hình sắp xếp theo quy luật* sẽ phát huy được vai trò của nó. Giao nhiệm vụ cho trẻ, trẻ được hoạt động, trẻ được trải nghiệm, thực hiện nhiệm vụ nhận thức mà như đang chơi. Điều này kéo dài sự chú ý của trẻ đối với hoạt động nhận thức rất khó này.

Khi trẻ đã có những nhận biết ban đầu và hiện tượng bên ngoài của các mô hình sắp xếp theo quy luật, nhằm khắc sâu và duy trì hứng thú nhận thức của trẻ đối với hoạt động này, biện pháp số 2: *Tổ chức hoạt động dạy học tích hợp với các môn học khác, dưới người hình thức khác nhau* sẽ phát huy tác dụng, trẻ được hoạt động với các mô hình sắp xếp theo quy luật mọi lúc, mọi nơi, một cách nhẹ nhàng, tinh tế,

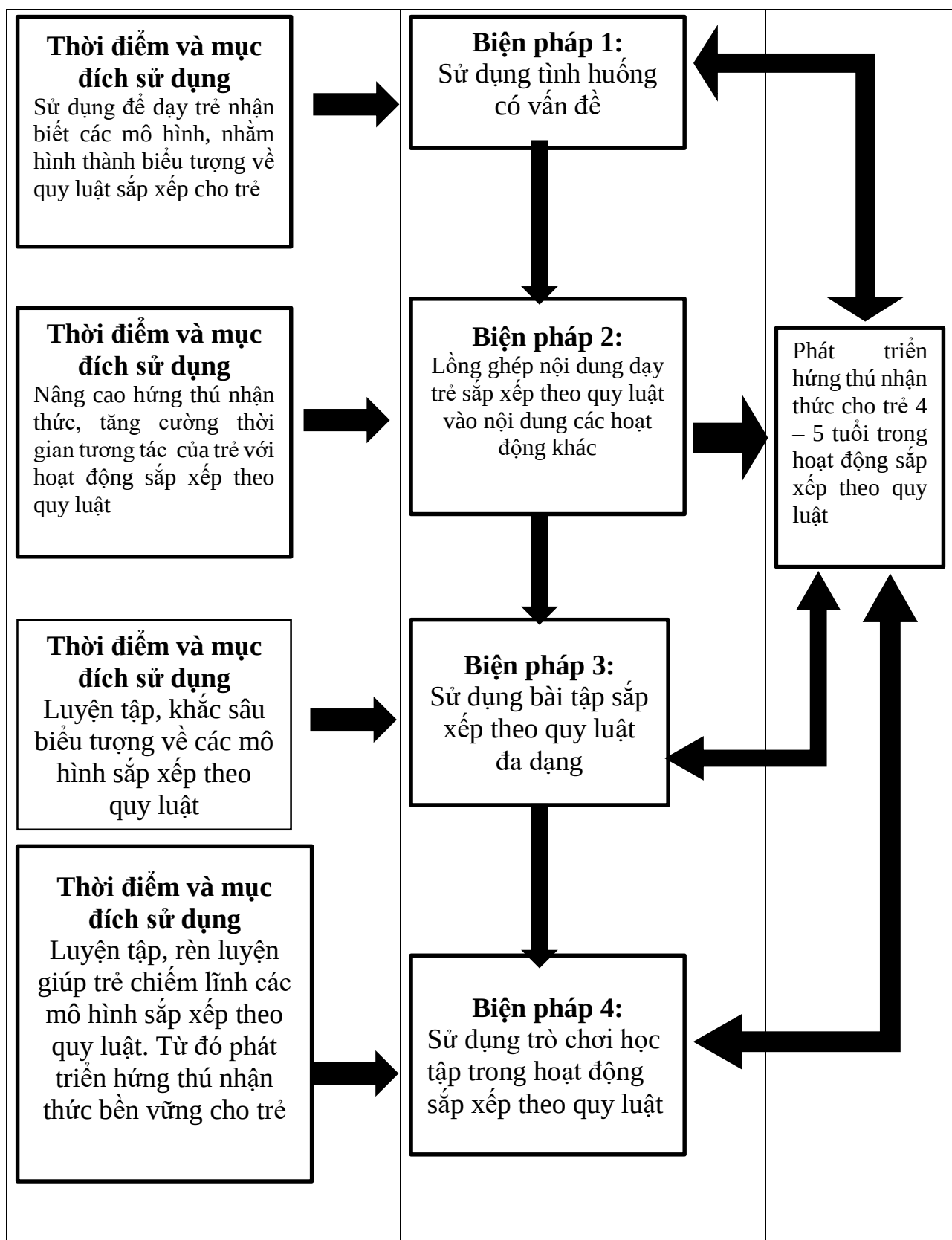
không áp đặt, không ép buộc. Như vậy, những mô hình sắp xếp theo quy luật cứ tự nhiên mà khắc sâu và trong tâm trí trẻ.

Biện pháp số 3: *Sử dụng bài tập sắp xếp theo quy luật đa dạng* đây là những bài nhằm mục đích củng cố, hệ thống lại kiến thức của trẻ về các mô hình sắp xếp theo quy luật. Trẻ sẽ có được kiến thức bền vững trong trí óc, chiếm lĩnh được nó, khám phá được nó, nhận biết được sự xuất hiện của nó ngay xung quanh cuộc sống của trẻ, từ đó tái hiện lại bằng những vật dụng quen thuộc, đây là vốn kinh nghiệm quý báu giúp trẻ nhận biết thế giới xung quanh trẻ, kích thích trẻ ham hiểu biết đối với những vấn đề mang tính bản chất. Khả năng của trẻ sẽ được bộ lộ rõ rệt qua những phiếu bài tập được thiết kế rất tinh tế, có chia mức độ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, giúp người giáo viên đánh giá được khả năng thực chất của từng đứa trẻ. Từ đó có biện pháp giáo dục phù hợp ở những giai đoạn sau.

Biện pháp số 4: *Sử dụng trò chơi học tập sắp xếp theo quy luật đa dạng* lúc này những hiểu biết của trẻ về hoạt động sắp xếp theo quy luật không chỉ dừng lại ở những suy nghĩ trong đầu, không còn là những phép thử ngẫm trong trí óc, trẻ cần được bộc lộ nhận thức của mình, hiểu biết, mức độ của mình thông qua những trò chơi phát triển nhận thức, biện pháp 4 sẽ phát huy được kiến thức tổng thể của trẻ về hoạt động sắp xếp theo quy luật.

Dưới đây, là sơ đồ mối quan hệ của các biện pháp bằng sơ đồ đề giáo viên có thể dễ dàng hình dung được mối quan hệ theo chiều dọc, theo chiều ngang và bản thân của các biện pháp. Cần căn cứ vào mục đích giáo viên để có sự lựa chọn, sử dụng cho phù hợp.

Sơ đồ: Biểu thị mối quan hệ giữa các biện pháp phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động sắp xếp theo quy luật



Kết luận

Hứng thú nhận thức được hình thành rất sớm ở trẻ em, hứng thú nhận thức được sinh ra từ sự hấp dẫn của môi trường xung quanh và nhu cầu ham hiểu biết của trẻ, tuy nhiên hứng thú nhận thức của trẻ rất dễ bị mất đi do nó mới được hình thành và do đặc điểm lứa tuổi mầm non. Giáo viên cần có nhận thức rất chính xác về hứng thú nhận thức đối với một đứa trẻ có trí tuệ phát triển bình thường, mức độ cần thiết của nhiệm vụ phát triển hứng thú nhận thức cho trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động sắp xếp theo quy luật vì đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng để hình thành cho trẻ thái độ nhận thức tích cực, hứng thú nhận thức bền vững cho trẻ sau này.

THẢO LUẬN NHÓM - HÌNH THỨC HỌC TẬP HIỆU QUẢ TRONG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ

ThS. Nguyễn Thị Hương Giang

ThS. Nguyễn Trung Hiếu

Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt:

Một trong những phương hướng, nhiệm vụ để thực hiện Nghị quyết 29 của Đảng là “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ, áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực”. Theo đó, thảo luận nhóm - phương pháp dạy học, hình thức học tập được sử dụng trong đào tạo tín chỉ đã góp phần đáp ứng được yêu cầu của nhiệm đó. Bài viết đề cập đến phương thức đào tạo tín chỉ, phương pháp thảo luận nhóm và hiệu quả của phương pháp này.

Từ khóa: thảo luận nhóm, hình thức học tập, đào tạo tín chỉ.

Đặt vấn đề

Trong xu thế phát triển ngày nay, giáo dục được xem là chìa khóa vàng để mỗi người, mỗi quốc gia tiến bước vào tương lai, là ngành sản xuất mà lợi nhuận của nó khó có thể đong, đo, đếm được. Giáo dục không chỉ có chức năng chuyển tải kinh nghiệm lịch sử xã hội của thế hệ trước cho thế hệ sau mà quan trọng hơn là trang bị cho mỗi người phương pháp học tập, tìm cách phát triển năng lực, phát triển tư duy, thích ứng được với một xã hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Để giúp người học đáp ứng được những yêu cầu đó, việc cải cách, đổi mới giáo dục là một việc làm hết sức cần thiết và cấp bách, và trong đó đổi mới phương pháp giáo dục chính là khâu then chốt có tính quyết định, giúp quá trình giáo dục đạt đến mục tiêu đổi mới.

Trong quá trình thực hiện đổi mới các phương pháp giáo dục, phương pháp dạy học, đặc biệt là trong dạy học tín chỉ thì giáo viên đã áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực mang lại hiệu quả giáo dục cao. Thảo luận nhóm là một trong số các phương pháp đó, đây là hình thức tổ chức dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận với nhau các nội dung dạy học theo nhóm nhỏ (có nhóm lớn không?) để đi đến một ý kiến thống nhất chung nhằm giải quyết một nhiệm vụ dạy học cụ thể. Thảo luận nhóm mang đầy đủ đặc điểm của phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với xu thế dạy và học trong đào tạo tín chỉ.

Nội dung

1. Phương thức đào tạo tín chỉ

Thực tế giáo dục đại học trên thế giới đã khẳng định rằng đào tạo theo tín chỉ là một phương thức đào tạo có nhiều ưu thế so với phương thức đào tạo truyền thống. Vào thời điểm này, vấn đề các trường đại học ở Việt Nam nên hay không nên thực hiện phương thức đào tạo theo tín chỉ không còn được đặt ra nữa, mà thay vào đó là vấn đề phải thực hiện phương thức đào tạo theo tín chỉ như thế nào cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mỗi trường. Đây cũng là vấn đề lớn và khó đối với mỗi cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay. Để có thể thực hiện tốt công tác giảng dạy, áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ đạt hiệu quả - chất lượng cao thì trước hết ta cần hiểu thế nào là đào tạo tín chỉ; ưu điểm nổi bật của phương thức đào tạo này so với phương thức đào tạo niên chế.

Trong các tư liệu nghiên cứu, có khoảng hơn 60 định nghĩa về tín chỉ. Có định nghĩa coi trọng khía cạnh định tính, có định nghĩa coi trọng khía cạnh định lượng, có định nghĩa nhấn mạnh vào chuẩn đầu ra của sinh viên, có định nghĩa lại nhấn mạnh vào các mục tiêu của một chương trình học. Về cơ bản ta có thể hiểu *tín chỉ là đại lượng dùng để đo khối lượng kiến thức, kỹ năng của một môn học mà người học cần phải tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định thông qua các hình thức: học tập trên lớp, học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác (có sự hướng dẫn của giáo viên); và tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài...* Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng lao động của người học trong một khoảng thời gian nhất định trong những điều kiện học tập tiêu chuẩn.

Theo qui định của Bộ Giáo dục đào tạo, từ năm 2010 các trường Đại học, Cao đẳng sẽ chuyển qua đào tạo theo học chế tín chỉ. Mỗi học chế tín chỉ là mỗi môn học được lượng hóa bằng một tín chỉ. Qua đó sinh viên tích lũy dần, hoàn thành chương trình học của mình theo số tín chỉ chứ không phải lên lớp theo từng học kì, từng năm học như ở phổ thông. Đặc điểm của dạy học tín chỉ là sinh viên được chủ động tự chọn đăng kí môn học theo cấu trúc chương trình đào tạo, theo kế hoạch học tập và nhu cầu của mình.

Tín chỉ là một phương thức đào tạo có nhiều ưu thế nổi trội so với phương thức đào tạo truyền thống. Đầu tiên, đây là phương thức đưa giáo dục đại học về với đúng nghĩa của nó - với phương thức học này người học chủ yếu là tự học, tự nghiên cứu, giảm sự nhồi nhét kiến thức của người dạy và do đó phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Hơn nữa với chương trình được thiết kế có độ mềm dẻo và linh hoạt, tạo điều kiện cho người học được lựa chọn, cụ thể là chương trình bao gồm những môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và những môn học thuộc khối kiến thức cận

chuyên ngành cũng là một lợi thế của phương thức đào tạo tín chỉ so với phương thức đào tạo truyền thống. Học tín chỉ có đặc điểm là “ tích lũy tín chỉ” - sinh viên được cấp bằng khi đã tích lũy được đầy đủ số lượng tín chỉ do trường đại học quy định; do vậy, họ có thể hoàn thành những điều kiện để được cấp bằng tùy theo khả năng và nguồn lực (thời lực, tài lực, sức khỏe...) của cá nhân. Và như chúng ta biết, phương thức đào tạo theo tín chỉ hầu như đã trở thành phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Chuyển sang phương thức đào tạo theo tín chỉ sẽ tạo được sự liên thông giữa các cơ sở đào tạo đại học trong và ngoài nước. Một khi sự liên thông được mở rộng, nhiều trường đại học công nhận chất lượng đào tạo của nhau, người học có thể dễ dàng di chuyển từ trường đại học này sang học ở trường đại học kia (kể cả trong và ngoài nước) mà không gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tín chỉ. Như vậy việc áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ sẽ khuyến khích sự di chuyển của sinh viên, mở rộng sự lựa chọn học tập của họ, làm tăng độ minh bạch của hệ thống giáo dục, và giúp cho việc so sánh giữa các hệ thống giáo dục đại học trên thế giới được dễ dàng hơn. Như vậy, có thể thấy phương thức đào tạo theo tín chỉ là một phương thức mới, tiên tiến và có nhiều điểm ưu việt, đáp ứng được yêu cầu đổi mới chất lượng dạy và học ở các trường Đại học, Cao đẳng ở Việt Nam hiện nay.

2. Thảo luận nhóm - hình thức học tập có hiệu quả trong đào tạo tín chỉ

Quá trình dạy học là một quá trình trong đó chứa đựng các yếu tố cơ bản như mục tiêu dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá kết quả. Mỗi yếu tố có một vai trò nhất định tạo nên mối liên kết cơ bản của hệ thống dạy học. Vì vậy, muốn đổi mới giáo dục cần đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản đó, trong đó yếu tố hình thức tổ chức dạy học - phương pháp dạy học là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng của quá trình dạy học.

Trong quá trình dạy học, giáo viên sử dụng rất nhiều phương pháp cũng như các hình thức tổ chức dạy học tích cực để làm cho bài học, giờ học sinh động và đạt hiệu quả cao. Thảo luận nhóm cũng là một hình thức dạy học mang đầy đủ đặc điểm của phương pháp dạy học tích cực. Thảo luận nhóm là hình thức tổ chức dạy học trong đó lớp học được chia thành nhóm nhỏ để các cá nhân học sinh trong nhóm tích cực, chủ động thực hiện những nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn, điều khiển của giáo viên, học sinh ở các nhóm học tập hợp tác với nhau để giải quyết nhiệm vụ học tập chung.

Hiện nay trong các trường Đại học, Cao đẳng, phương pháp dạy học theo hình thức thảo luận nhóm đã được vận dụng khá phổ biến và bước đầu mang lại những hiệu quả nhất định. Đặc biệt khi phương thức đào tạo tín chỉ trở nên phổ biến thì việc dạy và học theo hình thức thảo luận nhóm càng phát huy được tính hiệu quả.

Xét về bản chất các phương pháp dạy học, có thể thấy rằng: nếu như phương pháp vấn đáp bản chất là hệ thống các câu hỏi, phương pháp tình huống là hệ thống các tình huống được đưa ra để giải quyết và đi tới làm rõ vấn đề... thì thảo luận nhóm - là phương pháp sử dụng trí tuệ tập thể học sinh cùng đi tìm chân lý, đây là xu hướng của phương pháp dạy học hiện đại. Bản chất của phương pháp thảo luận nhóm đó chính là hệ thống các ý tưởng được đưa ra trên cơ sở tích cực hóa hoạt động nhận thức của các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm dưới sự tổ chức, điều khiển, dẫn dắt của giáo viên.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, học tập hợp tác - thảo luận nhóm có ưu thế hơn hẳn so với học tập cạnh tranh và học tập cá nhân cả về mặt học thuật lẫn mặt giao tiếp xã hội. Mặc dù không phải là hình thức tổ chức dạy học vạn năng, song với đặc điểm riêng của mình, thảo luận nhóm có những ưu điểm đặc biệt, nổi trội so với các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, vấn đáp...) và đặc biệt phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ như hiện nay.

Đặc điểm của đào tạo tín chỉ là tiến tới việc giảm bớt giờ lên lớp lý thuyết, tăng giờ tự học, tăng tính chủ động cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển tư duy sáng tạo trong học tập – với đặc điểm này thì hình thức hợp tác nhóm khá phù hợp. Nó là một hình thức học tập trong các nhóm nhỏ với những sinh viên có khả năng khác nhau, trong đó, giáo viên sử dụng rất nhiều các hoạt động để làm tăng sự hiểu biết của họ về một vấn đề nào đó. Ngoài ra, việc tạo nhóm như vậy cho phép sinh viên làm việc cùng nhau để tối ưu hóa việc học tập của mình và của các bạn khác trong nhóm. Việc chia sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm nhỏ cũng sẽ tăng cường cơ hội tham gia của sinh viên. Khi được yêu cầu hoàn thành một công việc cùng với một người bạn học, sinh viên sẽ cảm thấy ít bị áp lực hơn khi phải tự mình hoàn thành công việc đó.

Bên cạnh đó, khi tham gia giờ học thảo luận nhóm, sinh viên có thêm nhiều cơ hội để tham gia tích cực các hoạt động học tập của mình, đặt câu hỏi và trao đổi lẫn nhau, chia sẻ, thảo luận về ý tưởng và tiếp thu kết quả học tập của mình. Cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, học tập hợp tác giúp sinh viên tham gia vào các buổi thuyết trình, xemina, thảo luận nhóm... Và điều này đã làm cho sinh viên có động lực học tập, tăng sự tự tin và sự sẻ chia trong hoạt động học tập. Đồng thời, hình thức học tập này còn giúp cho sinh viên có được nhiều cơ hội để biểu đạt và cảm thụ nội dung bài học một cách trực tiếp cũng như nhận được những phản hồi từ giáo viên và bạn bè. Có thể nói, đây cũng là biện pháp tối ưu giúp cho sinh viên phát triển và hình thành kỹ năng giao tiếp. Qua trải nghiệm học tập hợp tác sẽ hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác góp phần hiện thực hóa trụ cột trong mục đích giáo dục được Unicef đề xuất “học để chung sống với mọi người”.

Như vậy, về cơ bản phương pháp thảo luận nhóm là một phương pháp dạy học hữu hiệu, đặc biệt phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ như hiện nay. Thảo luận nhóm đã khắc phục được một số yếu điểm của các hình thức tổ chức khác, góp phần chuyển quá trình đào tạo thành quá trình “tự đào tạo”, biến người học thành nhân vật trung tâm của quá trình dạy học, quá trình đào tạo. Chính điều này tạo nên ưu thế đặc biệt của hình thức thảo luận nhóm trong phương thức đào tạo tín chỉ so với các phương pháp dạy học truyền thống khác và đưa đến hiệu quả cao trong quá trình dạy học.

Kết luận

Nhìn chung, thảo luận nhóm là một trong những phương pháp dạy học tích cực và đặc biệt hơn đây là phương pháp dạy học có hiệu quả cao trong phương thức đào tạo tín chỉ. Tuy nhiên như ta đã nói, không có phương pháp dạy học nào là vạn năng, do đó, việc lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung từng bài giảng cụ thể là công việc quan trọng của người giáo viên, cũng là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy học trong nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- 1/ Nguyễn Văn Cường, Bernd meier (2011), *Lí luận dạy học hiện đại*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- 2/ Dự án Việt – Bỉ (2001), *Tài liệu tập huấn dạy và học tích cực*, Hà Nội.
- 3/ Đặng Vũ Hoạt (chủ biên) Hà Thị Đức (2003), *Lí luận dạy học Đại học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
- 4/ Đặng Thành Hưng (2006), *Tương tác hoạt động thầy – trò trên lớp học*, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.

ỨNG DỤNG MẠNG XÃ HỘI EDMODO

ĐỂ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP

ThS. Nguyễn Thị Phương

ThS. Nguyễn Thanh Thủy

Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp

Tóm tắt

Học tập kết hợp (blended learning) là mô hình học tập mang lại hiệu quả cao cho công tác giảng dạy tại nhiều cơ sở giáo dục, phù hợp với phương pháp học tập trong cuộc cách mạng 4.0. Bài viết này giới thiệu mô hình học tập kết hợp dưới sự hỗ trợ của mạng xã hội học tập Edmodo. Việc sử dụng mô hình học tập kết hợp này sẽ mang lại hiệu quả tốt hơn trong quá trình dạy và học tại các trường Đại học, Cao đẳng trong thời đại kỷ nguyên số hiện nay.

Từ khoá: *Edmodo, blended learning, học tập trực tuyến, mạng xã hội học tập.*

Đặt vấn đề

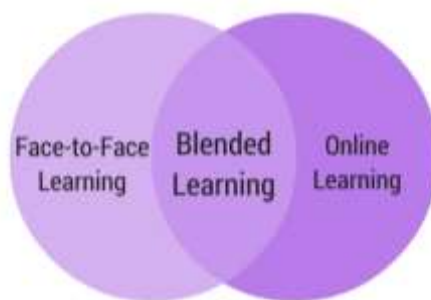
Chỉ thị 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về “về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá” đã khẳng định: “**Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác giáo dục và đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển các hình thức đào tạo từ xa phục vụ cho nhu cầu học tập của toàn xã hội**”. CNTT đang mở ra triển vọng to lớn trong việc đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học. Với mô hình đào tạo theo tín chỉ hiện nay ở các trường Đại học (ĐH), Cao đẳng (CĐ) đã góp phần chuyển biến sâu sắc từ quá trình đào tạo sẽ biến thành quá trình tự đào tạo. Chính điều này đã tạo điều kiện cho người học phát huy năng lực tự học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Trong những năm gần đây, học tập theo mô hình kết hợp đã và đang tỏ ra có ưu thế và mang lại hiệu quả lớn trong đào tạo. Bằng phương pháp học tập này, với sự hỗ trợ của CNTT, người học có thể thực hiện học mọi lúc, mọi nơi và phù hợp bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0. Đây là phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, nó giúp người học chủ động về thời gian, không gian, phát huy được tối đa những ứng dụng CNTT trong dạy học.

Nội dung

1. Khái niệm

Học tập kết hợp là phương pháp học tập hòa trộn giữa cách học truyền thống trên lớp và các giải pháp học tập trực tuyến e-learning (mobile learning và Internet learning). Đây chính là phương pháp cập nhật theo đúng xu thế học tập của rất nhiều quốc gia trên thế giới, được nghiên cứu bởi Đại học Cambridge (nước Anh) và áp dụng giảng dạy tại nhiều trường đại học danh tiếng cũng như các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp khác.



Mô hình học kết hợp

Học tập kết hợp là sự đổi mới trong ngành giáo dục, phương pháp dạy và học đối với giảng viên và sinh viên được khởi xướng vài năm gần đây trên thế giới.

Các mô hình học tập kết hợp

Mô hình mặt đối mặt (face – to – face driver): Mô hình này người học sẽ được tham gia những bài học theo trình độ đã được phân khúc. Có nghĩa là, đối với những trình độ khác nhau sẽ học tập tại những lớp khác nhau. Trong lớp học, sinh viên sẽ được phân hóa và tham gia học trực tuyến như sau:

- Những sinh viên có khả năng tiếp thu cao hơn mặt bằng trong lớp có thể học với tốc độ nhanh hơn qua các bài học trực tuyến. Điều này sẽ tránh sự nhàm chán bằng cách cho họ học nâng cao kiến thức phù hợp với khả năng tiếp thu.

- Những sinh viên mà khả năng tiếp thu thấp hơn mặt bằng của lớp họ thì sẽ nỗ lực tìm ra biện pháp thích hợp đẩy nhanh tiến độ học của họ. Phương pháp này, sinh viên có thể thực hành đến khi thành thạo các kỹ năng và đúc kết ra kỹ thuật riêng của họ, kỹ thuật này sẽ giúp họ tăng cường trí nhớ trong việc lưu lại nội dung khi được yêu cầu.

Mô hình luân phiên hay quay vòng (Rotation): Trong hình thức học tập kết hợp, sinh viên luân phiên giữa các không gian khác nhau trên một lịch trình cố định - có thể làm việc trực tuyến hoặc dành thời gian học trực tiếp với giảng viên.

Mô hình linh hoạt (Flex): Với mô hình này, tài liệu học tập chủ yếu được cung cấp trực tuyến. Mặc dù giảng viên trong lớp học cung cấp, hỗ trợ tại chỗ khi cần thiết nhưng học tập chủ yếu vẫn là tự tìm hiểu, sinh viên độc lập tìm hiểu và thực hành các

khái niệm mới trong một môi trường kỹ thuật số. Đây là mô hình phù hợp với đối tượng sinh viên vừa học vừa làm, không tham gia đầy đủ buổi học trực tiếp.

Mô hình phòng học trực tuyến (Online Lab): Mô hình này cho phép các sinh viên tham gia trường học trực tuyến toàn thời gian trong suốt khóa học. Sẽ không có các giảng viên giảng dạy trực tiếp. Tuy nhiên, thay vào đó là các trợ giảng đóng vai trò giám sát. Đây là một lựa chọn tốt trong những trường hợp sinh viên cần phải có lịch học linh hoạt, học nhanh hoặc chậm tiến so với phương pháp truyền thống.

Mô hình này thích hợp với các trường có ngân sách hạn chế không thể mở các lớp học truyền thống đáp ứng nhu cầu tất cả mọi người, hoặc do hạn chế về cơ sở vật chất hoặc không thể có đủ các giảng viên.

Mô hình Online driver : Mô hình này hoàn toàn ngược lại với mô hình học tập truyền thống. Sinh viên học tập từ xa (ví dụ, ở nhà của họ) và nhận tất cả hướng dẫn qua nền tảng trực tuyến. Thông thường, sinh viên có cơ hội “check-in” với một giảng viên của khóa học và nhắn tin hỏi trực tuyến nếu họ có thắc mắc. Mô hình này hoạt động hiệu quả đối với những đối tượng người khuyết tật gặp khó khăn khi đến trường, sinh viên đang làm thêm, sinh viên có động lực học tập cao muốn quá trình học diễn ra nhanh hơn so với học theo cách truyền thống.

Khác với phương pháp học truyền thống, phương pháp học kết hợp lấy người học làm trung tâm thay vì giảng viên. Trong cùng một tiết học, sinh viên được thay đổi các mô hình học liên tục như học ở lớp học rồi chuyển sang học ở phòng thí nghiệm và học online. Trong thời gian các một nhóm sinh viên học online giảng viên có thể hướng dẫn các sinh viên khác thực hành ở phòng thí nghiệm. Như vậy, học tập kết hợp sẽ giúp sinh viên trở nên năng động, tương tác và phát triển khả năng tự học. Phương pháp học tập kết hợp không phải là một phương pháp mới nhưng là một xu hướng mới trong các trường trên thế giới bởi áp dụng các mô hình khác nhau sẽ giúp giúp phân hoá trình độ sinh viên, cá nhân hoá việc học và giúp sinh viên làm chủ kiến thức.

2. Tổng quan về mạng xã hội học tập Edmodo

2.1. Edmodo là gì?

Theo thống kê của trang Wiki, Edmodo là một mạng xã hội học tập được kết nối rộng khắp trên thế giới với khoảng 87.4 triệu người dùng là giáo viên, học sinh, sinh viên, phụ huynh. Sử dụng Edmodo giúp cho việc dạy và học trở nên linh động, tiết kiệm và hiệu quả hơn trong thời đại công nghệ số hiện nay.

Để sử dụng Edmodo chúng ta phải tiến hành đăng nhập tại trang web <https://www.edmodo.com> . Tại đây, chọn “I’m a Teacher”, “I’m a Student” hoặc “I’m a Parent” cho phù hợp với mục đích cá nhân. Sau đó, đăng nhập Edmodo bằng tài khoản gmail, office 365 hoặc tạo mới một tài khoản trên Edmodo.

Ưu điểm của Edmodo

- + **Gắn kết** : Edmodo được thiết kế giúp học sinh hào hứng với hoạt động học tập như việc sử dụng Facebook qua việc giáo viên dễ dàng thiết kế hoạt động học tập kết hợp trong và ngoài lớp học
- + **Kết nối**: Giáo viên là trung tâm trong mạng lưới học tập nhằm kết nối học sinh, phụ huynh, nhà quản lý và các nhà xuất bản...
- + **Cá nhân hóa**: Cung cấp các ứng dụng dễ dùng, hấp dẫn giúp tích hợp vào nội dung môn học qua đó cá nhân hóa quá trình học tập của mỗi học sinh.
- + **Đánh giá**: Edmodo giúp việc theo dõi tiến bộ học tập của học sinh trở nên dễ dàng hơn: có thể giao bài tập, thiết kế câu hỏi chắc nhiệm, lấy ý kiến, cho người học đánh giá chéo...
- + **Là mạng xã hội**, nơi mà người dùng, cả giáo viên, học sinh và phụ huynh có thể tham gia các nhóm thảo luận cũng như chia sẻ tài nguyên chung với các thành viên khác.

2.2. Các tính năng của Edmodo

2.2.1. Chia sẻ tài nguyên không giới hạn

Đối với giảng viên và học sinh hiện nay, một trong những thách thức lớn nhất là việc chia sẻ tài nguyên, tài liệu học tập qua mạng giúp học sinh có thể chủ động học tập ở nhà và tiết kiệm chi phí in ấn, photo. Tuy nhiên, giảng viên thường gửi bài qua email hoặc tải tài liệu lên các nền tảng ứng dụng khác nhau như dropbox, mediafire...và không thể quản lý tài nguyên đó một cách hệ thống, khoa học. Tuy nhiên, khi sử dụng ứng dụng edmodo, giáo viên và học sinh có thể:

- Đính kèm và chia sẻ các tài liệu dưới nhiều định dạng khác nhau như Word, PDF, MP3, MP4, .wmv, .mov, PPT, excel, .gif, .jpeg...
- Giáo viên (GV) và Học sinh sinh viên (HSSV) có thể chia sẻ đồng thời nhiều tài nguyên với các định dạng khác nhau cùng một lúc khi giao bài tập, yêu cầu HSSV tự học thêm ở nhà hay gửi bài cho các em đọc tài liệu, xem video bài giảng trước mỗi bài học.
- Giáo viên và học sinh có thể chia sẻ đồng thời nhiều tài nguyên với các định dạng khác nhau cùng một lúc khi giao bài tập, yêu cầu học sinh tự học thêm ở nhà hay gửi bài cho học sinh đọc tài liệu, xem video bài giảng trước mỗi bài học.

Với các chức năng trên, mạng Edmodo phù hợp với các mô hình học tập hỗn hợp ở trên.

2.2.2. Cộng tác hiệu quả

Edmodo là mạng xã hội được thiết kế dành riêng cho lĩnh vực giáo dục, do vậy hoạt động cộng tác, giao tiếp giữa GV với HSSV và HSSV với HSSV được hỗ trợ tối đa

- **Lớp học Edmodo:** Chúng ta có thể tạo lớp, nhóm giúp cán bộ GV và HSSV chia sẻ tài nguyên, các ý tưởng về hoạt động dạy và học.
- **Nhóm Edmodo nhỏ:** Trong các lớp/nhóm học, có thể tạo ra các nhóm nhỏ giúp cho việc thảo luận, chia sẻ trong từng nhóm nhỏ được dễ dàng hơn qua đó chỉ GV và HSSV nhóm đó có thể truy cập thông tin. Tính năng này rất phù hợp cho hoạt động lập kế hoạch, triển khai các đề án ngôn ngữ của HSSV hoặc các nhóm học tập của các thành viên theo mô hình câu lạc bộ.
- **Cộng đồng:** Bên cạnh việc tạo nhóm, còn có thể tạo một mạng lưới rộng hơn cho từng trường để chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng Edmodo cho phép mã nhúng đa dạng từ các ứng dụng khác như Voice Thread giúp GV có thể dạy nói, chia sẻ video trên TED hay Youtube để bổ sung nội dung học tập trên lớp.

2.2.3. Đẩy mạnh hoạt động dạy và học

Edmodo cho phép GV tích hợp đa dạng công cụ và ứng dụng trong quá trình dạy học trên lớp qua các công cụ như lấy ý kiến đánh giá với chức năng **polls** yêu cầu sinh viên trả lời câu hỏi hay làm bài trắc nghiệm với **quizzes**, thảo luận, thông báo tin tức với chức năng **post**, và trao đổi hay chia sẻ tài nguyên học tập miễn phí trên mạng với cách chia sẻ liên kết hay tải dữ liệu trực tiếp.

2.2.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Tính năng giao bài: GV có thể giao bài tập (assignments) rất dễ dàng, đồng thời có thể gửi kèm theo cho sinh viên tài liệu, tài nguyên, trang web,... giúp sinh viên có thể hoàn thành bài tập đó. Với chức năng **assignment** trong Edmodo, GV có thể đưa ra thời gian hoàn thành cho mỗi bài tập, trong trường hợp HSSV thiếu kỷ luật thì sẽ không thể nộp bài quá hạn hoặc GV cho phép nộp bài muộn thì hệ thống sẽ thông báo cho những sinh viên nộp muộn qua đó GV có thể cho đánh giá chính xác ý thức, cũng như mức độ hiểu của HSSV. Việc chấm bài đã nộp của người học được thực hiện bằng cách GV nhận bài làm và cho điểm, gửi phản hồi bằng chữ hoặc bằng số và GV có thể xuất định dạng khác nhau để tải về máy. Khi đã có điểm, HSSV sẽ nhận được thông báo và có thể xem điểm, xem phản hồi về bài làm của mình hoặc khiếu nại kết quả cho GV. Tất cả hoạt động này diễn ra độc lập của mỗi HSSV, đảm bảo tính riêng tư.

Sử dụng Quizzes: Edmodo hỗ trợ nhiều dạng câu hỏi khác nhau như câu hỏi lựa chọn, đúng sai, câu trả lời ngắn, ghép cặp và điền vào ô trống. Ngoài ra trừ câu hỏi yêu cầu câu trả lời ngắn, tất cả câu hỏi khác đều được chấm tự động và điểm của sinh viên

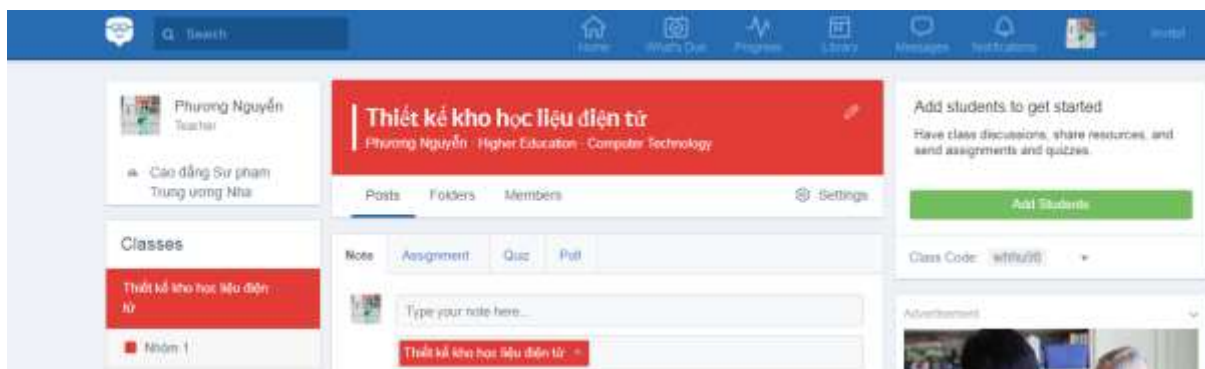
sẽ được cập nhật vào hệ thống. Do vậy, GV sẽ tiết kiệm được thời gian triển khai đánh giá học sinh, giờ đây chỉ ra đề và xem điểm.

Sử dụng Badges: Để khuyến khích HSSV, GV không chỉ chấm điểm và nhận xét. Sử dụng tính năng badgrs của Edmodo, GV có thể thể hiện sự ghi nhận tiên bộ, nỗ lực, cam kết của HSSV bằng các danh hiệu có sẵn hoặc tự tạo như “HSSV chăm chỉ”, “HSSV tích cực”, ...

3. Triển khai học tập hỗn hợp dưới sự trợ giúp của mạng xã hội Edmodo

Để triển khai được học tập kết hợp có hiệu quả thì cả giảng viên và sinh viên đều phải cùng nhau hợp tác và sử dụng mô hình học tập này. Giảng viên là người chủ động đề xuất phương pháp, phương tiện, xây dựng hệ thống bài giảng trực tiếp hỗ trợ học tập. Sinh viên cần tích cực tự giác học theo chỉ dẫn của giảng viên. Có thể thực hiện theo tiến trình kết hợp giữa học tập trên lớp và học tập trực tuyến như sau:

- Học tập trên lớp học truyền thống (hình thức face to face) GV sẽ trao đổi với sinh viên những nội dung quan trọng, giải đáp một số thắc mắc cho người học tại chỗ.
- Học tập trực tuyến, GV và SV sẽ:
 - o Đăng nhập tài khoản Edmodo dưới vai trò giáo viên (Có thể dùng luôn tài khoản gmail hoặc office 365 để đăng nhập)
 - o Giáo viên tạo các lớp học trên Edmodo
 - o Gửi mã lớp học tới học viên
 - o Học viên đăng nhập vào Edmodo với vai trò Sinh viên và nhập mã lớp GV đã cung cấp
 - o Giảng viên thiết kế các bài giảng điện tử, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài tập thực hành, video, hình ảnh...sau đó chia sẻ cho sinh viên
 - o Sinh viên vào nhóm lớp học tập, lấy tài nguyên học tập và trao đổi với GV nếu có thắc mắc
 - o GV gửi bài tập cho lớp và ra hạn nộp bài bằng chức năng Assignment của Edmodo
 - o GV chấm bài và cho điểm trực tiếp cho người học
 - o GV xây dựng các câu hỏi kiểm tra quizz và gửi cho lớp làm bài
 - o Trao đổi thông tin về nhóm lớp và theo dõi sự tiến bộ của người học bằng chức năng Progress...



* *Ưu điểm của mô hình học tập kết hợp*

Blended learning mang đến những hiệu quả tích cực trong quá trình học tập của cả người dạy và người học.

Tính tương tác cao: Mô hình học tập đem đến sự tương tác cao giữa sinh viên, giảng viên và hệ thống, giữa việc học trên lớp & học ngoài giờ. Cùng với hệ thống đánh giá thông qua các bài kiểm tra định kỳ, giảng viên sẽ biết được sinh viên đang gặp vướng mắc ở đâu, mức độ tiếp thu của họ ở buổi học trực tiếp, từ đó kịp thời đưa ra sự tư vấn hỗ trợ kịp thời.

Tính chủ động: Mô hình hệ thống hóa toàn bộ tài liệu, kiến thức, thông tin cập nhật, giúp sinh viên chủ động tìm kiếm các nguồn dữ liệu cần thiết trong quá trình ôn tập và cải thiện kiến thức. Rất dễ dàng, người học chỉ cần đăng nhập vào hệ thống, lựa chọn bài học phù hợp & tận hưởng kho dữ liệu cực kỳ phong phú đã được biên soạn và hệ thống khoa học. Ngoài ra người học còn chủ động trong việc chọn thời gian tự học

Tính trách nhiệm & bắt buộc: Sinh viên cần phải nghiêm túc và thực sự phát huy sự tự giác khi tham gia vào các lớp học. Sinh viên có thể sẽ gặp bối cảnh ban đầu, nhưng trong một thời gian ngắn, phương pháp này sẽ tạo thói quen học tập rất chủ động & trách nhiệm.

Kết luận

Học tập hỗn hợp là một mô hình học tập hiệu quả, giúp người học có thể chủ động học mọi lúc, mọi nơi, phù hợp sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0. Để triển khai mô hình học tập này thành công, cần phải có các giải pháp ứng dụng CNTT, cơ sở hạ tầng mạng phù hợp với bối cảnh hiện tại của từng trường và có định hướng cho tương lai. Đồng thời cũng cần phải có sự cố gắng nỗ lực đổi mới phương pháp dạy-học từ phía giảng viên, sinh viên và sự vào cuộc của các bộ môn, các khoa, các phòng ban dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy-Ban Giám hiệu Nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Nguyên Hương (2017), *Ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai mô hình học tập kết hợp tại trường cao đẳng sư phạm trung ương*, Tập san thông tin Khoa học-Giáo dục, tháng 11, năm 2017.
- [2]. Phùng Văn Huy (2014), *Giảng dạy và Thực hành ngoại ngữ với mạng xã hội Edmodo*.
- [3]. <https://alokiddy.com.vn>
- [4].<https://ub.edu.vn/blended-learning-su-ket-hop-hoan-hao-giua-hoc-tren-lop-va-hoc-online.html>
- [5]. <https://astar.edu.vn/tin-tuc/blended-learning-phuong-phap-hoc-tap-hon-hop/>

MỘT VÀI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH, THỰC TẬP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

ThS. Ninh Thị Huyền

Khoa Giáo dục Mầm non

Tóm tắt

Thực hành sư phạm, thực tập tốt nghiệp chiếm một số lượng tín chỉ khá lớn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hướng dẫn thực hành, thực tập cho sinh viên mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, trẻ mầm non, giáo viên mầm non và giảng viên trường đoàn. Bài viết giới thiệu một số kinh nghiệm thực tiễn của tác giả trong quá trình hướng dẫn thực hành, thực tập cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

Từ khóa: Công nghệ thông tin (CNTT), thực hành thực tập (THTT).

Nội dung

1. Khái niệm về Công nghệ thông tin

Theo Nghị quyết của Chính phủ số 49/CP về phát triển CNTT ở nước ta trong năm 90: “CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông - nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội”.

CNTT (IT - Information Technology) là một thuật ngữ bao gồm tất cả các nhóm ngành công nghệ (sử dụng hệ thống máy tính, phần mềm, và mạng lưới Internet) được sử dụng cho việc xử lý và phân phối dữ liệu, lưu trữ, trao đổi và sử dụng thông tin dưới tất cả các hình thức dữ liệu (dữ liệu kinh doanh, tin đàm thoại, hình ảnh, phim, các bài thuyết trình đa phương tiện, và các hình thức khác). Với những tính năng đó, thông qua các phần mềm và hệ thống các phương tiện kỹ thuật, CNTT đã và đang mang lại sự hỗ trợ vô cùng đắc lực cho việc dạy học và đổi mới phương pháp dạy học ở Việt Nam nói chung và tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương nói riêng. Hình thức ứng dụng CNTT vào dạy học tại nhà trường rất phong phú, không chỉ cho những hoạt động dạy học trong trường mà còn cho cả hoạt động hướng dẫn thực hành, thực tập tại các trường mầm non.

2. Mục tiêu THTT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Mục tiêu THPT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non bao gồm:

- Sinh viên có hiểu biết về: Cơ sở giáo dục, địa phương nơi sinh viên THPT.
- củng cố các kiến thức đã học, bước đầu biết vận dụng vào các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, đặc biệt vận dụng kiến thức tâm lý, giáo dục một cách linh hoạt, mềm dẻo vào việc giải quyết các nhiệm vụ môn học. Qua đó bồi dưỡng lòng yêu nghề, mến trẻ, có thái độ thân thiện, hòa nhã trong giáo tiếp ứng xử và chủ động, tự giác trong việc rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ.

Với những mục tiêu trên, giảng viên hướng dẫn đoàn THPT có nhiệm vụ quan trọng là quản lý (phát triển tính kỉ luật, chủ động, tích cực) và hướng dẫn (rèn năng lực nghề nghiệp từ lập kế hoạch, thực hiện và tự nhận xét, đánh giá trong quá trình THPT). Có thể ứng dụng CNTT vào những nhiệm vụ cụ thể này.

3. Một số ứng dụng CNTT trong hướng dẫn THPT cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

3.1. Tạo lập nhóm trên mạng xã hội để trao đổi thông tin trong đoàn

Ngay từ buổi đầu tiên họp đoàn THPT, giảng viên nên chỉ đạo để sinh viên tạo các nhóm kín Zalo và Facebook để trao đổi thông tin của toàn đoàn. Giảng viên cùng sinh viên xây dựng những quy định chung của nhóm:

- Bảo mật quyền riêng tư của nhóm;
- Có ý thức xây dựng tập thể;
- Số lần truy cập tối thiểu và các thời điểm truy cập mỗi ngày;
- Phải thể hiện sự tương tác và hạn chế những thông tin cá nhân, thông tin không cần thiết.

Khi chưa sử dụng nhóm kín, giảng viên hướng dẫn phải họp mặt đoàn thực tập mỗi tuần để rút kinh nghiệm và triển khai kế hoạch cho tuần tới. Việc sử dụng các nhóm mạng xã hội giúp giảng viên hướng dẫn và sinh viên kịp thời trao đổi được các thông tin hơn đồng giảm được số lần họp mặt. Điều này rất quan trọng đối với sinh viên. Thời gian nghỉ ngơi mỗi ngày của sinh viên tại trường mầm non rất ngắn và sinh viên trong cùng một lớp THPT lại không được nghỉ cùng nhau.

3.2. Lập và điều chỉnh kế hoạch thực tập linh hoạt trên Google doc

Theo truyền thống, mỗi sinh viên tự lập kế hoạch THPT của cá nhân; trưởng mỗi nhóm (2 – 4 sinh viên) lập kế hoạch cho nhóm; phó trưởng đoàn THPT dựa vào kế hoạch của các nhóm để tổng hợp nên kế hoạch toàn đoàn. Sau khi có kế hoạch toàn đoàn, các nhóm, cá nhân sinh viên kiểm tra lại và giảng viên gửi kế hoạch về bộ phận quản lý THPT của khoa và ban giám hiệu trường mầm non. Công việc lập kế hoạch diễn

ra mất 01 tuần và rất khó khăn để báo cáo mỗi khi có sự điều chỉnh (do những nguyên nhân của trường mầm non hoặc của sinh viên).

Ứng dụng Google doc giúp sinh viên chủ động viết và kiểm tra kế hoạch cá nhân trong kế hoạch chung của đoàn. Việc lập kế hoạch chỉ mất 01 ngày. Kế hoạch và sự điều chỉnh của nó được cập nhật tới giảng viên hướng dẫn, bộ phận quản lí THPT của khoa và ban giám hiệu trường mầm non ngay khi sinh viên điều chỉnh.

3.3. Nộp và duyệt giáo án kịp thời qua Email, Zalo, Messenger

Trong thực tế hướng dẫn THPT, từ nhiều nguyên nhân khác nhau một số lượng không nhỏ sinh viên không chuẩn bị giáo án không đúng tiến độ. Ví dụ: giáo án được giáo viên mầm non hướng dẫn duyệt quá gần ngày dạy, giáo án chưa kịp sửa sau duyệt thậm chí còn chưa được duyệt trước khi lên lớp. Bằng cách kiểm tra trực tiếp, dù cố gắng thế nào nhưng với thời gian ít ỏi trước mỗi hoạt động của trẻ thì giảng viên vẫn không thể nắm được hết sinh viên đã chuẩn bị tốt giáo án, đồ dùng cho các hoạt động hay không.

Nhưng bằng cách giảng viên yêu cầu sinh viên chụp và gửi ảnh giáo án, đồ dùng dạy học ngay khi được duyệt thì giảng viên nắm rất rõ sự chuẩn bị và chất lượng giáo án, đồ dùng của sinh viên để từ đó góp ý, khích lệ, nhắc nhở kịp thời. Sinh viên buộc phải tự nâng cao tính tự giác, chủ động trong THPT.

3.4. Sinh viên tự quay và nộp video THPT kèm theo bản nhận xét

Một nhiệm vụ quan trọng của giảng viên hướng dẫn THPT là dự giờ chăm sóc, giáo dục của sinh viên rồi sau đó nhận xét, đánh giá. Với cách làm truyền thống, ngày giảng viên chỉ làm việc được vài sinh viên. Đặc biệt, khi có giảng viên dự giờ, sinh viên bị căng thẳng, trẻ mầm non không giữ được sự tự nhiên vốn có nên ảnh hưởng lớn đến việc nhận xét, rút kinh nghiệm cho sinh viên. Nhiều sinh viên sau giờ dự đã không nhớ nổi các hoạt động của bản thân, của trẻ trong giờ học và phần lớn sinh viên không tự nhận xét được giờ THPT của mình.

Việc yêu cầu sinh viên quay video giờ dạy của mình giúp loại bỏ được sự có mặt của giảng viên trong lớp, giảm sự căng thẳng cho sinh viên và giữ được sự tự nhiên cho trẻ. Điều quan trọng hơn nữa là sau giờ THPT, sinh viên có thể cùng bạn, cùng giáo viên mầm non, cùng giảng viên xem đi xem lại hoạt động của mình và trẻ để thảo luận nhận xét, rút kinh nghiệm. Ngoài ra, khi giảng viên yêu cầu sinh viên quay lại và nộp video cùng bản tự nhận xét giờ THPT sẽ khiến sinh viên phải nỗ lực trong mọi hoạt động (giống như giảng viên luôn có mặt dự giờ tất cả các hoạt động của mọi sinh viên trong đoàn).

Kết luận

CNTT đã được ứng dụng và đem lại nhiều hiệu quả tích cực trong giáo dục đào tạo. Hướng dẫn sinh viên THPT là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đào tạo của khoa Giáo dục Mầm non. Trong quá trình công tác, tôi đã cố gắng ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng hướng dẫn: tạo nhóm trao đổi thông tin chung (Zalo, Facebook); lập và điều chỉnh kế hoạch qua Google doc; chụp và nộp ảnh giáo án, đồ dùng; quay và nộp video cùng bản nhận xét. Với nhận định của cá nhân, việc ứng dụng CNTT này đã tác động lớn tới ý thức của sinh viên (tăng tính tự giác, tích cực), tạo cơ hội học tập nhiều hơn cho sinh viên (hợp tác trong nhóm, tự nhận xét và rút kinh nghiệm).

Tuy vậy, trên đây mới chỉ là kinh nghiệm và nhận định cá nhân nên cần được nghiên cứu, kiểm chứng. Ứng dụng CNTT vào dạy học rất phong phú và liên tục đổi mới nên rất mong được sự chia sẻ và góp ý của đồng nghiệp và bạn đọc.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nghị quyết số 49/CP của Chính phủ ngày 04/08/1993 về phát triển CNTT ở nước ta trong những năm 90.
- [2]. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non năm 2018 – 2019, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.